

NGUYỄN VĂN TRUNG

**HÀNH TRÌNH
TRÍ THỨC** của



KARL MARX

TỦ SÁCH
NGHIÊN CỨU
XÃ HỘI

nam sơn xuất bản

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời nói đầu

Khi cuốn “Tìm Hiểu Triết Học Karl Marx” của ông Trần văn Toàn ra đời, nhà xuất bản đã tưởng phải lâu năm mới tiêu thụ hết hai nghìn cuốn. Nhưng điều không ngờ là sau vài tháng, cuốn sách đã được tái bản. Chắc nhiều độc giả không khỏi thất vọng vì cuốn sách khó đọc, vì tác giả đã dùng một ngôn ngữ triết lý, chuyên môn để trình bày một triết học vốn đã khó hiểu. Nhưng sự kiện trên phải chăng biểu lộ một ước muốn tìm hiểu thực sự sự thực. Từ lâu, rất ít có những sách báo trình bày chủ nghĩa Mác với một tinh thần đáng cho những người, nhất là giới thanh niên, ham học hỏi, ước muốn tìm hiểu thực sự sự thực có thể tin tưởng được.

Có một thái độ chống Cộng, chỉ nghĩ đến việc chống, chỉ “hùng hục” chống mà không muốn hay không cho ai tìm hiểu Cộng-sản như thể sợ tìm hiểu sẽ không chống Cộng được nữa, và nếu buộc phải nói tới lý thuyết, thì cũng chỉ lập lại một vài lời kết án hay tuyên bố chủ nghĩa Mác-xít đã lỗi thời rồi...

Thái độ đó thiết tưởng cũng cần được tìm hiểu tại sao bị qui định bởi những mặc cảm sợ hãi nào.

*

*

*

Thực ra chủ nghĩa Mác chưa lỗi thời, phong trào Cộng-sản chưa trở thành một sự kiện lịch sử đã qua vì phong trào Cộng-sản vẫn đang làm lịch sử và trên bình diện tư tưởng, chủ nghĩa Mác vẫn công hiến một số phạm trù, lược đồ xác đáng để lãnh hội và phân tách những thực tại chính trị, xã hội, văn hóa. Sự kiện một số người đồ đệ biến chủ nghĩa Mác thành giáo điều, cố định, ngưng động, nghèo nàn, “kinh viện” theo kiểu nói của E. Mounier có lẽ đã chứng minh phần nào chủ trương của những người coi chủ nghĩa Mác là lỗi thời. Nhưng còn chính tư tưởng của MARX? Một người như Sartre đã đi đến chỗ nhìn nhận chủ nghĩa hiện sinh của mình chỉ là một vùng của chủ nghĩa Mác, chỉ là một nỗ lực làm sống động, cụ thể hóa những lược đồ, ý niệm mác-xít, một triết lý độc nhất của thời đại ta, thì dù có không đồng ý với lập trường đó, cũng không thể không suy nghĩ về thái độ của Sartre.[1]

*

* *

Trước chủ nghĩa Mác, có thể tìm hiểu chủ nghĩa Mác là gì, Mác chủ trương những gì, duy vật, vô thần là gì. Nhưng cũng có thể tìm hiểu tại sao Mác đã chủ trương duy vật, vô thần, tại sao một người đã đi đến chỗ theo chủ nghĩa Mác.

Chúng tôi theo lối tìm hiểu thứ hai, vì cho rằng chỉ lối tìm hiểu đó mới có thể không những đưa tới một sự hiểu biết chân thực về chủ nghĩa Mác, mà còn đưa tới một thái độ xác đáng đối với chủ nghĩa trên.

Những nỗ lực phân tách, suy nghĩ của chúng tôi trong cuốn sách này chỉ hạn định vào việc tìm hiểu điều mà chúng tôi gọi là “Hành trình tri thức của Karl-Marx”.

Chúng tôi muốn trở về nguồn gốc tư tưởng của Mác, để tìm hiểu khởi điểm dự phóng căn bản của ông, cái đã đưa ông đến chỗ chủ trương duy vật hay vô thần... và nhận định phê phán ông căn cứ vào khởi điểm, dự phóng căn bản đó.

Dự phóng căn bản của Mác là muốn đi tới cùng, cái triệt để, đồng thời muốn bao quát cái toàn thể. Nhưng vấn đề là có thể đạt tới cái triệt để, cái toàn thể, thực hiện được cái tuyệt đối hay đó chỉ là một ảo tưởng. Nếu chủ nghĩa Mác có những ảo tưởng, những ảo tưởng đó gắn liền với dự phóng căn bản của chính Mác.

Một đặc điểm của Mác là thái độ phê phán; phê phán đến tận cùng, phê phán phê phán hay là phê phán những ảo tưởng phê phán của lối phê phán sắc mùi đạo đức hay lý thuyết suông... Có thể nói một yếu tính của chủ nghĩa Mác là tinh thần phê phán triệt để. Nhưng trong thực tiễn, chủ nghĩa Mác đôi khi lại biến thành giáo điều mệnh lệnh, một uy quyền cấm đoán mọi phê phán. Nếu Mác còn sống, có thể bị kết án là theo chủ nghĩa xét lại không! Nhưng chính Mác có trách nhiệm về những mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tiễn Mác-xít?

Đó là một vài điểm chúng tôi muốn tìm hiểu. Chúng tôi không dám cho rằng mình hiểu đúng vì chính những người tự nhận là Mác-xít cũng còn không nhìn nhận nhau đã hiểu đúng Mác-xít. Nhưng vấn đề Mác-xít không phải chỉ là một vấn đề của người Mác-xít, mà là một vấn đề của thời đại, liên quan đến số phận của dân tộc, của cả nhân loại. Do đó, mỗi người đi đến chủ nghĩa đó với những cố gắng tìm hiểu chân thành và trung thực, mà lúc này, bây giờ mình tưởng là đúng trong một tinh thần luôn luôn xét lại, và sẵn sàng đón nhận những sự thực lúc này, bây giờ chưa khám phá ra.

Chú thích:

[1] Xem Critique de la Raison dialectique. Phần 1. Questions de méthode. J.P. Sartre. Gallimard 1966.

1.- Những sách viết về cuộc đời Marx tương đối ít. Một số cuốn giá trị được chú ý hơn cả là :

Karl-Marx, sa vie et son oeuvre. Auguste Cornu. Alcan. Paris 1934.

Karl-Marx et Friedrich Engels mới ra được 2 tomes của Aug. Cornu. P.U.F

Karl-Marx của Isaïh Berlin bản tiếng Anh. Oxford Univ. 1952, bản tiếng Pháp trong Collection de poche Indées. Gallimard 1962.

Karl-Marx, Geschile seines Lebens của Franz Mehring. Leipzig. 1918 có bản dịch tiếng Anh.

Karl-Marx, của B. Nicholaiesweski và O. Maenchen-Helphen, bản dịch tiếng Pháp, Paris 1937.

Karl-Marx, essai de biographie intellectuelle. M. Rubel. Paris 1957

Trong phần giới thiệu cuộc đời Marx tôi đã theo cuốn của Nicholaiesweski và M. Helphen vì đó là

cuốn khá đầy đủ, rất nhiều chi tiết nhất là về cuộc đời tranh đấu chính trị của Marx.

2.- Về hai bản kê khai tác phẩm và lược tóm cuộc đời, vì cũng không thể làm đầy đủ hơn được, nên tôi đã trích lại của M. Rubel trong *Pages choisies pour une éthique socialiste, Introduction à l'éthique marxienne*. Paris 1948 do một số sinh viên của chứng chỉ lịch sử Triết học Tây phương những niên khóa 1964-65 và 65-66 dịch.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mấy nhận xét nhập đề

“Có một điều chắc chắn là tôi không phải là người Mác-xít”

Mác viết cho P. Lafargue

Trước khi đi vào chủ nghĩa Mác tôi thấy cần thiết phải giải đáp một vài thắc mắc đặc biệt - hình như người ta không thể tìm hiểu chủ nghĩa Mác như tìm hiểu các học thuyết khác, với một thái độ nghiên cứu thông thường. Nói cách khác, triết học Mác-xít có những đặc điểm riêng biệt mà các triết học khác không có.

Khi đề cập đến Hegel[1], chúng ta đã đặc biệt chú ý đến tham vọng bao quát tổng hợp của nhà triết học vĩ đại này. Hegel muốn chấm dứt lịch sử triết học với hệ thống triết lý của mình, bằng cách chắp những tìm đặt vị trí cho những triết học đã có từ xưa đến Hegel trong hệ thống của ông, mà còn tiên đoán sắp xếp những triết học sẽ có trong hệ thống đó nữa. Khác, tổng hợp của Hegel không phải chỉ bao trùm lịch sử triết học, mà còn bao quát toàn thể lịch sử nhân loại, nhằm trình bày ý nghĩa phát sinh và diễn tiến của mọi sinh hoạt chính trị, xã hội luân lý, nghệ thuật của con người.

Nhưng hệ thống bao quát tổng hợp của Hegel chỉ là một giải thích có tính cách lý thuyết, một cắt nghĩa mạch lạc như một tri thức (un savoir) mà người ta có thể tìm hiểu với một thái độ nghiên cứu như bất cứ nghiên cứu một học thuyết nào.

Trái lại triết học Mác không phải chỉ là một tri thức thuần túy nhằm giải thích, cắt nghĩa, mà còn chủ yếu nhằm biến đổi, nghĩa là có một mục đích thực tiễn

“Các triết gia mới chỉ cắt nghĩa cuộc đời một cách khác nhau, vấn đề là phải biến đổi nó đi” (Luận đề về Feuerbach).

Có mục đích thực tiễn, không phải là gạt bỏ lý thuyết, tri thức, vì suốt đời Mác vẫn nỗ lực không ngừng suy nghĩ, nhưng là gạt bỏ lý thuyết không kèm theo hành động, gạt bỏ tri thức suông, ly dị với đời sống thực tế hằng ngày. Thực tiễn ở đây là một thực tiễn cách mạng nhằm thay đổi một tình trạng đang có bằng một lý tưởng thế nào cũng phải vươn tới. Những biến đổi cách mạng không phải còn đang là dự định nhưng là đang được thực hiện, như một phong trào, một tổ chức có tính cách quốc tế.

Trước một chủ nghĩa gắn liền với hoạt động tranh đấu cách mạng như triết học Mác, không thể có thái độ bàng quan, lãnh đạm, đứng ngoài. Nó đòi hỏi, bó buộc người ta phải xác định một thái độ căn cứ vào một lựa chọn. Trước hết, triết học Mác là một tổng hợp bao quát. Do đó, chính nó đã xác định cho bạn một chỗ đứng, một vị trí, dĩ nhiên là theo quan điểm của nó.

Vậy bạn chỉ có thể hoặc là chấp nhận vị trí nó xác định cho bạn, hoặc chống lại, từ chối. Nhưng chắc chắn bạn không thể không phản ứng, không thể không lựa chọn vì triết học Mác chủ yếu là một thực tiễn cách mạng. Nó phân đôi thế giới không những ở trên bình diện nhận thức, mà còn cả trên bình diện xã hội, và nỗ lực tranh đấu tiến tới chỗ thống nhất, thực hiện lý thuyết tổng hợp bằng cách tiêu diệt chấm dứt những lực lượng đối lập đã gây ra tình trạng phân đôi. Do đó, bạn không đứng trước một lý thuyết mà là đứng trước những người đã chọn lý thuyết đó và quyết tâm thực hiện bằng tranh đấu cách mạng. Đặc điểm của chủ nghĩa Mác là người ta không thể theo nó như một tri thức, nhưng như một phong trào tranh đấu. Do đó trở thành mác-xít không phải là tuyên bố theo một chủ nghĩa mà chủ yếu là tham dự tích cực vào một cuộc vận động lịch sử như P. Hervé đã nói : “Chủ nghĩa Mác không phải chỉ là một lý thuyết triết học, nhưng đối với chúng tôi chính là một phong trào”[2], và đây là một phong trào quần chúng vì chủ nghĩa Mác xuất hiện như một lợi khí tranh đấu của vô sản chống lại sự áp bức của tư bản. Cuộc tranh đua đó vẫn đang tiếp diễn và bành trướng khắp thế giới. Nó đi tới đâu, buộc nơi đó phải phản ứng, phân tán, tranh chấp, đôi khi một cách quyết liệt. Do đó, vấn đề tiên quyết đặt ra khi có dự định tìm hiểu chủ nghĩa Mác là phải đứng ở vị trí nào để tìm hiểu chủ nghĩa đó. Có thể đứng ở ngoài với một thái độ vô tư khách quan không? Người ta có cảm tưởng thực khó đứng ở cương vị vô tư khách quan để tìm hiểu chủ nghĩa Mác. Như đã nói ở trên, chủ nghĩa Mác là một cuộc vận động lịch sử còn đang tiến hành, chứ không phải là một sự kiện lịch sử đã qua. Người nghiên cứu cũng đang sống trong thời kỳ cộng-sản làm lịch sử, trong giai đoạn thách thức lịch sử của cộng-sản. Do đó, chủ nghĩa Mác thiết yếu liên quan chặt chẽ đến người nghiên cứu và đòi hỏi họ phải xác định một lập trường. Không phải một lập trường thuần túy trí thức, mà còn phải là một lập trường tranh đấu. Theo Mác-xít, là theo một phong trào tranh đấu, thì chống lại Mác-xít cũng là chống bằng một tranh đấu. Trong cuộc tranh chấp, đối lập giữa hai phong trào, cộng-sản và chống cộng-sản, giả thử bạn có làm ra vẻ khách quan vô tư, không xác định lập trường, chỉ đứng ở bình diện nhận thức, thì việc làm vô tư đó cũng đem lại những tác dụng khách quan có lợi hay hại cho một phe trong hai phe đối lập. Chẳng hạn bạn nhận điểm nào đó của chủ nghĩa Mác là đúng, thì sự xác định đó khách quan có lợi cho phe Cộng-sản, và ngược lại bạn phê phán điểm nào đó, hoặc toàn bộ chủ nghĩa Mác là sai, thì dù bạn không tích cực chống đối Cộng-sản bằng hành động, việc phê phán của bạn khách quan có lợi cho phe chống cộng và khách quan cũng kể như đứng ở phe chống Cộng. Chủ nghĩa Mác là một chủ nghĩa mà người ta không thể đứng trước được mà phải chọn lựa hoặc ở trong hoặc ở ngoài nó mà thôi.

*

* *

Hiện nay, ở nhiều nơi trên thế giới, sự bó buộc lựa chọn đúng về một phe có tính cách triệt để dứt khoát. Đã theo một bên, thì theo hẳn và theo cả. Hoặc coi lập trường mình theo như chân lý toàn diện tuyệt đối, hoặc chỉ coi lập trường đó đúng về căn bản mà có thể sai lầm thiếu sót nhiều về cục bộ, nhưng vẫn chấp nhận nó một cách dứt khoát. Đôi bên bị phân cách bằng những màn tre màn sắt rõ rệt.

Nhưng cũng có một vài nơi, chẳng hạn ở Âu châu, biên giới phân cách giữa cộng-sản và chống cộng-sản không rõ rệt, hoặc hơn nữa, không có biên giới phân cách. Do đó có thể có những lập trường không dứt khoát cả hay không... Một số người (đặc biệt là trí thức) nhận định rằng có thể chấp nhận chủ nghĩa Mác như một lý tưởng tranh đấu cách mạng, nhưng lại từ chối không vào đảng, vì cho rằng những tổ chức, lề lối tranh đấu của đảng không phù hợp với phong độ trí thức, với chính lý tưởng cách mạng mác-xít. Những người đó cũng nhận định rằng không thể chấp nhận được lập trường chống Cộng.

Nó dựa trên một ý thức hệ sai lầm, bất chính, nhưng vẫn thừa nhận một vài lỗi sông của xã hội chống cộng đó (tự do phê phán, dân chủ trong cư xử lãnh đạo, v..v...)

Họ không theo hẵn Cộng-sản, mà chỉ thiên Cộng, vì nếu theo hẵn, chẳng khác nào chấp nhận mà còn củng cố thêm những sai lầm, khuyết điểm của Cộng-sản (độc tài, đảng trị, thủ đoạn gian dối). Nhưng cũng không thể chống cộng hẵn, vì cộng-sản đối với họ vẫn là một lý tưởng cách mạng chính đáng và đảng cộng-sản thực sự cũng tiêu biểu cho lý tưởng cách mạng đó, tuy nhiên vì không theo hẵn, nên vẫn có sự chống đối về những điểm nêu ở trên.

Đó là một thái độ có thể có được trên lý thuyết, nhưng hầu như bế tắc trong thực tế tranh đấu, vì những người chủ trương không theo hẵn, không chống hẵn cộng-sản, cũng coi thái độ đó là một lập trường tranh đấu, một tư tưởng dân thân trước những biến cố nhất định của thời cuộc. Chính vì thế mà thái độ: “gần đảng, bên đảng nhưng không bao giờ ở trong đảng” rất khó thực hiện hay thực hiện một cách hiệu nghiệm. Chẳng hạn trước những trại tập trung ở Liên-xô. Những người thiên tả[3] kiểu nhóm “Thời mới” (Les Temps Modernes) như Sartre, Merleau-Ponty, hay nhóm “Tinh thần” của Mounier, không thể không lên tiếng phản đối một hành động trái ngược với lý tưởng cách mạng. Nhưng họ cũng không thể phản đối như những người chống cộng nhằm tiêu diệt cộng-sản vì coi cộng-sản là thù địch. Không thể không lên tiếng, nhưng lên tiếng thì lại tạo cơ cho phe chống cộng biện hộ quan điểm chống cộng của họ, nghĩa là làm lợi cho họ... Nỗi khó khăn ở tại những người này không biết phải đứng ở vị trí nào để hành động. Nếu ở trong đảng, thì không thể lên tiếng phê phán được vì không thể có đối lập trong đảng. Vậy phải ở ngoài đảng và do đó có thể lên tiếng phê phán được. Nhưng đối lập ở ngoài đảng thì chỉ có thể làm lợi cho phe chống cộng mà chẳng gây được tác dụng gì trên đảng, vì sự phê phán là lời nói suông không dựa trên một lực lượng nào. Lực lượng quần chúng đứng sau đảng. Do đó chỉ trích đảng cũng là chỉ trích quần chúng đứng đằng sau đảng. “Mũi tên nhắm vào đảng đụng chạm tới xương thịt hy vọng của những kẻ tuyệt vọng và làm sút mẻ sức mạnh của đạo binh im lặng”[4]. Không thể đi với Đảng, không thể chống lại Đảng, nhưng cũng không thể làm được gì nếu không có quần chúng; mà những người trí thức khuynh tả trên không có quần chúng được tổ chức. Do đó lập trường của họ thật bế tắc. Tuy nhiên ở một vài nước Âu châu, lập trường không theo hẵn, không chống hẵn, không ở trong cũng không ở ngoài của một số người “khuynh tả” đã có thể có, ít ra là trên bình diện nhận thức hay tranh đấu bằng ngòi bút. Nhưng dĩ nhiên trường hợp đó chỉ có thể ở những nước chưa cộng-sản, nghĩa là những nước cộng-sản chưa nắm chính quyền. Lý tưởng về một lập trường vượt cả cộng-sản lẫn chống cộng-sản cho đến nay vẫn chưa nơi nào thực hiện được. Vì đã có rất nhiều nỗ lực vượt cộng-sản (dépassement) (vượt theo nghĩa của Hegel, chứ không phải chống) nhưng chỉ mới ở bình diện nhận thức, chưa chuyển sang thành vận động lịch sử. Do đó, trong khi chưa có một cuộc vận động lịch sử vượt cộng-sản - hoặc do những người không cộng-sản, hay do chính những người cộng-sản làm - mọi phê bình ở ngoài cộng-sản đều có vẻ vô nghiệm. Cộng-sản vẫn tiến và không vì phê bình mà chịu lùi bước. Cho dù phê bình đó biến thành hành động chống đối, nhưng nếu chỉ là một chống đối tiêu cực, chống cộng như chống một hậu quả, thì cũng là vô nghiệm; càng vô nghiệm hơn nữa, nếu lại chống cộng bằng cách làm cho trầm trọng thêm những nguyên nhân đưa đến cộng-sản. Cộng-sản không phải là một vấn đề, nhưng xuất hiện như một giải pháp cho một sự kiện lịch sử khách quan. Đó là sự áp bức chính trị, tình trạng bất công xã hội do chế độ tư bản, đế quốc, thực dân phong kiến đẻ ra. Chủ nghĩa Mác không phải tự nhiên từ trên trời rơi xuống, nhưng xuất phát từ những hoàn cảnh văn hóa, chính trị xã hội nhất định vào thế kỷ XIX ở nước Đức. Mác cũng không bịa ra chế độ tư bản đế quốc. Do đó thật là lầm lẫn nếu chỉ nhằm chống cộng như một hậu quả của những đòi hỏi lịch sử trên, càng nhằm lẫn hơn nếu chống cộng bằng cách làm cho những nguyên nhân gây nên hậu quả (bất

công xã hội, bóc lột kinh tế .v.v...) trở nên trầm trọng[5].

Một vài nhận xét trên cho thấy: không thể tìm hiểu chủ nghĩa Mác với một thái độ vô tư, khách quan. Vì người nghiên cứu ở trong cuộc vận động lịch sử còn đang tiến diễn của chủ nghĩa đó. Do đó bó buộc phải lựa chọn và xác định lập trường, không những về nhận thức mà cả thực tiễn tranh đấu nữa.

*

Chúng ta ở trong lịch sử, cũng như ở trong cuộc. Không thể tách khỏi lịch sử, đứng ngoài cuộc, để có thái độ khách quan, theo nghĩa vô tư, lãnh đạm trước một vấn đề không dính líu gì đến mình.

Nếu không thể tách khỏi lịch sử, thì vấn đề không phải là khách quan không có thái độ mà chỉ là vấn đề lựa chọn thái độ này hay thái độ kia. Mác thường tố cáo tính cách ảo tưởng, tự lừa dối của những thái độ mệnh danh là “khách quan” trước lịch sử, trong xã hội.

Vậy trước chủ nghĩa Mác, trước phong trào cộng-sản không thể không có thái độ và có thái độ cũng không thoát khỏi hai thái độ: chống hoặc theo.

Tuy nhiên trước khi xác định thái độ, cần giải quyết một vấn đề thuộc nhận thức: chủ nghĩa Mác là đúng hay sai! Vì chống hay theo Mác-xít đã hẳn tùy ở quan điểm coi chủ nghĩa Mác là chân lý hay là sai lầm. Nhưng có thể nhận định đúng, xác thực về chủ nghĩa Mác là đúng hay sai không, vì có thể nhận định sai khi cho chủ nghĩa Mác là đúng, hoặc nhận định đúng khi cho chủ nghĩa Mác là sai. Nói cách khác, nếu không thể khách quan về lựa chọn thái độ, thì có thể khách quan về nhận thức chủ nghĩa Mác được không; nghĩa là có thể có một nhận thức khách quan, vô tư về chủ nghĩa Mác không?

Phải thú thực khó khách quan, vô tư về nhận thức đối với chủ nghĩa Mác, càng khó hơn đối với phong trào Cộng-sản, là hiện thân của lý thuyết mác-xít trong lịch sử.

Chẳng hạn những thiên kiến về tôn giáo, giáo dục, tư tưởng và nhất là những quyền lợi giai cấp thường là những nguyên nhân chính ngăn chặn một nhận thức khách quan về chủ nghĩa Mác.

Người ta có thể chống cộng nhân danh những lý tưởng cao cả: bảo vệ tự do, quyền tư hữu, nhân phẩm v.v... đôi khi một cách chân thành nhưng thực ra chỉ để bảo vệ những quyền lợi bất chính đã kiếm được hay sẽ kiếm được nhờ một xã hội bất công, một xã hội mà chủ nghĩa Mác nhằm kết án và phong trào cộng-sản nhằm tiêu diệt...

Hoặc người ta khó có thể bình tĩnh, khách quan khi nói tới cộng-sản vì những thù ghét cá nhân, gia đình đôi khi rất chính đáng; chẳng hạn trong gia đình có người bị cộng-sản giết một cách dã man, oan uổng.

Hoặc người ta dựa vào kinh nghiệm bản thân để phán đoán cộng-sản, và hơn nữa còn coi kinh nghiệm bản thân là nền tảng quyền nhận định về cộng sản, như thể người không bao giờ sống với cộng sản không có quyền và do đó không thể nhận định đúng về cộng-sản được.

Thiết tưởng dựa vào kinh nghiệm bản thân để rút ra một thái độ cho mình đối với cộng-sản là quyền của mỗi người, nhưng để rút ra một thái độ cho những người khác như thể nhận thức của mình có một

giá trị tổng quát, thì e rằng quá vội vàng và do đó có thể “chủ quan” nghĩa là lệch lạc, nghĩa là “sai lầm”, vì một đảng kinh nghiệm cá nhân không thể đủ nhận định bao quát, và toàn diện về một thực tại phức tạp, một trào lưu rộng lớn như chủ nghĩa cộng-sản; đảng khác nhận thức về cộng-sản, dựa vào kinh nghiệm bản thân, thực ra chỉ là nhận thức về cộng-sản của một hoàn cảnh nhất định, một thời kỳ nhất định (chẳng hạn cộng sản Việt nam, hồi 1945) chứ không phải toàn bộ phong trào cộng-sản thế giới và sau cùng, nhận thức về cộng-sản dựa vào kinh nghiệm bản thân còn bao hàm cộng-sản như một chủ nghĩa không thay đổi trong khi sự thực, cộng-sản thay đổi cả về lý thuyết cả về tranh đấu lịch sử (cộng-sản thời Mác khác cộng-sản thời cách mạng 1917, khác cộng-sản Liên-xô thời Kroutchev)[6]. Do đó không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm bản thân sống với cộng sản trong một thời kỳ, một hoàn cảnh nhất định để đưa ra một nhận thức về cộng-sản được coi như có giá trị phổ biến và hoàn tất cho mọi người; nhất là càng không thể coi kinh nghiệm bản thân như là điều kiện độc nhất và đầy đủ để nhận thức chính xác về cộng-sản.

Nói cho công bình, đã sống với cộng sản là có điều kiện lý tưởng (nhưng không phải là độc nhất, đầy đủ) để hiểu cộng-sản, nhưng lại có cái nguy hiểm: dễ chủ quan lệch lạc, vì quyền lợi bị va chạm, vì đã là nạn nhân oan uổng, ức hiếp...

Chưa sống với cộng-sản, có thể giữ được cái nhìn thanh bình hơn nhưng lại dễ rơi vào khuyết điểm chỉ nhìn cộng sản trên bình diện lý thuyết.

Do đó nhận định về cộng-sản mà chỉ căn cứ vào lý thuyết cũng như chỉ dựa vào kinh nghiệm bản thân đều có thể lệch lạc, chủ quan, phiếm diện...

Thiết tưởng thái độ chính đáng hơn cả là căn cứ vào lý thuyết nhưng luôn luôn đối chiếu với thực tế, và trong viễn tượng đó, người không có kinh nghiệm sống với cộng-sản phải cố gắng nhìn vào thực tế cộng-sản, dựa vào kinh nghiệm bản thân của người khác, và người có kinh nghiệm bản thân, phải cố gắng vượt khỏi kinh nghiệm bản thân để có thể tiến tới một cái nhìn khách quan hơn, bao quát hơn.

Nói cách khác, trước khi tìm hiểu Mác-xít, và muốn khách quan, phải tự kiểm thảo để tự giải thoát khỏi những thiên kiến, nhận định chủ quan, dựa vào quyền lợi tư riêng dù là quyền lợi chính đáng, phải tự phân tâm nếu cần, để thanh toán những mặc cảm sợ sệt vô thức, thường là nguồn gốc những thái độ chống cộng say mê và mù quáng, để có điều kiện tiến tới một cái nhìn xác thực hơn về cộng sản. Những đòi hỏi đó càng cần thiết khi nhân danh tìm hiểu cho những người khác và nhất là để có thái độ hiệu nghiệm đối với cộng-sản, vì theo cộng-sản mà không hiểu đúng cộng-sản cũng như chống cộng mà lại chống thứ cộng theo mình hiểu lầm, chứ không phải là theo những sự thực của nó, đều không đi đến đâu cả.

Muốn có thái độ khách quan khi nhận thức về cộng-sản cũng còn cần có can đảm nhìn nhận sự thực, mặc dù sự thật đó do Mác nói lên, vì nhìn nhận sự thực do Mác nói lên, thì đó không phải là nhìn nhận mác-xít mà chỉ là nhìn nhận chân lý. Không có chân lý tư bản, hay chân lý mác-xít. Chỉ có chân lý. Nếu mác-xít phản ánh chân lý thì không thể chống lại mác-xít vì nó là chân lý; ngược lại, nếu mác-xít không phản ánh chân lý, thì muốn giữ gìn bảo vệ nó cũng không được. Tự nó sự sai lầm của một phong trào sẽ bị sức mạnh tiêu biểu cho sự thực, hoặc từ bên ngoài, hoặc bên trong đánh đổ.

Sau những chú thích cần thiết trên, đặt vấn đề tìm hiểu Mác, để nhằm xác định một thái độ đối với chủ nghĩa Mác, đối với phong trào cộng-sản thế giới, và sau cùng, với chế độ cộng-sản ở Việt

Trong dự định tìm hiểu Mác ở đây, chúng tôi không có tham vọng trình bày toàn diện chủ nghĩa Mác với những duy vật sử quan, duy vật biện chứng vô thần, hay với những quan điểm về kinh tế, chính trị, chiến lược đường lối đấu tranh...mà chỉ giới hạn vào một điểm này thôi: tìm hiểu điều mà chúng tôi gọi là “Dự phóng nền tảng của Mác”

Dự phóng này là một ý hướng nhằm giải thoát con người, toàn thể nhân loại, do đó bao hàm tính chất nhân bản. Ở nguồn gốc, khởi điểm của chủ nghĩa Mác là một nhận thức, và hơn nữa là một tình tự về con người bị “vong thân” trong chế độ tư bản. Nói “con người” chứ không nói riêng con người vô sản. Vì trong chế độ tư bản không những người vô sản bị “vong thân” mà cả người trưởng giả, tư bản cũng bị vong thân. Nói về sự vong thân của con người trong chế độ tư bản, Mác viết: “Đó là sự thua thiệt hoàn toàn của con người”.

Vậy vấn đề là tìm hiểu “dự phóng nền tảng” của Mác đã đưa Mác đến chỗ thiết lập những chủ nghĩa duy vật vô thần như thế nào và tại sao. Vì đã hẳn không thể hiểu được những chủ nghĩa, những quan niệm và những đường lối tranh đấu của Mác nếu không ngược dòng trở về nguồn gốc những chủ nghĩa, quan điểm, đường lối, đó là dự phóng nền tảng của Mác. Ngoài “dự phóng nền tảng”, còn lối nhìn độc đáo của Mác nghĩa là một cách đặt vấn đề, một phương pháp phân tích, giải quyết vấn đề. Thiết tưởng đó là hai điều then chốt, như chìa khóa mở cửa đưa vào việc tìm hiểu những chủ nghĩa, lý thuyết Mác chủ trương. Nhưng nếu có những điểm không đồng ý với Mác thì nguồn gốc cũng ở tại những điều mà chúng tôi gọi là lưỡng tính của chủ nghĩa Mác, nghĩa là những mâu thuẫn, hàm hồ giữa dự phóng nền tảng, phương pháp phân tách với những chủ trương quan điểm, đường lối, chủ nghĩa.

Tuy nhiên, không thể tìm hiểu và nhận định về mác-xít mà lại bỏ qua cuộc đời và con người Mác. Vì ở nơi Mác, nhận thức gắn liền với tranh đấu, hay nói cách khác, chính Mác đã gắn liền cuộc đời của mình vào những mục tiêu tranh đấu mà Mác đã nhận thức và tin tưởng là chân lý.

Do đó, tìm hiểu cuộc đời Mác là tìm hiểu chủ nghĩa Mác, phong trào cộng-sản. Và đó là một cuộc đời đáng phục. Người ta có thể không đồng ý về điểm nọ điểm kia trong những chủ trương lý thuyết của Mác, nhưng khi đọc đời sống của Mác, nhìn con người Mác sống và tranh đấu, không thể không coi Mác là người “công chính” hay yêu chuộng sự công chính.

*

Tập biên khảo này có hai phần.

Phần I : Giới thiệu sơ lược cuộc đời Marx và suy nghĩ về cuộc đời đó

Phần II : Tìm hiểu dự phóng nền tảng, phương pháp của Marx và những lưỡng tính của chủ nghĩa Marx (chú thích của người đánh máy: tập II này đã không được xuất bản).

*

Chú thích:

[1] Xem tài liệu in Ronéo Triết Học Đức sau Kant: Fichte, Shelling, Hegel, dành riêng cho chứng chỉ Lịch sử Triết Học Tây phương, Trường Đại Học Văn Khoa Saigon. Tập biên khảo về Marx này cũng rút ra từ những tài liệu giảng dạy trong chứng chỉ trên.

[2] Les Catholiques et le socialisme – báo Action 2-4-1945

[3] Xem “Những tình bạn dang dở” của tác giả trong số báo “Văn 17” đặc biệt về J. P. Sartre.

[4] E. Mounier, tạp chí ESPRIT, 1946, trang 167.

[5] Xem thêm “Từ sự thất bại của các đảng phái quốc gia đến sự phá sản của tầng lớp trưởng giả thành thị..” của tác giả: Hành Trình số 1.

[6] Chẳng hạn có thể đọc le Marxisme en Union Soviétique của Linh mục Henri Chambre. E. du Seuil 1955, khảo sát sự biến thiên của chủ nghĩa Marx từ 1917 đến bây giờ ở Nga như thế nào về mọi phương diện, gia đình, pháp lý, nhà nước, tôn giáo v.v... hoàn toàn căn cứ vào tài liệu Liên-xô trong một tinh thần nghiên cứu khoa học khách quan.

[7] Về những lập trường cụ thể này, tuy chúng tôi chưa có dịp trình bày thành một hệ thống mạch lạc, những nét chính đã được phác họa trong các bài nghiên cứu ở tạp chí Hành Trình.

Phần I. Con người và cuộc đời

*"Một người có thể sống trong một xó
lều ở Luân Đôn và phải tiết kiệm từng
xu để có thể mua một vé xem kịch
không phải là một người duy vật theo
nghĩa trường giả của danh từ".*

Karl Stern

Đời sống của Mác có một ý nghĩa đặc biệt trong sinh hoạt tư tưởng của Mác. Khác hẳn với nhiều học giả triết gia, Mác không phải là một người suy tưởng ở trong phòng, một giáo sư giảng dạy hay chỉ là một nhà tư tưởng “dấn thân” vào tranh đấu bằng ngòi bút, nhưng là một người hoạt động cách mạng bằng đấu tranh chính trị thực sự, ông suy tưởng để hoạt động, làm cách mạng và do đó suy tưởng cũng bắt nguồn từ đấu tranh cách mạng như một đòi hỏi cần thiết phải đề ra một đường lối, một phương châm hoạt động và một mục tiêu nhằm đạt tới.

Chính vì thế mà không thể hiểu được tư tưởng Mác nếu không hiểu con người, cuộc đời tranh đấu của Mác, vì tư tưởng của ông gắn liền với hoạt động, phản ánh trung thành những lập trường chính trị của ông trước thời cuộc, lịch sử.

Tìm hiểu đời sống của Mác, không phải như tìm hiểu đời sống của những nhà tư tưởng triết gia khác, để thấy được một bầu không khí, một ảnh hưởng vào đời sống tư tưởng, nhưng còn cho thấy sự diễn biến về tư tưởng của Mác, được đánh dấu bằng những bài vở, thư từ, sách báo, và hơn nữa sự diễn biến của chính phong trào cộng sản thuở ban đầu song song với những giai đoạn cuộc đời của Mác.

Một lý do khác minh chứng sự cần thiết tìm hiểu cuộc đời của Mác là giá trị sư phạm của một giáo huấn bằng chính cuộc đời của mình. Tìm hiểu đời sống của Mác, là tìm hiểu những thái độ cụ thể của Mác trước thời cuộc, những thái độ cư xử, đối phó hay lãnh đạo của người sáng lập ra chủ nghĩa Mác; đó là những bài học rút từ kinh nghiệm sống động của vị sáng lập để có thể nhận định thế nào là một thái độ đích thực của một người mác xít trước vấn đề nhận thức, trong việc cư xử với các đồng chí, lãnh đạo phong trào v.v...

Nói cách khác, tìm hiểu Mác, là tìm hiểu đời sống của một người mác xít, một người cộng sản gương mẫu. Biết được những thái độ của Mác và nếu đem đối chiếu với thái độ của những đồ đệ, người ta sẽ có thể ngạc nhiên khi thấy đôi khi thái độ của đồ đệ không phù hợp với thái độ của vị thầy trước cùng một hoàn cảnh, một trường hợp tương tự.

Chính vì thế mà người ta thấy nhiều người tự xưng là đồ đệ của Mác, hình như ít để ý đến chính

cuộc đời của Mác mà chỉ nghiên cứu mác xít qua sách vở tư tưởng, đôi khi lại chỉ qua sách vở, tư tưởng trích dẫn và giới thiệu theo lăng kính của một người khác. Người ta in nhiều tác phẩm của Mác, chú thích bình giảng tư tưởng, nhưng hình như ít chú trọng xuất bản những cuốn giới thiệu chính đời sống của Mác.

Phải chăng vì sợ lộ tẩy những thái độ cụ thể mâu thuẫn với thái độ của Mác, mà người ta không muốn chú trọng tới việc giới thiệu, trình bày cuộc đời Mác như một bài học sống thực, một chỉ đạo linh động?

Khi nói thái độ cụ thể của Mác, không nên hiểu là thái độ thực tiễn tách rời khỏi đường lối, nhận định lý thuyết, mà là dựa vào đường lối, lý thuyết, xuất phát từ những nguyên tắc lý thuyết và phản ánh những nguyên tắc đó. Chính vì thế mà những thái độ cụ thể của Mác vừa mặc một giả trí sự phạm, gương mẫu, vừa có một tầm quan trọng thuyết lý. Đặc điểm của chủ nghĩa Mác là “tri hành” hợp nhất. Hoạt động gắn liền với lý thuyết và lý thuyết chỉ đạo hành động. Do đó tiêu chuẩn phê phán của mác xít là: Hành động và hiệu nghiệm. Vấn đề không phải là có lý thuyết hay, nguyên tắc đẹp, nhưng là thiết thực lý thuyết và nguyên tắc có được thực hiện trong tác phong tổ chức, chế lập, trong những tương quan giữa người với người hay không.

Mác xít thường căn cứ vào tiêu chuẩn đó mà phê phán những học thuyết đạo đức chỉ hay đẹp trên nguyên tắc, và dở xấu trong thực tế là những chủ nghĩa hình thức, có tích cách bịp bợm, giả dối. Mác xít cũng không ngại áp dụng tiêu chuẩn đó cho chính mình và vẫn tự phụ hoạt động của họ gắn liền với đường lối lý thuyết.

Do đó, cần tìm hiểu những thái độ cụ thể của Mác. Chẳng hạn người ta sẽ thấy Mác vừa chống lại khuynh hướng “không tưởng” phác họa những viễn ảnh thật đẹp, nhưng không phù hợp với thực tế, vừa chống lại khuynh hướng “hiếu động” mù quáng theo tình cảm, quảng đại mà không dựa vào những phân tích nghiêm chỉnh. Hoặc trong lối cư xử, lãnh đạo, chống thái độ độc đoán giáo điều, dùng uy quyền mà bắt buộc vâng phục, đề cao thái độ tìm kiếm, coi chủ nghĩa không phải như một giáo lý thần thánh, mà chỉ là một phương pháp phân tích, hành động. Đã có lần Mác nói: “Tôi không phải là người mác xít” để chống lại thái độ giáo điều cứng nhắc, câu nệ một cách máy móc vào nguyên tắc, và thiếu óc phê bình, căn cứ vào thực tiễn. Đi sát quần chúng, phục vụ quần chúng, nhưng không theo đuôi, xu nịnh quần chúng. Cần thiết có đảng, nhưng không coi đảng như một đàn cừu chỉ biết vâng theo một lãnh tụ cách biệt dù là tài ba nổi tiếng, hoặc ngược lại bình dân quá lộ để cho quần chúng coi thường. Trong một thư gửi cho Marx, Engels đã nhắc đến điều đó khi “Liên đoàn” (La Ligue) cộng sản còn rất ấu trĩ đang gặp khủng hoảng: “chúng ta tìm đến một đảng làm gì? Chúng ta, những người trốn tránh những quan niệm chính thức như dịch hạch, đối với chúng ta, đảng là cái quái gì, và chúng ta là những người nhỏ vào sự bình dân, và chúng ta sẽ nghi ngờ chính chúng ta khi chúng ta bắt đầu được tiếng là bình dân - một đảng à, nghĩa là một đàn lừa nguyên rửa chúng ta vì họ tưởng ta như họ”. (Thư ngày 13-2-1851)

Chống sùng bái cá nhân, suy tôn lãnh tụ, “Mác đã khuyên chúng tôi không bao giờ nên theo những cá nhân, nhưng bao giờ cũng chỉ nên nghĩ đến một lý tưởng và phê phán nhân danh lý tưởng đó. Ông nói: Liebknecht, Schweitzer là gì đối với các anh, cá nhân tôi nữa cũng không phải là gì cả, chỉ có lý tưởng mà thôi - đó là chân lý”. (trích báo cáo của Hamann, chủ tịch một phái đoàn nghiệp đoàn).

Tìm hiểu đời sống của Mác còn rất cần thiết để có thể xác định đúng đắn, ý nghĩa thực sự chủ

nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác là một khoa học (kinh tế học, chính trị học...) hay là một triết học? Mác là một nhà bác học hay là một chiến sĩ xã hội? Hầu hết những nhà lý thuyết của Đệ nhị quốc tế cộng sản và sau đó của nhà nước Xô viết như Kautsky, Hilferding, Plekanof, Boukharine, Staline...) đều hiểu chủ nghĩa Mác, đặc biệt là duy vật biện chứng, như một lý thuyết khoa học khách quan gồm những định luật về sự phát triển và diễn tiến của xã hội, một lý thuyết tương tự như những lý thuyết khoa học chỉ khác về đối tượng và một vài đặc điểm của xã hội không thể phủ nhận được. Đó là một khuynh hướng giới thiệu Mác như một nhà bác học, về kinh tế, chính trị học mà tác phẩm nổi tiếng là bộ “*Tư bản luận*”. Gần đây Pierre Naville, một người mác xít, đã trình bày và bênh vực một luận án ở Sorbonne về Mác là một nhà bác học chứ không phải một nhà triết học[1]. Nghiên cứu về nguồn gốc và sự hình thành ý niệm căn lao trong tư tưởng Mác, Naville nhận thấy Mác, bằng những tác phẩm hầu hết đều bắt đầu: “*Phê bình về*” (*Critique de*) hoặc “*Phê bình phê bình*” (*Critique de la critique*) bỏ dần dần lý luận dựa vào những ý niệm triết học, để đi tới một lập luận hoàn toàn dựa vào những ý niệm khoa học. Nói cách khác, Mác dần dần bỏ những công thức mơ hồ, do ảnh hưởng của Hegel còn rớt lại, để diễn tả thực tế xã hội bằng những công thức rõ rệt, có tính chất toán học, nghĩa là có thể đo lường được thực tế. Do đó, tư tưởng của Mác đích thực là một tư tưởng khoa học, sau khi đã phủ nhận triết học chỉ là một giai đoạn cần phải vượt qua. Điều đáng chú ý là toàn ban giám khảo (G. Gurvitch, J. Hyppolite, R. Aron) đều chủ trương ngược lại: coi Mác chủ yếu là một nhà triết học.

Khuynh hướng này không những gồm những người ở trong đảng Cộng sản, mà còn có những người không phải cộng sản chủ trương. Cuộc tranh luận bắt đầu từ khi người ta khám phá và xuất bản những tác phẩm thời trẻ tuổi của Mác, đặc biệt tài liệu mang tên: “*Bản thảo kinh tế học và triết học*”.

Những người chủ trương Mác - nhà bác học, và chủ nghĩa Mác - một lý thuyết khoa học đều chỉ dựa vào những tác phẩm thời trưởng thành, đặc biệt bộ *Tư bản luận*. Họ cho rằng Mác đích thực là mác xít là Mác thời trưởng thành; còn Mác thời trẻ tuổi chưa phải là mác xít vì tư tưởng lúc đó chưa gột rửa được những ảnh hưởng duy tâm nói chung, và ảnh hưởng Hegel nói riêng. Cho nên không thể công nhận những tác phẩm “*còn do những bệnh tuổi trẻ*” (*pêché de Jeunesse*) tạo ra, (có tính chất tiền khoa học (*préscientifique*)) là những tác phẩm phản ánh chủ nghĩa Mác chính thức được. Sự gạt bỏ những tác phẩm thời trẻ tuổi cũng kèm thêm sự phủ nhận Hegel. Vì Mác thời trưởng thành là Mác đã gạt hết ảnh hưởng duy tâm, nên giữa một Mác khoa học với Hegel duy tâm, có sự đối lập, mâu thuẫn hoàn toàn, một bên là tiến bộ, một bên là phản động. Mác thời trưởng thành phủ nhận Mác thời trẻ tuổi, nghĩa là cũng phủ nhận Hegel, vì thời trẻ tuổi còn chịu ảnh hưởng Hegel; do đó không cần chú ý tới Hegel làm gì khi nghiên cứu tư tưởng Mác thời trưởng thành, là tư tưởng mác xít chính thức.

Trái lại những người mác xít như G. Lukacs, Korsch, A Cornu hay không mác xít như Hyppolite, Kojève, Merleau-Ponty v.v... lại đề cao những tác phẩm thời trẻ tuổi. Những tác phẩm thời trẻ tuổi hầu hết đều là triết lý, và dựa vào những khái niệm căn bản như: Vong thân (*aliénation*), thực tiễn (*Praxis*), toàn thể (*totalité*) mà trước khi xuất bản những tác phẩm đó, không hề thấy nói đến trong tư tưởng mác xít chính cống. Nghiên cứu những tác phẩm thời trẻ tuổi, người ta thấy Mác xuất hiện với khuôn mặt một triết gia cách mạng, một chiến sĩ cách mạng mà những tư tưởng thâm nhuần tính chất nhân loại, nhân bản. Đọc Mác thời trẻ tuổi, người ta cảm thấy một cái gì như một lý tưởng, một ngọn lửa tha thiết, một nhiệt tình cách mạng lôi kéo người ta vượt khỏi những phân tích để thông cảm trong những tình tự nhân loại (thù ghét bất công, yêu quý công chính, xúc động trước những tình cảnh phi nhân, vong thân của con người và tha thiết với công cuộc giải phóng con người - một tư tưởng khoa học bao giờ cũng lãnh đạm với tình tự nhân loại- vì nó là khách quan vô ngã).

Nói cách khác, mác xít không phải chỉ là một khoa học, nhưng là một triết học, một nhân bản, và tính chất nhân bản không phải chỉ thấy trong tác phẩm thời trẻ tuổi, mà cả trong “Tư bản luận” như Hyppolite đã nhận xét với một vẻ trách móc lập luận của P. Naville: “Tất cả tính chất cách mạng của Mác mất dần khi ông minh chứng Mác là một nhà bác học. Với ông, chúng tôi thấy Mác là một nhà xã hội thực nghiệm tài giỏi mà chúng ta phải tiếp tục sự nghiệp, nhưng còn mọi cái khác đều biến mất cả. Ông đã cắt xén gọt bỏ tất cả những đoạn cách mạng của cuốn Tư bản”. Khám phá và phục hồi những tác phẩm thời trẻ tuổi của Mác tất nhiên không thể không phục hồi Hegel, vì những khái niệm căn bản trên (vong thân...) Mác lấy lại của Hegel. Do đó nảy ra phong trào chủ nghĩa Hegel mới (néo-hégélianisme) nhằm tìm hiểu Hegel để hiểu Mác rõ hơn, vì có một liên tục giữa Hegel với Mác và giữa Mác thời trẻ tuổi với Mác thời trưởng thành.

Khuynh hướng này bị khuynh hướng “chính thống” chủ trương chỉ công nhận Mác thời trưởng thành kết án và loại trừ. Shdanov, một tay thông ngôn lý thuyết của Staline quả quyết phê bình cuốn “Lịch sử triết học tây phương” của Alexandrov: “Mác và Engels đã sáng tạo một triết lý mới khác biệt về phẩm chất (qualitativement) với mọi hệ thống trước”.

Sự khác biệt thiết yếu về phẩm chất theo Shdanov và khuynh hướng Staline, không phải ở chỗ Mác cho rằng đã tìm thấy trong vô sản và thực tiễn cách mạng (praxis révolutionnaire) một khởi điểm “thực hiện” triết học, mà là ở chỗ biến triết học thành khoa học. Do đó chủ nghĩa Mác trở thành một cái gì tựa như triết học thực nghiệm kiểu Auguste Comte.

Shdanov dứt khoát khẳng định: “Vấn đề triết học Hegel đã giải quyết xong từ lâu”. Do đó kẻ nào còn trở lại thì chỉ có nghĩa là nhằm chống lại chủ nghĩa Mác: “Sự trở về triết học Hegel chỉ là một tấn công tuyệt vọng chống lại Mác dưới hình thức của chủ nghĩa xét lại có tính chất făt-xít”. Josef Schleifstein, một tay “sta-li-niêng” khác cũng tuyên bố gọt bỏ Mác trẻ tuổi vì chưa phải là một “mác-xít”.

“Bằng cách giản lược tương quan giữa Mác và Hegel vào tập “Bản thảo về kinh tế triết học” (Manuscripts économie-philosophie), vào những phạm trù như phóng thể (Entausserung) vong thân (Entfremdung) đã giữ một vai trò quan trọng trong thời kỳ hình thành chủ nghĩa Mác, nhưng không phản ánh tất cả nội dung chủ nghĩa đó, người ta đã cố tình củng cố cảm tưởng có một sự gần gũi trực tiếp giữa Hegel và Mác, và điều kiện trên tạo cái vẻ bề ngoài theo đó hầu hết tất cả những vấn đề của chủ nghĩa Mác đều đã được dự thảo trong triết học Hegel hay đã tiềm tàng trong triết học đó”.

Do đó nhấn mạnh vào sự quan trọng của Mác trẻ tuổi, tức là tiếp tay cho khuynh hướng trưởng giả muốn biến Mác thành một Hegel mà thôi.

“Không thể ngăn chặn được sự tấn công đó và những nỗ lực phản động gắn liền với sự tấn công trên để hạ thấp giá trị sản phẩm khoa học của Mác... nếu người mác-xít chỉ để ý tới khởi điểm triết học Mác, đến nguồn gốc tinh thần của nó, chứ không để ý đến kết quả chủ nghĩa và các phạm trù biện chứng của triết học Mác với tất cả thành phần cấu tạo của nó, nếu họ không mang toàn thể học thuyết Mác- Lenin đối chọi với triết học Hegel và không minh chứng tính chất cao đẳng của vũ trụ quan theo khoa học mác xít vượt hẳn triết học Hegel”.

Người ta chú ý lập luận của Schleifstein: để chống lại khuynh hướng đề cao Mác trẻ tuổi, Schleifstein chỉ yêu cầu người mác xít mang toàn thể học thuyết Mác-Lenin, mang những thành quả

phạm trù khoa học của Mác trưởng thành ra để đối chọi, bằng cách gạt bỏ tư tưởng thời trẻ tuổi. Tại sao Schleifstein không yêu cầu các người Mác xít xét lại một cách triệt để Mác trẻ tuổi để chống lại khuynh hướng đề cao, mà chỉ chống lại bằng cách gạt bỏ vấn đề. Thực ra đề cao Mác trẻ tuổi và sao nhãng Mác trưởng thành là sai lầm và ngược lại cũng nhằm nốt.

Tư tưởng của Mác không bắt đầu từ “Tư bản luận” sau khi đã phủ nhận những tác phẩm trước; ngược lại, tư tưởng của Mác cũng không phải đã “tự phản bội” khi chuyển sang diễn tả bằng ngôn ngữ khoa học như thể có một đứt quãng giữa hai thời kỳ: sự thực có một liên tục trong sự diễn tiến của tư tưởng Mác. Do đó, muốn tìm hiểu Mác phải tìm hiểu toàn thể triết học Mác, và do đó tìm hiểu thời tuổi trẻ, chỉ là để hiểu sâu xa hơn, đích thực hơn, thời trưởng thành. Sở dĩ có liên tục là vì có thống nhất trong tư tưởng của Mác. Sự thống nhất này được biểu lộ trong một vài hướng đi nền tảng có tính chất nhân bản triết lý chỉ đạo toàn bộ chủ nghĩa Mác, nghĩa là bao hàm như căn bản trong mọi công trình khảo sát có tính cách triết lý hay khoa học, (kinh tế, chính trị). Cái nền căn bản đó Mác không bao giờ phủ nhận như Jean Hyppolite đã chứng minh[2]. Nói cách khác, không thể nói Mác chỉ là nhà bác học, hay là nhà triết học, vì triết học khoa học chẳng qua chỉ là những thái độ do những đòi hỏi phương pháp luận qui định (*exigences méthodologiques*) mà không phải là mục đích, cứu cánh của việc nghiên cứu. Cái cốt yếu là một ý hướng nhân bản, một ý chí giải phóng con người. Do đó sự thống nhất về tư tưởng phản ánh sự thống nhất về con người ở nơi Mác: Mác vừa là nhà bác học, nhà triết học, người chiến sĩ cách mạng.

Người ta có thể nhận ra điều đó khi tìm hiểu cuộc đời của Mác. Sự tìm hiểu này sẽ cho thấy Mác thực sự theo Mác đôi khi khác với Mác nhìn theo con mắt của người khác, như đồ đệ của Mác và nhất là cho thấy cái mà ta có thể gọi là “dự phóng nền tảng” của Mác, cái vượt khỏi những bình diện khoa học, triết học, là bình diện phương tiện, đồng thời vẫn là nền tảng, căn bản cho những nghiên cứu suy tưởng triết học khoa học của Mác. Mục đích của những nhận định dưới đây là trình bày dự phóng nền tảng đó bằng cách giới thiệu cuộc đời của Mác. Nhưng bởi vì dự phóng đó dễ dàng nhận ra hơn cả trong những tác phẩm thơ từ thời trẻ tuổi, nên chúng tôi cũng sẽ chú trọng nhiều hơn đến Mác trẻ tuổi[3]. Sự chú trọng đó không hề ngụ ý phủ nhận tính cách quan trọng của Mác trưởng thành, vì chúng tôi cho rằng tác phẩm thời trưởng thành không phản lại thời trẻ tuổi mà chỉ là một nỗ lực trình bày những hướng đi căn bản bằng những biểu lộ khoa học chân xác, (có tính chất toán học nữa càng hay) và mục đích những nhận xét ở đây chỉ là nhằm bày tỏ cái duy trì sự liên tục, thống nhất của tư tưởng Mác, trong quá trình diễn tiến của nó; cái duy trì sự thống nhất đó là cái mà chúng tôi gọi là dự phóng nền tảng của Mác.

[1] Luận án nhan đề: *De l'aliénation à la jouissance, essai sur le développement de la sociologie du travail chez Marx et Engels*.

[2] *De la structure du “Capital” et quelques presuppositions philosophiques de l'œuvre de Marx* trong “*Etudes sur Marx et Engels*” - Paris 1955

[3] Gần đây Marek Fritzhand đã viết một bài nhan đề “Cuộc tranh chấp về giá trị triết học của Mác trẻ tuổi” đăng trong tạp chí “Những con đường mới” (*Nowi Drogi*), cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Ba Lan, mục đích yêu cầu người Mác xít không nên để cho những kẻ theo chủ nghĩa xét lại hay thù địch của Mác xít độc quyền nhắc tới và nghiên cứu những tác phẩm thời trẻ tuổi của Mác, vì theo ông, không có mâu thuẫn giữa lập trường của Mác trẻ tuổi với lập trường của Mác trưởng thành, và sở dĩ người Mác xít chính thống sao nhãng bỏ quên Mác trẻ tuổi là vì sợ bị nghi là theo chủ nghĩa xét lại,

hơn nữa, cũng vì một vài chủ trương lệch lạc có tính cách thực nghiệm của người Mác xít. Ông nói “Ngay cả bộ TƯ BẢN cũng thấm nhuần những phạm trù luân lý... Nếu một đảng giản lược Mác xít vào luân lý đúng là một trò chơi nguy hiểm của chủ nghĩa xét lại, thì đảng khác, tách biệt mác xít khỏi nội dung luân lý cũng đúng thật là làm hại chủ nghĩa Mác”.

Thời đại

Mác sinh ra ở một thời Âu-Châu bắt đầu bước vào cuộc phát triển kinh tế nhanh chóng với sự hình thành của chủ nghĩa tư bản. Đó cũng là thời hình thành những ý tưởng, lý thuyết xã hội bắt nguồn từ những thay đổi, xáo trộn các nếp sống do chế độ tư bản gây ra.

Một biến cố chính trị đánh dấu sâu đậm thời trẻ này là cuộc cách mạng Pháp, đã đánh đổ nền quân chủ và chế độ phong kiến để thiết lập một xã hội trưởng giả phù hợp với nhu cầu lãnh đạo những phương thức sản xuất mới.

Tuy nhiên nước Đức, so sánh với nước Anh và nước Pháp, chưa phải chứng kiến sự tranh chấp quyết liệt giữa những lực lượng phong kiến đang tàn và những lực lượng trưởng giả đang lên do sự phát triển kỹ nghệ gây nên, vì nước Đức, dưới thời Frédéric II, vẫn còn, về căn bản, ở tình trạng phong kiến, tiểu công nghệ và canh nông.

Dẫu vậy, những ý tưởng của cách mạng Pháp cũng tràn sang Đức và ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cả ở giới trí thức, dần dần tạo ra một khuynh hướng tự do, dân chủ, chính trị nhằm chống lại sự lệ thuộc nước Pháp, và chế độ quân chủ Đức. Một tổ chức liên kết sinh viên được thành lập "Burschnachft" với sự tham gia của một số giáo sư cấp tiến. Tổ chức này vừa thành lập đã bị thế lực quân chủ phong kiến thẳng tay đàn áp, vì chưa dựa trên một tầng lớp xã hội nào (tầng lớp trưởng giả còn non yếu) nên tổ chức bị tan rã; nhưng những phần tử trung kiên nhất lại lập ra một hội kín lấy tên là "Hội đoàn những người không chịu khuất phục" (Bunderundedingten) không ngần ngại dùng tới cả những biện pháp khủng bố, ám sát.

Bị giải tán, đàn áp, phong trào đòi tự do, dân chủ chuyển sang phạm vi đấu tranh chính trị bằng văn học. Một tổ chức gọi là "Nước Đức mới" được thành lập do một nhóm nhà văn trẻ tuổi như Gutschow, Laube, Borne và Heine nhằm mục đích chống lại những khuynh hướng lãng mạn, thoát ly trong nghệ thuật và phản ánh những khát vọng xã hội, chính trị của thời đại mình bằng văn chương. Hai nhà văn tiêu biểu nhất của phong trào này là Borne và Heine, cả hai đều phải sang trú ngụ ở Paris sau cách mạng 1830. Họ muốn lấy nước Pháp dân chủ, tiến bộ chống lại nước Đức quân chủ, bảo thủ. Borne đặc biệt chú ý tới những khát vọng chính trị. Ông mơ ước thành lập một nền Cộng hòa, chấm dứt chế độ chuyên chế của vua chúa để thực hiện những lý tưởng dân chủ bình đẳng mà có lẽ ông tiếp nhận được khi ông dịch cuốn "Lời của một người tin" (Paroles d'un croyant) của Lammenais. Trái với Borne, H. Heine lại chú trọng nhiều đến những vấn đề xã hội. Vấn đề cốt yếu, đối với Heine, không phải ở chỗ thiết lập một nền cộng hòa thay thế quân chủ chuyên chế, nhưng là xóa bỏ những lầm than xã hội như ông đã viết thư gửi cho Laube: "Anh hơn hẳn những người khác đã chỉ thấy cái vẻ bề ngoài của cuộc cách mạng mà không hiểu những vấn đề sâu xa liên hệ đến nó. Những vấn đề này không phải thuộc về hình thức Quốc gia, nhân vật, cũng không phải thuộc về thiết lập một nền cộng hòa hay hạn chế nền quân chủ, nhưng là có mục tiêu nâng cao đời sống vật chất của dân chúng. Tôn giáo duy tâm, vẫn ngự trị từ trước đến nay, đã ích lợi và cần thiết bao lâu đa số dân chúng còn sống trong cảnh lầm than và thỏa mãn với những an ủi mà tôn giáo đem đến cho họ. Nhưng từ khi những tiến bộ kỹ nghệ và kinh tế đã làm cho người ta có thể thoát khỏi sự lầm than với hy vọng hạnh phúc ngay ở trên đời này, thì từ lúc đó anh hiểu tôi và những người khác cũng hiểu chúng ta nữa, khi chúng ta nói với họ rằng

trong tương lai, họ sẽ được hằng ngày ăn thịt bò thay vì khoai tây, họ sẽ làm việc ít hơn, và khiêu vũ nhiều hơn. Anh hãy tin điều đó đi, con người ta không phải đàn lừa đâu".

H. Heine đã tin rằng có thể kết hợp cuộc cách mạng Pháp và tư tưởng triết học Đức để thực hiện một cuộc cách mạng không những về chính trị và tinh thần, mà còn cả về xã hội, thay đổi tận cơ cấu những nếp sống, chế lập xã hội tôn giáo, nhà nước và giáo hội.

Phong trào "Nước Đức trẻ" gây ảnh hưởng trong văn giới, là một giới thường lãnh đạm với những vấn đề xã hội, chính trị, nhưng khi nhận thấy tính chất "nguy hại" của nó, các chính phủ Đức đã ra lệnh cấm bán sách báo do phong trào này xuất bản.

Đồng thời với sự hình thành và phát triển phong trào "tự do" phản ánh những khát vọng của tầng lớp trưởng giả đang lên, một tầng lớp khác cũng thoát thai từ sự phát triển kinh tế kỹ nghệ: tầng lớp lao động, có tính chất xã hội chủ nghĩa hay cộng sản.

Xã hội chủ nghĩa (socialisme) xuất hiện ở Đức vào cuối thế kỷ XVIII, dưới hình thức lý thuyết và có tính chất văn chương, không tưởng, cũng tương tự như ở Pháp thời trước cách mạng. Những nhà lý thuyết và xã hội chủ nghĩa đầu tiên như Saint Simon, Fourier còn rất không tưởng.

Đứng trước sự phát triển nhanh chóng của kỹ nghệ tư bản, Saint Simon nhìn nhận kỹ nghệ chứ không phải là nông nghiệp là nguồn gốc của cải, giàu có. Nhưng sự phát triển kỹ nghệ mau lẹ cũng gây nên nhiều bất công trong việc phân phối lợi tức, nhiều xáo trộn, hỗn loạn trong việc cạnh tranh sản xuất, buôn bán... Do đó muốn chấn chỉnh lại xã hội, phải tiến tới một tổ chức hợp lý về sản xuất, do nhà nước lãnh đạo.

Fourier cũng nhận thấy những xáo trộn, mâu thuẫn trong sự phát triển kinh tế theo chiều hướng cạnh tranh tự do đưa đến hậu quả này, là sự nghèo nàn cùng cực do sự giàu có mà ra. Nói cách khác, làm cho đa số càng nghèo đi và thiểu số càng giàu lên. Để chống lại tình trạng trên, Fourier không chủ trương để cho nhà nước can thiệp như Saint Simon, mà chủ trương một tổ chức hợp lý do sự ưng thuận và hợp tác giữa tư bản và cần lao. Điểm đặc biệt, và do đó có tính chất không tưởng của Saint Simon và Fourier, là cả hai đều không quan niệm lấy hoạt động cách mạng và sự đấu tranh giai cấp như một động lực chủ yếu thay đổi xã hội, mà chỉ muốn sửa chữa xã hội tư bản bằng những tổ chức hợp lý về sản xuất, không tưởng vì tin vào lòng tốt, thiện chí của Tư bản.

Tuy nhiên hai học thuyết trên cũng ảnh hưởng tốt vào những học thuyết xã hội cộng sản về sau vì thái độ phê phán những chật hẹp ích kỷ của quan niệm bảo vệ quyền tư hữu và thái độ đề cao vai trò trung gian lãnh đạo của Nhà nước trong việc hợp lý hóa tổ chức kinh tế, sản xuất. Ở bên Đức, sau 1830, với sự lớn mạnh mau lẹ của giai cấp vô sản, người ta thấy Fourier gây được ảnh hưởng sâu đậm hơn trong giới lãnh đạo những phong trào tự do cấp tiến. Fourier tố cáo sâu sắc hơn Saint Simon những mâu thuẫn, tệ hại của hệ thống kinh tế tư bản. Những lầm than xã hội càng ngày càng trầm trọng do số giờ làm việc quá mức, do sự thiếu sót mọi đảm bảo xã hội, đã thúc đẩy thợ thuyền đến chỗ không thể chỉ bằng lòng với những ý tưởng xã hội, mà phải vùng dậy làm loạn chống lại bọn chủ. Những vụ nổi loạn này nổ ra nhiều nhất ở vùng Rhénanie, là vùng tương đối kỹ nghệ phát triển mạnh mẽ hơn cả.

Trong khi thợ thuyền nổi dậy, thì nông dân cũng đứng lên chống lại phong kiến và trưởng giả đang lên. Cuộc nổi dậy này do một mục sư cấp tiến tên là Weidig và một sinh viên là G. Buchner lãnh đạo.

Khác với những nhà tư tưởng tự do chỉ đòi hỏi những cải cách chính trị, mục sư Weidig, cựu hội viên tổ chức "Hội đoàn những kẻ không chịu khuất phục", chủ trương cải tạo xã hội bằng hoạt động cách mạng của quần chúng nhằm tiêu diệt làm tan xã hội, vì theo ông sự áp bức xã hội còn xấu xa và phi luân hơn sự áp bức chính trị, và điều quan trọng trước tiên là người thợ, người nông dân phải được đủ ăn. Mục sư đi thuyết phục nông dân vùng Hesse, chứng minh cho họ hiểu họ là những người bị bóc lột vì phải chịu đủ mọi thể thức, và những luật lệ của nhà nước chỉ có mục đích biện hộ, duy trì sự bóc lột đó. Công cuộc vận động của mục sư Weidig tương tự như phong trào cộng sản "Âm mưu của những người bình đẳng" (Conspiration des Égaux) do Babœuf lãnh đạo nhằm thiết lập một nền cộng hòa dựa trên ý niệm bình đẳng, không những về pháp lý, chính trị mà nhất là về xã hội bằng tranh đấu xã hội của quần chúng lao động. Nhưng cũng như Babœuf bị xử tử (1797) và sau đó phong trào "Âm mưu của những người bình đẳng" tan vỡ, Weidig cũng bị bắt giam cầm, rồi sau cũng chết vì tra tấn trong ngục tù và phong trào nông dân nổi dậy bị giải tán. Sau những vụ bị đàn áp các phong trào cách mạng ở Đức, Thụy sĩ và Pháp trở thành đất nung nấu của những lãnh tụ cách mạng và do đó cũng trở thành trung tâm hoạt động cách mạng mới. Ở Thụy sĩ, một phong trào "Nước Đức Mới" được thành lập, không phải dưới hình thức văn nghệ như ở Đức trước đây, nhưng dưới hình thức hoạt động cách mạng, chủ trương xã hội chủ nghĩa. Ở Pháp, sau cách mạng 1830, những người "lưu vong" cũng thành lập một tổ chức "Hội đoàn bình dân Đức" nhằm ủng hộ báo chí tiến bộ. Bị giải tán năm 1833, tổ chức được thành lập lại năm 1834 dưới hình thức một hội kín: "Liên đoàn Đức những người bị lưu đày" (Ligue allemande des Proscrits), nhằm tranh đấu cho một nước Đức tự do dân chủ phù hợp với những nguyên tắc của hiến chương nhân quyền. Nhưng ngay từ lúc đầu, Liên đoàn đã chia ra làm hai khuynh hướng, dân chủ tự do và xã hội chủ nghĩa, và cuối cùng phải tách ra thành hai tổ chức. Khuynh hướng xã hội gồm những thành phần lao động không thể thỏa mãn với những đòi hỏi chính trị, trừu tượng như dân chủ tự do mà không kèm theo một thay đổi xã hội xóa bỏ bất công, ưu đãi, đã bày tỏ nguyện vọng của mình qua tiếng nói của T.Schuster, cựu giáo sư đại học Göttingen trong tờ "Người lưu đày" nội san của liên đoàn: "Nếu một phần công dân nghèo đói, còn một phần giàu được ăn học mà lại xấu, thì tất cả những luật lệ của thế giới không thể ngăn cản được sự kiện lớp người thứ nhất trở thành nô lệ và lớp người thứ hai đầy đủ mọi thể lực: Từng triệu bạc trong tay một người và tự do cho tất cả là những điều kiện không thể dung hòa được, chẳng khác gì không thể dung hòa được Bảo hoàng và Dân chủ... Để dân chúng tiến lên ánh sáng, một cuộc cách mạng tương lai phải lật đổ không phải ông vua mà là chế độ quân chủ. Chế độ này không phải chỉ được cấu tạo bằng những huy hiệu, triều thiên mà là bằng những ưu đãi và ưu đãi lớn nhất là của cải giàu có".

Schuster và một nhóm đồng chí khác tách khỏi liên đoàn, thành lập năm 1836 "Liên đoàn những người công chính" (Ligue des Justes) : theo khuynh hướng cộng sản gồm đa số thợ thuyền và một thiểu số trí thức. Liên đoàn vừa bất liên lạc với "Hội nhân quyền" vừa bí mật liên lạc với các nhà cách mạng Đức lẩn trốn ở Thụy sĩ, Anh. Năm 1839 Liên đoàn bị liên can vào những cuộc vùng dậy do hội nhân quyền tổ chức. Do đó một phần hội viên phải di cư sang Anh. Chính những phần tử này về sau sẽ cùng Marx, Engels thành lập "Liên đoàn những người cộng sản".

Sở dĩ những phong trào cách mạng trên lần lượt bị đàn áp, phân tán là vì chưa được một tầng lớp đông đảo, có ý thức tranh đấu và có tổ chức chặt chẽ nâng đỡ, ủng hộ. Những chính quyền phản động, bảo thủ tương đối còn mạnh, nhất là cảm thấy cùng đứng trước một nguy cơ chung, họ đoàn kết lại để chống đối, đàn áp. Những hoạt động cách mạng tạm lắng xuống thì những hoạt động tư tưởng lại bùng lên. Phong trào này gọi là: "Nhóm thiên tả về triết học Hegel" và tiếp tục phong trào "Nước Đức mới". Tư tưởng ở Đức lúc đó do ba nhà triết học nổi tiếng chi phối: Fichte, Schelling, Hegel. Họ tạo lập ra

học thuyết duy tâm, nghĩa là một triết lý cho rằng nguồn gốc mọi thực tại là tinh thần. Nhưng tinh thần chỉ là tinh thần biết mình là tinh thần nếu "phóng ngoại" nhập thế. Do đó, vật chất lịch sử là những biểu lộ hữu hình của tinh thần. Cái thực tại mà thực chất là tinh thần này cũng là thực tại sống động, chuyển biến, không im lìm, không ngưng đọng, do đó phải tìm hiểu theo quá trình phát sinh hình thành, diễn biến của nó. Sự phát sinh và diễn biến của thực tại chủ yếu căn cứ vào mấy định luật chính, mà định luật căn bản là sự mâu thuẫn. Nhưng tất cả những sinh hoạt trên đều là sản phẩm của tinh thần và rút cục, đưa trở lại thành tinh thần. Từ mấy điểm căn bản trên của triết lý duy tâm, nảy ra hai khuynh hướng: khuynh hướng thiên hữu và bảo thủ, coi triết lý Hegel như một hệ tư tưởng biện hộ cho việc duy trì chế độ quân chủ và tình trạng xã hội đương thời, và khuynh hướng thiên tả, coi triết học Hegel như một động cơ cải tạo xã hội bằng những phê phán, tôn giáo, hệ tư tưởng, chế lập chính trị xã hội với những người như Feuerbach, Strauss, và sau cùng bằng thực tiễn cách mạng với Mác... Nói cách khác, những người "thiên tả" theo Hegel tuy có chỉ trích và chủ trương cách mạng, nhưng lại tin rằng có thể xóa bỏ tôn giáo, cải tạo xã hội chỉ bằng phê phán lý thuyết. Đến Mác, mới thực sự coi việc cải tạo xã hội, xóa bỏ tôn giáo chủ yếu là một hành động cách mạng.

Mác đã sinh ra trong một bầu không khí văn hóa chính trị, xã hội có những biến đổi xáo trộn về trật tự xã hội, có sự hình thành manh nha những ý tưởng xã hội triết lý cách mạng. Sự nghiệp của Mác là tiếp nhận những cái "tích cực" của những người đi trước để thiết lập một chủ nghĩa đã và còn đang tác dụng lớn lao vào lịch sử.

Thời niên thiếu

Thành phố Trêves, thời Mác sinh ra, vẫn được coi là một trong những thành phố cổ kính nhất của nước Đức. Nhưng nhìn theo con mắt của một người cách mạng, cái cổ kính đó trở thành bảo thủ, áp bức như Goethe đã mô tả Trêves 20 năm trước khi Mác ra đời: "Thành phố tự nó có một đặc điểm rất đáng chú ý. Nó tự cho là có nhiều cơ sở tôn giáo hơn bất cứ thành phố nào tương tự, và dĩ nhiên không ai dám chối cãi cái vinh dự của nó. Vì ở bên trong những tường lũy nó bị vướng mắc (encombrée), à, không, bị ngột ngạt bởi những nhà thờ, nhà nguyện, trường đạo, nhà dòng, nhà hội của Hiệp sĩ, hay của các cộng đồng tu sĩ; ở bên ngoài, nó bị ngăn chặn, à, không, bị bao vây bởi những nhà dòng, hội tu, nhà kín (charteuses)".

Bị ảnh hưởng sâu đậm của cuộc cách mạng Pháp, vùng Rhénanie, trong đó có thành phố Trêves, tương đối "cấp tiến" về kinh tế, lẫn tư tưởng hơn các miền khác của nước Đức. Mác sinh ngày 5-5-1818 trong một gia đình trưởng giả, có ông bố làm luật sư và tư tưởng rộng rãi, cởi mở, cả về học thức chính trị lẫn tôn giáo. Gia đình Mác dòng dõi Do Thái, nhưng lại chống đối truyền thống chật hẹp, giáo điều của đạo Do Thái và chủ trương một thái độ lãnh đạm trước mọi tôn giáo. Những điều đó rất tác động vào tuổi niên thiếu của Mác và dĩ nhiên cũng làm cho Mác, ngay từ thuở nhỏ đã lãnh đạm về những vấn đề tôn giáo như Mác đã nói hồi 25 tuổi: "Đạo Do Thái chỉ làm cho ta kinh tởm". Khi đề cập đến vấn đề Do Thái sau này, Mác viết: "Đừng tìm hiểu cái bí nhiệm của người Do thái trong đạo Do thái nhưng nên tìm cái bí nhiệm của đạo đó ở nơi người Do thái chính cống. Đây là cơ sở trần gian của Đạo Do thái? Đó là sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất và sự ích kỷ. Đây là nơi thờ phượng trần gian của người Do thái? Đó là việc buôn bán bản thủ. Đây là Thượng đế trần gian của họ? Tiền bạc. Vậy thời đại ta tự giải thoát bằng cách thoát khỏi sự buôn bán, tiền bạc, nghĩa là thoát khỏi đạo Do thái thực tiễn và cụ thể".

Ông bố tự do, phóng khoáng bao nhiêu thì bà mẹ bảo thủ, chật hẹp bấy nhiêu. Bà mẹ của Mác là điển hình của con người trưởng giả. Về sau hầu như là bà "tù" con khi thấy Mác đi vào một con đường hoàn toàn trái ngược, phủ nhận nếp sống, lý tưởng của tầng lớp bà. Nhất là những lúc Mác túng thiếu, bà nhẫn tâm không giúp đỡ và thường phàn nàn một cách mỉa mai: "Giá nó biết kiếm được một "Tư bản" thay vì viết về "Tư bản". Ngoài thái độ lãnh đạm về tôn giáo, ông bố còn tham gia những tổ chức khoa học, văn hoá có tinh thần rộng rãi, tự do, cởi mở, như "Hội nghiên cứu những điều ích lợi" và "Hội văn của câu lạc bộ" Heinrich Marx thỉnh thoảng cho Karl đi dự với mình những buổi sinh hoạt của hai tổ chức trên.

Karl đi trường năm 1830. Học trung bình, nhưng rất nghịch ngợm và hay làm thơ mỉa mai để đả kích những kẻ thù trong nhà trường. Đó là đặc tính mà Mác sẽ giữ mãi suốt đời tranh đấu của ông.

Ở trường Mác chịu ảnh hưởng Wyttenbach, một ông thầy rộng rãi, cởi mở, duy lý. Trong những bài luận văn làm lúc 16, 17 tuổi, Mác đã đề lộ những nét chính một quan niệm về con người, về tôn giáo dựa trên một thái độ duy lý nhân bản. Đặc biệt trong bài luận về đề tài: "Suy nghĩ của một người niên thiếu trước việc chọn nghề" Mác đã viết những câu có giá trị như một lời tuyên ngôn nhân bản: "Lịch sử vẫn coi là vĩ nhân những người tranh đấu cho hạnh phúc của mọi người, kinh nghiệm cũng đã chứng minh rằng những người sung sướng hơn cả là những người làm cho nhiều người được hạnh phúc, còn

tôn giáo thì dạy chúng ta biết con người lý tưởng mà ai cũng phải bắt chước, là người hy sinh cho nhân loại... Khi chúng ta đã chọn một nghề nghiệp cho chúng ta dễ dàng phục vụ nhân loại hơn cả thì những nặng nhọc không làm cho ta nản chí vì đó chỉ là những hy sinh đem lại hạnh phúc cho tất cả. Lúc đó, chúng ta sẽ không hưởng những thú vui ích kỷ, ty tiện, nhưng là một niềm vui sướng được hàng triệu người chia sẻ, những việc làm của chúng ta kéo dài mãi mãi những hậu quả của nó trong thăm lặng và những tro tàn của chúng ta sẽ được tưới bằng nước mắt nóng hổi của những người có trái tim quảng đại”.

Ở thời kỳ đó, chỉ những người “thiên tả” mới chủ trương một thứ nhân bản: Phục vụ nhân loại, tranh đấu cho hạnh phúc nhân loại. Cho nên ngay từ lúc niên thiếu Mác đã lựa chọn đứng về phe cấp tiến trong công cuộc chống lại những khuynh hướng bảo thủ, phản dân chủ.

Năm 1835, Mác đến Bonn để vào Đại học. Theo ý của ông bố, Mác ghi tên vào trường luật, nhưng vì thích văn chương, nên Mác cũng ghi tên học một vài môn bên Văn khoa. Hình như chỉ năm ở Bonn là Mác chú trọng đến việc học; Tuy nhiên không vì thế mà Mác sao nhãng những hoạt động khác. Mác gia nhập những tổ chức của sinh viên, chẳng hạn “Câu lạc bộ quán rượu” chỉ có mục đích du hí (uống rượu, nhảy, đánh lộn). Một lần Mác và đồng bọn bị cảnh sát bắt giam vì uống rượu say và phá rối trật tự ban đêm. Hoặc vào “Câu lạc bộ của thi sĩ” vì Mác vừa thích thơ, vừa thích những ý tưởng cách mạng phảng phất trong câu lạc bộ. Kỳ hè năm đó, Mác về Trêves và đính hôn một cách bí mật với Jenny Von Westphalen, người bạn gái từ lúc còn thơ ấu, thuộc một gia đình quý phái trường giả. Nàng là “hoa khôi” của tỉnh nhỏ, hơn Mác bốn tuổi nhưng mến phục Mác. Lòng mến phục đó đã làm cho nàng không ngần ngại từ chối một tương lai chắc chắn hạnh phúc để gắn liền cuộc đời mình vào đời một thanh niên còn bấp bênh vô định.

Quả thật, sau này vì Mác nàng sẽ phải chịu đựng với một tinh thần nhẫn nại, hào hiệp không thể lường được bao nỗi khó khăn, cùng cực về vật chất, như không đủ tiền để mua cỗ quan chôn cất đưa con nhỏ chết vì thiếu thuốc trong thời kỳ lưu đày ở Luân đôn.

Hết hè, Mác đi Berlin để tiếp tục học Luật với ý định chỉ mong cho chóng xong để có thể lập gia đình với Jenny. Trong thời gian này, Mác vừa chú tâm học hành vừa làm thơ rất nhiều để gửi tặng Jenny!

Qua những tập thơ nhan đề “Thơ tình yêu” tặng “Jenny Von Westphalen người yêu muôn đời”, người ta thấy một Mác thanh niên 18 tuổi vừa say mê yêu đương lãng mạn, vừa pha trộn những lo lắng tư lự về cuộc đời vào những ước mơ yêu đương lãng mạn trên. Nhận định về thơ của Mác, nhà viết sử cuộc đời Mác, Mehring đã viết: thơ Mác rất dở, chẳng chú trọng gì về kỹ thuật, chỉ thấy biểu lộ một cách cuồng nhiệt những ý tứ, đôi khi đã là công thức sáo ngữ. Không phải vì Mác không có tâm hồn thơ hay không có tài làm thơ, nhưng chỉ vì khát vọng của Mác vô cùng mà thơ lại chỉ bộc lộ đến giới hạn nào, do đó mà có sự rối loạn, sự “bất thành cú” trong lời thơ.

Chẳng hạn, trong một bài nhan đề: “Tiếng hát của người thủy thủ”. Mác tự ví như một người đi tàu trong cơn bão táp, cố gắng vượt sóng gió cuồng loạn.

“Để chống lại với sóng gió, tôi ngược nhìn lên Đấng Tối cao vạn năng, và tung cánh buồm, tôi theo vì sao hướng dẫn...”

“... Nhưng làm sao có thể ghép vào chữ chỉ là những hình thù mờ lung và rung động chóng qua, cái

vô biên là khát vọng của tâm hồn, như tâm hồn của em, và như tâm hồn của cả vũ trụ”...

Nhưng mơ ước yêu đương không thể làm cho quên học hành vì học hành chính là cái cầu dẫn đến chỗ thực hiện yêu đương. Lúc đầu Mác chú ý đến luật. Nhưng về sau, Mác nhận thấy “không có một hệ thống triết lý, không thể đi tới cái gì liêm chính”. Mác đắm nhào vào triết học, đọc các tác giả cổ điển, nhất là Hegel. Cuối năm 1837, Mác trở thành đồ đệ của Hegel. Do sự chú ý đến triết học, Mác có dịp làm quen với “Câu lạc bộ các tiến sĩ” (Doktorklub) là một tổ chức qui tụ nhiều sinh viên, giáo sư, trí thức đề ý đến những vấn đề văn hoá, triết học. Về triết học: những ý kiến của Hegel gây ảnh hưởng hơn cả và do đó phân tán những câu lạc bộ thành hai khuynh hướng. Những người như Rutenberg, Koppen, Bruno Bauer lãnh đạo khuynh hướng “tả” và hăng hái hơn cả.

Phản động hội viên của “Câu lạc bộ các tiến sĩ” đều (không?) lớn tuổi hơn Mác, mặc dầu Mác mới có 19 tuổi. Họ thường họp hằng ngày ở nhà một người trong nhóm hay trong các quán bên cạnh Đại Học. Lúc đầu “những vấn đề tôn giáo được đề cập nhiều hơn cả”. Thoạt tiên người ta mới chỉ trích những hình thức “huyền thoại” của Tôn giáo. Sau đó, tấn công luôn Tôn giáo mà họ coi là huyền thoại. Cuốn “Đời Giêsu”, của Strauss đã kích tận nền tảng Kitô giáo là Mặc Khải, gây xúc động mãnh liệt trong xã hội còn lấy tôn giáo làm căn bản. Những hội viên của “Câu lạc bộ các tiến sĩ” trở thành vô thần và có khuynh hướng chống chính quyền quân chủ mà họ cho là dựa vào tôn giáo. Chính quyền phản ứng lại, loại trừ những phần tử cấp tiến theo Hegel chống đối trong Đại học. Bauer phải ra khỏi Đại học và nhường chỗ cho những giáo sư bảo thủ, Mác không dám nuôi hy vọng làm luận án tiến sĩ ở đại học đó nữa. Trong thời gian ở Berlin hình như Mác không viết gì ngoài trừ một vở kịch một tiểu thuyết bỏ dở và một số bài thơ nữa... Những “tác phẩm” này không có giá trị gì về mặt văn chương nhưng biểu lộ những chuyển hướng nhận thức và thay đổi tâm trạng của Mác.

Vở kịch “Oulanem” mô tả những thảm trạng do định mệnh gây ra và là một tiếng kêu chống lại định mệnh, một định mệnh không những lôi cuốn những nạn nhân của nó, mà còn cả vũ trụ vào cái phi lý, hư vô.

Mác soạn vở kịch này trong những ngày hoang mang lo lắng hầu như tuyệt vọng vì những trắc trở bấp bênh Mác gặp phải trong mối tình với Jenny. Trái lại cuốn tiểu thuyết cũng bỏ dở nhan đề là “Scorpion và Felix” nhằm châm biếm, chế diễu nếp sống trưởng giả ở Bá Linh.

Cuốn tiểu thuyết trên cũng như những tập thơ tình viết vào thời kỳ này để gửi cho Jenny không còn mang nặng tính chất lãng mạn, mà đã phản ánh một tình tự chống đối xã hội đương thời dưới mọi hình thức, qua mọi nếp sống của nó. Mác chỉ trích thái độ chật hẹp, bảo thủ, đạo đức của trưởng giả, chống lại những khoa học chính xác như Lý Hoá, Toán học vì những bộ môn này nhìn nhận yếu tố vật chất là thực tại và giản lược mọi khía cạnh tinh thần sống động vào những công thức toán học hay những quá trình biến chuyển máy móc.

Ngày 30-3-1841, Mác được đại học Berlin cấp phát chứng chỉ mãn khoá và 6-4-1841 Mác gửi luận án tiến sĩ “Sự khác biệt giữa Triết học về Thiên nhiên của Démocrite với Epicure” đến Đại học “Iena” và được bênh vực luận án tuần sau. Mác học và thi cử xong năm 23 tuổi.

Làm báo

Khi còn đang học, Mác vẫn mơ ước được dạy ở Berlin. Đến khi học xong, lại mơ ước được dạy ở Bonn. Cả hai dự định đều không đạt vì mọi sự đều trông nhờ ở Bauer. Nhưng Bauer bị trục xuất khỏi Berlin, đổi về Bonn, sau đó lại bị trục xuất khỏi đại học Bonn vì thái độ vô thần, đả kích tôn giáo và nhà vua.

Khi chắc chắn không còn hy vọng gì được dạy học, Mác quay sang làm báo. Mác cộng tác với tờ Rheinische Zeitung xuất bản ở Cologne từ 1-1-1842. Về sau, Mác được bầu làm chủ bút và trở thành linh hồn của tờ báo. Sự thông minh, cương trực của Mác đã đưa Mác lên địa vị lãnh tụ mặc dầu Mác trẻ hơn tất cả các đồng chí của mình, như Hess, cựu chủ bút tạp chí Rheinische Zeitung đã giới thiệu Mác với một người bạn: “Anh sẽ sung sướng được làm quen với một người bây giờ là bạn của chúng ta. Anh hãy sửa soạn để được biết nhà triết học hiện đại lớn nhất và có lẽ đích thực nhất. Sau này, khi quần chúng biết đến anh ta, mọi con mắt sẽ đổ dồn về anh ta. Tiến sĩ Mác, thần tượng của tôi, còn rất trẻ (chưa đầy 24 tuổi). Anh ta sẽ tặng cho tôn giáo, triết học cổ điển những đòn chí tử, anh ta vừa có một óc thật mĩa mai vừa có một trí sâu sắc triết học tột độ. Anh hãy tưởng tượng Rousseau, Voltaire, Holbach, Lessing, Heine và Hegel hoà đồng vào một người, tôi nói hoà đồng, chứ không phải bị ném chung vào một túi.... Đó là nhà tiến sĩ họ Mác”.

Tờ báo theo khuynh hướng tự do, chống đối nhà vua. Lúc đó, Mác mới chỉ nghĩ đến vấn đề chính trị. Mác cho rằng muốn thay đổi những cơ cấu chính trị trước tiên phải thay đổi tâm tư người ta, nghĩa là phải đả kích những ý tưởng về chính trị. Nhưng khi những vấn đề phải đề cập đến như vụ trộm củi, tình cảnh lầm than của những người trồng nho vùng Moselle, Mác không còn tìm thấy giải pháp trong triết học Hegel. Đụng chạm tới những sự kiện cụ thể, Mác mới thấy chính trị là một khía cạnh của vấn đề kinh tế và từ đó để ý đến vấn đề xã hội như sau này Engels đã nói: “chính vì chú ý tới đạo luật về trộm củi và về tình cảnh người trồng nho mà Mác bỏ rơi chính trị thuần túy để chú ý đến những vấn đề kinh tế và trở thành người theo xã hội chủ nghĩa”.

Hoàn cảnh của Mác khác hoàn cảnh của Engels. Engels sinh trưởng và sống ở giữa lòng chế độ tư bản đang lên, ông bố Engels là chủ nhà máy, do đó Engels thức tỉnh trực tiếp và sớm hơn Mác về những vấn đề xã hội.

Tờ báo bán rất chạy, nhưng vì đả kích không ngừng nhà vua nhất là đả kích cả Nga Hoàng, do đó bị đình bản.

Sau khi tờ Rheinische Zeitung bị cấm; Mác nhận thấy phê bình bằng ngòi bút vô hiệu quả nếu không dựa vào một quần chúng, một lực lượng chính trị.

“Khí giới phê bình không thể thay phê bình bằng khí giới, lực lượng vật chất chỉ có thể đánh đổ bằng một lực lượng vật chất khác, và lý thuyết cũng phải trở thành một lực lượng vật chất khi nó được lòng quần chúng”.

Nhưng muốn cho quần chúng hiểu, phải có thể tự do nói thẳng, vậy mà ở Đức không còn quyền tự do

ăn nói, cho nên chỉ còn cách phải ra ngoại quốc. Lúc đầu Mác sang Thụy Sĩ, gặp Ruge. Hai người bàn định ra báo dưới hình thức những tập san (Annales) lấy tên là: “Tập san Pháp Đức” (Deutsch-französische Jahrbücher) vì báo không phải là lý thuyết suông, nhưng có tính chất tranh đấu cách mạng, nên phải phối hợp khối óc Đức (suy tưởng) với trái tim Pháp (là cách mạng). Đó là ý nghĩa tên tập san. Trong khi đó Mác lập gia đình để chấm dứt tình trạng đính hôn đã kéo dài gần 7 năm (13-6-1843). 3 tháng sau, Mác và Jenny dọn sang Paris để thực hiện dự định ra tập san. Ruge và Mác phụ trách bài vở, nhưng thực ra được có một số. Coi như hai số, vừa là số đầu, vừa là số cuối cùng. Mác có hai bài: “Nhân bản về vấn đề Do thái” và “Góp phần phê bình triết học pháp lý của Hegel”.

Theo Hegel, nhà nước tạo dựng và duy trì trật tự trong xã hội dựa vào pháp lý hợp lý. Cho nên xã hội do Pháp lý quy định và Nhà nước cai trị mà ra. Khi nghiên cứu vấn đề trộm cướp và tình cảnh những người trồng nho, Mác đã thấy pháp lý không thể tách rời khỏi vấn đề quyền lợi, và do đó pháp lý xuất phát từ quyền lợi của họ. Vậy trái ngược với Hegel, không phải xã hội do nhà nước qui định mà chính là nhà nước do xã hội quy định. Trong viễn tượng đó, phê bình nhà nước, phê bình pháp luật, nghĩa là phê bình chính trị, phải trở thành phê bình xã hội đã đẻ ra nhà nước và pháp lý, với những chế lập chính trị của nó, và phê bình xã hội, đi tới cùng, là phê bình kinh tế, nhằm đả kích Tư hữu là nền tảng của xã hội. Nhưng chỉ phê bình tư hữu như một ý tưởng bằng ngòi bút sẽ không đi đến đâu, phải dựa vào một lực lượng cách mạng. Đó là tầng lớp vô sản. Tầng lớp này sẽ đảm nhiệm vai trò lịch sử giải phóng nhân loại bằng cách tự giải phóng họ. Đó là những ý nghĩ Mác bày tỏ trong bài “Góp phần phê bình...” những ý nghĩ căn bản của chủ nghĩa Mác và phong trào cộng sản sau này. Dĩ nhiên, tập san tung ra với những ý nghĩ trên của Mác đã gây xúc động mãnh liệt; nó xuất hiện như ánh sáng soi chiếu cho một con đường tranh đấu mới, đồng thời làm hoảng sợ các quyền bính. Nhà vua Phổ đã ra lệnh, không những cấm bán lưu hành tập san, mà còn truy tố bắt giam Ruge, Marx, Heine nếu họ vượt biên giới vì khép họ vào tội phản nghịch và phạm thượng. Chính quyền nước Áo cũng ra lệnh cấm lưu hành tập san vì “nội dung tập san” vượt tất cả những gì báo chí cách mạng đã nói từ xưa đến nay.

Sau khi tập san Pháp-Đức bị đóng cửa, Mác tìm đến cộng tác với tờ “Vorwärts” một cơ quan của nhóm thợ Đức di cư ở Paris do Bornstein sáng lập. Dần dần ảnh hưởng của Mác càng lớn mạnh trong ban biên tập và do đó cũng càng ngày càng hướng tờ báo vào những mục tiêu đấu tranh chính trị. Đặc biệt đả kích vua Frédéric Guillaume IV mà tờ báo coi như tiêu biểu bậc nhất của thoái trào, phản động. Đến lúc tờ báo cổ vũ ám sát vua Đức và cho đó là lý luận mạnh nhất để đánh đổ chuyên chính quân phiệt, thì nhà vua không thể làm thinh được nữa. Chính quyền Đức can thiệp với chính quyền Pháp trục xuất Mác, mà các cơ quan mật vụ, công an đã tố cáo trong các báo cáo là thủ phạm chính những lăng mạ, phạm thượng. Ngày 11-1-1845, Mác, Ruge, Bornstein được lệnh của Bộ nội vụ phải ra khỏi Paris trong vòng 24 tiếng và ra khỏi nước Pháp trong một thời hạn rất ngắn. Mùng 5-2-1845 Mác đến Bruxelles, ít lâu sau bà Mác và đứa con gái gần một tuổi mới từ Paris sang ở với Mác.

Một người bạn

Trong đời Mác gặp nhiều đồng chí, nhưng không ai là bạn thân thiết và nhất là trung thành cho đến cùng hơn cả bằng Engels. Từ khi gặp nhau cho đến lúc nhắm mắt, trong những cơn thử thách sóng gió của tranh đấu cách mạng cũng như trong những giờ phút thất bại, lưu đày cùng cực đói khổ, hai người không bao giờ bỏ nhau. Engels không những là người độc nhất có thể nâng đỡ gia đình Mác trong những ngày túng bấn ở Luân đôn mà còn là người bạn cộng tác chặt chẽ với Mác trong công trình xây dựng chủ nghĩa Mác. Có những tác phẩm hai người viết chung, hoặc do một người viết nhưng ý tưởng là chung, đến nỗi đôi khi không còn biết đó là ý kiến của ai.

Một tình bạn tranh đấu gần 40 năm trời! Người ta có thể tìm hiểu nguồn gốc và sự hình thành chủ nghĩa Mác qua thư từ trao đổi giữa hai người gồm 9 tập, mỗi tập gần 300 trang.[1] Engels sinh ngày 28-11-1820 ở Barmen, thuộc một gia đình trưởng giả, làm chủ một xưởng thợ. Khác hẳn với Mác, Engels đã sinh ra, lớn lên giữa lòng chế độ tư bản đang thành hình, do đó Engels được mục kích hàng ngày tình cảnh làm than trong nếp sống và làm ăn của giới thợ thuyền: người lớn, trẻ con, đàn bà phải làm đến 15, 16 giờ một ngày trong những gian phòng chật chội, khói, bụi, mà vẫn đói khổ, ho lao bệnh tật.

Điều đó làm cho Engels sớm giác ngộ, có ý thức xã hội và cũng vì thế trở thành xa lạ, đối nghịch với tất cả những nếp sống, quan niệm của gia đình, của tầng lớp trưởng giả. Nhưng cũng khác với Mác, Engels phải nỗ lực rất nhiều mới vượt được những khủng hoảng tinh thần vì không được may mắn có một ông bố cởi mở, tự do lãnh đạo trước tôn giáo như Mác.

Cho nên Engels phải vất vả lắm mới tới được thái độ vô thần. Lúc 16 tuổi, Engels còn nhiệt thành tin tưởng và băn khoăn lo sợ trước những cảm dỗ có thể làm cho đức tin nguội lạnh. Engels đã để lại những bài thơ phản ánh niềm tin của một tín đồ tôn giáo chân thành thời niên thiếu, chẳng hạn lời thơ cầu nguyện sau đây:

Lạy Chúa Giêsu, con Thiên chúa,

Xin hãy xuống khỏi ngai vàng.

Để đến cứu rỗi hồn con.

Xin hãy đến mang theo nhiều chúc phúc.

Với mọi vẻ huy hoàng rực rỡ.

Để làm cho con chỉ biết chọn Chúa!

Lạy Chúa! Thật sung sướng, vinh quang biết bao, được ca tụng chúa trên Trời!

Nhưng, một đảng nhận thấy sự ly dị giữa thái độ đạo đức, và sự bất nhẫn, ích kỷ trước cảnh làm than ở nơi gia đình, họ hàng, một đảng được đọc các tác phẩm phê phán tôn giáo, đặc biệt cuốn “Đời Giêsu” của F. Strauss, Engels dần dần giác ngộ, cảm thấy tôn giáo chỉ là giả hình lừa bịp, đồng thời cũng dựa

trên những mâu thuẫn mà Strauss đã vạch ra. Engels làm quen với nhóm đồ đệ “Hegel thiên tả” và liên lạc với nhóm biên tập tờ Rheinische Zeitung ở Cologne. Engels trên đường sang Anh ghé qua Cologne và gặp Mác lần đầu tiên, lúc đó đang phụ trách tờ báo kể trên. Cuộc gặp gỡ sơ khởi chưa nối kết hai người vì chưa đủ hiểu nhau nhưng Engels cũng hứa sẽ cộng tác với tờ báo. Sang đến Anh 1842 để coi sóc một xưởng thợ cho cha, ở Manchester vì cha muốn cho Engels thành một nhà buôn, nếu không chịu sẽ bị đuổi khỏi gia đình, Engels được dịp nghiên cứu tại chỗ những vấn đề kinh tế, thợ thuyền. Cũng như Mác, Engels đi từ khuynh hướng Hegel thiên tả, qua triết học phê bình tôn giáo của Feuerbach, đến kinh tế học và cộng sản chủ nghĩa như phương tiện hiệu nghiệm hơn cả để thực hiện cách mạng xã hội. Cuối năm 1844, Engels về Đức, ghé qua Paris và gặp Mác lần thứ hai. Trong mười hôm ở chung với nhau, hai người tìm hiểu nhau và đi tới chỗ thoả thuận hoàn toàn về quan niệm lý thuyết cách mạng cũng như phương thức làm cách mạng. Trước khi tạm biệt, hai người dự thảo một chương trình làm việc chung. Việc đầu tiên là dứt khoát lập trường với Bruno Bauer. Hai người cùng soạn chung một biên khảo chống Bauer dưới nhan đề “Thánh Gia” (La Sainte Famille) chỉ ba anh em Bauer hay “Phê bình bài Phê bình phê bình”.

Về Đức, Engels thấy tình cảnh xã hội đã thay đổi nhiều: kỹ nghệ bắt đầu phát triển mạnh, vô sản cũng trở thành một số người đông đảo. Những hoạt động xã hội, cách mạng đang rất sôi nổi. Engels tích cực tham dự vào những hoạt động đó. Nhưng chẳng bao lâu cảnh sát theo dõi những hoạt động của Engels và đến lúc Engels thấy sắp bị bắt, đồng thời cũng không thể chịu nổi đời sống gia đình, Engels bỏ Bremen sang Bruxelles, ở năm 1845 để cùng hoạt động với Mác. Khi Engels đến Bruxelles, Mác đang miệt mài đọc những sách vở về kinh tế với dự định viết một cuốn “Phê bình chính trị và kinh tế chính trị”.

Nhưng trong lúc đó, Mác thấy cần phải phê phán triết lý Đức sau Hegel và những lý thuyết xã hội Đức hiện hành nên Mác đề nghị với Engels dự định của mình và cả hai cùng soạn thảo bản: “Ý thức hệ Đức” (Idéologie allemande) luận văn này mãi đến 1932 mới được xuất bản, và người ta mới thấy Mác đã phác họa những nét lớn, căn bản về duy vật lịch sử trong luận văn quan trọng trên viết thời trẻ tuổi.

Chú thích:

[1] Bản dịch tiếng Pháp của J. Moletor, Paris. Alfred Costes, Editeur, Correspondance K. Marx - F. Engels, 9 tomes

Chống lại Chủ nghĩa Cộng sản sơ khai

Thời Mác, người theo cộng sản chỉ có nghĩa là bất mãn trước những bất công xã hội, là muốn chống lại sự nghèo cực, áp bức. Đó là một tình tự quảng đại, chứa chan tính chất nhân loại, biểu lộ khát vọng công bằng xã hội. Nhưng nói đến quan niệm và hình thức tranh đấu, thì những người cộng sản đầu tiên này còn vướng mắc những khuyết điểm trầm trọng đến nỗi có thể coi họ là mới chỉ theo một thứ cộng sản ấu trĩ, sơ khai. Chẳng hạn về lý thuyết, có thái độ không tương, mơ ước một lý tưởng không sát với thực tế, hoặc coi cộng sản tư bản chỉ là vấn đề luân lý. Sở dĩ có áp bức vì bọn chủ xấu, ích kỷ. Do đó cần thay đổi lòng người, mà không thấy chủ yếu đó là những vấn đề kinh tế, xã hội. Hoặc hiểu cộng sản theo một nghĩa quá khích, ngây thơ như cộng sản là chung vợ, chung chồng. Về hình thức tranh đấu, tin vào những hội kín, âm mưu, bạo động nhất thời như phương tiện cách mạng thay đổi xã hội, mà không chú ý tới việc phân tách thời thế, thực tại, lấy việc giác ngộ chính trị cho quần chúng là quan trọng, hoặc lầm tưởng rằng có thể thực hiện ngay tức khắc cộng sản, mà không cần đếm xỉa đến những diễn tiến tất yếu của lịch sử, bằng cách đột giai đoạn.

Mác và Engels bó buộc phải chống lại những khuynh hướng trên, một đấu tranh nội bộ lâu dài và gât gao song song với đấu tranh chống tư bản, thực hiện cách mạng cộng sản.

Trước hết Mác phải chống lại những hoạt động của Weitling, một người cộng sản lý tưởng, tình cảm và hiếu động, chủ trương tập hợp du đảng trộm cướp, thành một đạo quân để đánh đổ bọn chủ hầu bằng một cuộc chiến tranh du kích chớp nhoáng. Weitling tuyên bố: “Tôi nghĩ rằng tất cả đều theo cộng sản, kể cả bọn tội phạm. Vì chính xã hội đương thời đã đẻ ra bọn tội phạm. Do đó, hoặc là nhân loại bây giờ đã đến lúc phải làm cách mạng, hoặc là không bao giờ nó sẽ làm được. Luận điệu sau là của bọn thù địch chúng ta. Nếu chúng ta nghe theo, thì chúng ta chỉ còn cách khoanh tay chờ chim sơn ca đã nướng sẵn rơi vào miệng chúng ta”.

Chính lời nói nhiệt thành của những người như Weitling lại càng nguy hiểm, vì nó đã kích động thợ thuyền đi vào những hoạt động tranh đấu thiếu suy xét, thiếu lãnh đạo, thiếu kế hoạch và do đó, chắc chắn thất bại, vì không phải chỉ tình cảm lòng hăng say cách mạng là đủ đẩy cách mạng tới thành công. Mác thành lập một “hệ thống thư tín tại Bruxelles” để bắt liên lạc với các tổ chức thợ thuyền, ở Anh, Đức, nhằm trình bày một đường lối tranh đấu căn cứ trên một lý thuyết khoa học chống lại ảnh hưởng nguy hiểm của Weitling. Một cuộc va chạm nảy lửa xảy ra giữa Mác và Weitling khi Weitling đến Bruxelles và dự một buổi họp của những người cộng sản Bỉ.

Không nhịn nổi để cho Weitling nói hết lời, Mác cắt ngang, nóng giận phản kháng Weitling và tuyên bố: “Người ta đánh lừa dân chúng nếu làm cho dân chúng vùng dậy mà không đặt hoạt động cách mạng trên những căn bản vững chãi. Sự thức tỉnh những hy vọng hão huyền không đem lại giải thoát mà chỉ đem lại tuyệt vọng cho những người đau khổ. Nói tới thợ, nhất là thợ Đức, mà không có những ý tưởng khoa học và lý thuyết cụ thể, tức là biến tuyên truyền thành một trò chơi rỗng tuếch, vô nghĩa giữa một người lãnh đạo nhiệt thành với những con lừa há hốc mồm nghe mà không hiểu gì cả” (thuật theo Annenkov, người Nga có mặt trong buổi họp). Rồi Mác nói đến việc không thể thực hiện tức khắc Cộng sản vì trước tiên phải qua giai đoạn trưởng giả đã, không thể vội vã hấp tấp và phải tranh đấu sáng suốt, không mù quáng, quá khích v.v...

Weitling cãi lại cứ ngồi phân tích trừu tượng, suy nghĩ cao xa thì chẳng đi đến đâu, và chẳng làm được gì. Mác tức giận, đập xuống bàn mạnh đến nỗi cây đèn suýt đổ, chồm lên và quát: “Cho đến bây giờ, sự ngu dốt chẳng giúp gì được cho ai hết”.

Mác tuyệt giao với Weitling và về sau còn phải cương quyết chống lại, khai trừ tuyệt giao với nhiều đồng chí, bạn hữu cũ khi thấy họ trở thành nguy hại cho phong trào chung.

Lúc đó ở Paris đã có “Hội những người công chính” (Ligue de justes) nhưng Mác chưa gia nhập vì không muốn tham dự những hoạt động âm mưu hội kín của tổ chức. Nhưng dù sao tổ chức cũng là tổ chức của thợ, những người làm cách mạng và do đó chỉ sự có mặt mới có thể thay đổi hướng đi cho họ. Nghĩ như vậy, Mác gia nhập hội.

Tháng 6-1847, Hội nhóm ở Luân Đôn đổi thành “Hội những người cộng sản” (Ligue des Communistes), sửa lại nội quy. Điều thứ nhất ấn định: “Mục đích của hội là nhằm lật đổ trường giả xây dựng trên sự đối lập giai cấp, và thiết lập một xã hội mới không giai cấp, không tư hữu”. Đó là tư tưởng của Mác và cả Mác lẫn Engels đã hướng phong trào vào một đường lối mới, dân chủ hơn vì cả hai đã đặt điều kiện: “Chỉ khi nào tổ chức cương quyết gạt bỏ mọi độc quyền nhằm nhí trong nội quy thì hai người mới gia nhập”. Khẩu hiệu trước đây của hội là “Mọi người đều là anh em”. Mác và Engels đề nghị sửa lại: “Người vô sản ở mọi xứ, hãy đoàn kết lại” và được chấp nhận. Cuối năm 1847, Hội họp lại một lần thứ hai để xác định đường lối, chương trình làm việc và dự thảo ra một tuyên ngôn. Mọi người đều đồng ý bầu Mác phụ trách lãnh đạo hội về lý thuyết và trao cho Mác soạn bản tuyên ngôn. Đầu năm 1848, Mác soạn xong và gửi sang cho Trung ương lúc đó ở Luân Đôn để phổ biến. “Bản tuyên ngôn cộng sản” nổi tiếng, trở thành bó đuốc soi sáng hoạt động cho phong trào cộng sản, thực ra là công trình chung của Mác và Engels, nhưng như Engels sau này đã nói, những ý tưởng căn bản và cả hình thức diễn tả, đều là của Mác.

Chiến thuật và chiến lược

Trong khi những trang cuối cùng của bản “Tuyên ngôn cộng sản” được đăng trên báo chí Anh ở Luân Đôn, thì cuộc cách mạng 1848 nổ ra ở Paris. Dân chúng đòi cải tổ việc bầu phiếu. Lính bắn vào đám biểu tình. Thế là ngày hôm sau, Paris vùng dậy, không còn phải đề đòi cải tổ bầu phiếu mà là thiết lập nền Cộng hoà. Chiều 24-2, Palais Royal bị chiếm, nhà vua chạy trốn, ngai vàng bị đốt và trong buổi tối hôm đó, một chính phủ lâm thời được thành lập và tuyên bố nền Cộng hoà.

Cuộc cách mạng có tính cách bài phong, phản đế ở Pháp tràn sang các nước Âu châu, đe dọa nền quân chủ của nước Bỉ, nước Áo, nước Đức – Mác và những thợ Đức di cư ở Bruxelles thảo một kiến nghị gửi mừng nền Cộng hoà Pháp. Chính quyền nhà vua Bỉ ra lệnh trục xuất những người ký tên, trong số đó dĩ nhiên có Mác. Mác vội vã sang Paris nhân tiện theo lời mời của Flocon, bạn thân hiện có chân trong chính phủ lâm thời. Ở Paris, những tổ chức thợ thuyền Đức, Áo, Balan di cư đang sôi nổi rục rịch sửa soạn trở về quê hương châm ngọn lửa cách mạng. Nhưng Mác là người đầu tiên và độc nhất thấy tính cách ảo tưởng của những cuộc vận động sôi nổi trên.

Đến đây, Mác phải chống lại những thái độ ấu trĩ, quá khích, không tưởng về phương thức đấu tranh cách mạng. Làm cách mạng không phải là bông bột chốc lát, thiếu suy tính, thiếu kế hoạch nhận định tình thế lợi hại. Không phải là gạt lòng hăng say cách mạng nhưng là hướng dẫn nó theo một đường lối do lý trí hoạch định.

Có đường lối tranh đấu là biết thoái, tiến phải lúc, là biết cộng tác theo giai đoạn, biết tách địch ra mà đánh. Trong khi phong kiến quân chủ còn mạnh, và vô sản vừa mới thành hình, còn non yếu thiếu tổ chức chặt chẽ, chưa có ý thức chính trị vững chắc, chưa xác định được dứt khoát phương thức tranh đấu, không thể có thái độ cực đoan, cùng một lúc chống cả phong kiến lẫn trưởng giả, tư sản, tiểu tư sản. Trái lại, phải biết cộng tác với trưởng giả và thoả hiệp tạm thời với cả những tầng lớp thù địch của quân chủ phong kiến đối lập chống lại việc thực hiện một cuộc cách mạng trưởng giả, sau đó, huy động vô sản bấy giờ đã lớn mạnh, trưởng thành chống lại trưởng giả, thực hiện cách mạng vô sản.

Nhưng nghĩ như Mác lúc phong trào đang bông bột chẳng khác nào đi ngược lại dòng nước chảy xuôi. Mác tuyên bố thợ di cư Đức, Ba Lan không nên về nước vội, vì một đảng chính phủ lâm thời Pháp không có ý định giúp thực sự, đảng khác ở quê hương chưa đặt được cơ sở cách mạng để hưởng ứng, tất nhiên sẽ bị quân đội của nhà vua tiêu diệt.

Nhưng không về nước không phải là thụ động, vì bốn phần hiện thời của thợ Đức là ở lại Paris, chờ đợi một cuộc xung đột khác diễn ra, cuộc xung đột giữa trưởng giả và vô sản, để góp phần tham gia giành thắng lợi cho cách mạng vô sản Pháp, một thắng lợi sẽ có tầm quan trọng vô cùng cho tương lai vô sản ở các nước Âu-châu.

Lời khuyên của Mác rơi vào sa mạc, hơn thế nữa Mác còn bị tố cáo là phản bội cách mạng. Nhưng những đoàn quân giải phóng quê hương đầu tiên vừa vượt sông Rhin đã bị những đạo binh hùng hậu của nhà vua Phổ tiêu diệt.

Kinh nghiệm thất bại trên chưa đủ thuyết phục những người chiến sĩ quảng đại nhưng bông bột, thiếu ý thức chính trị. Một lãnh tụ cộng sản quá khích khác mà Mác phải đương đầu và triệt hạ ảnh hưởng là Gottschalk, một bác sĩ đứng đầu “Liên đoàn thợ thuyền” ở Cologne, một nơi có lực lượng thợ thuyền, nghiệp đoàn khá mạnh so với các nơi khác, Gottschalk chủ trương tẩy chay những liên kết với những nhóm dân chủ không phải vô sản trên đường chính trị như trong việc tranh thủ vào Quốc hội, lần đầu tiên được tổ chức ở Đức. Vì theo Gottschalk, mục tiêu của vô sản là một nền cộng hoà xã hội, và do đó, hoặc là làm cách mạng tức khắc, hoặc là không làm, thế thôi. Nhưng Gottschalk không đếm xỉa gì đến tình thế chính trị ở Đức, một tình thế chưa cho phép đột giai đoạn thực hiện tức khắc vô sản chuyên chính. Làm theo Gottschalk, tức là tách vô sản ra khỏi những lực lượng dân chủ khác không phải vô sản, là tách rời ngay cả những người thợ có ý thức chính trị với quần chúng thợ còn ấu trĩ về chính trị, nghĩa là làm suy yếu mặt trận phản phong chống quân chủ, mục tiêu đầu tiên mà bản tuyên ngôn cộng sản đã đề ra.

Mác cũng với một số bạn bè lập “Hội dân chủ” (Association démocratique) chủ trương liên kết tạm thời với trường giả, và tranh thủ tham dự vào các nghị viện vì không lý do gì để cho các tên phản động, hữu phái độc quyền ăn nói công khai và hợp pháp. Đồng thời Mác xúc tiến ra lại tờ báo: Neue Rheinische Zeitung. Có bao nhiêu tiền, Mác bỏ vào vốn làm báo tất cả. Mác làm chủ bút và trong những giờ phút khó khăn, không ngại trở thành độc tài, cứng rắn trong việc lãnh đạo, điều khiển tờ báo, nhưng là một độc tài được mọi người trong ban biên tập chấp nhận, như Engels đã nói: “Sự độc tài của Mác thật là tự nhiên, không ai chối cãi. Mác có cái nhìn sáng suốt và có thái độ cứng rắn về nguyên tắc, và làm cho tờ báo trở thành một nhật báo nổi tiếng nhất trong thời kỳ cách mạng”. Một đặc điểm của tờ báo là bao giờ cũng dựa vào sự kiện để nhận định, chứ không lý thuyết suông, hay đề ra lý tưởng cao đẹp mà không tưởng. Về đường lối, chủ trương liên hiệp tất cả những lực lượng dân chủ chống chuyên chế quân chủ. Do đó, tờ báo tránh đề cập đến những mâu thuẫn giữa dân chủ vô sản và dân chủ tư bản, cũng không động đến những vấn đề riêng biệt của thợ thuyền, của cách mạng vô sản.

Để trấn an những người thắc mắc về đường lối trên, Mác nhắc lại mục tiêu chính bây giờ là đánh đổ chuyên chế quân chủ, cùng với trường giả, sau đó mới có thể nghĩ tới cách mạng xã hội, thiết lập chuyên chính vô sản.

Dần dần, ngay cả những hội viên ở “Hội thợ thuyền” là tổ chức do Gottschalk lãnh đạo cũng bị Mác thuyết phục, và sau cùng đề nghị Mác đứng đầu tổ chức của họ trong khi Gottschalk bị tù. Thực ra, ngoài óc sáng suốt và lập luận đanh thép, Mác còn có một bản ngã mạnh, một nhiệt tình vô tư đích thực. Chính những đức tính đó làm cho các đối thủ của Mác trong phong trào cộng sản phải khuất phục hoặc nhượng bộ.

Khi Gottschalk được tha, trở về với “Hội thợ thuyền”, thấy bị mất chức chủ tịch bây giờ đã do Mác nắm giữ, tuy chỉ là tạm thời – Gottschalk muốn đòi lại nhưng đa số hội viên không chịu. Gottschalk cho rằng mình bị phản bội, và các đồng chí chống lại mình là bọn vô ơn. Gottschalk và một thiểu số theo ông ta tách khỏi “Hội thợ thuyền”, ra một tờ báo khác để đả kích tất cả các nhóm chính trị, đặc biệt nhằm Mác với tờ “Neue Rheinische Zeitung”. Trong số ra ngày 25-2-1849, Gottschalk gửi một “Thư ngỏ cho ông Mác” nhằm phê phán lập trường của Mác đăng trong N.R.Z số 21-1-1849.

Chưa bao giờ Mác nói rõ ràng và dứt khoát về những nhiệm vụ của cách mạng và về vai trò của các tầng lớp xã hội trong công cuộc thực hiện cách mạng như trong bài báo trên. Nhân dịp sắp có bầu cử Quốc Hội khoá hai, và tầng lớp trường giả sẵn sàng chấp nhận Hiến Pháp mà Quốc Hội đã thảo ra,

Mác chứng minh rằng quyền lợi của trường giả không phù hợp với tinh thần Hiến Pháp và nhiệm vụ của trường giả là phải chống lại Hiến pháp trên, nghĩa là chống lại chuyên chế quân chủ vì guồng máy chính trị của phong trào phong kiến quân chủ đe dọa những quyền lợi của trường giả bằng cách chẳng hạn ngăn cản sự phát triển kỹ nghệ, hạn chế việc buôn bán với ngoại quốc v.v.... Do đó tiêu diệt phong kiến là quyền lợi tức khắc của trường giả. Cuộc cách mạng bài phong là cách mạng của giai cấp trường giả.

Còn với thợ thuyền, Mác nói: “Các bạn phải chịu đựng trong xã hội trường giả là xã hội đang tạo ra, qua nền kỹ nghệ của họ, những phương tiện vật chất để thiết lập một xã hội mới, sẽ giải phóng các bạn”. Vậy ở giai đoạn đầu, chưa thể thiết lập ngay xã hội chủ nghĩa, nghĩa là chưa thể chủ trương xóa bỏ tư hữu, chấm dứt mâu thuẫn giai cấp, mà là thiết lập một nền cộng hoà dân chủ. Nền cộng hoà dân chủ chưa phải giải phóng giai cấp cần lao nhưng mới tạo điều kiện cho giai cấp cần lao tranh đấu tự giải phóng. Gottschalk chống lại đường lối của Mác: “Tại sao bắt chúng tôi, những người vô sản phải đổ máu cho một cuộc cách mạng không phải của chúng tôi. Thưa vị giảng sư, phải chăng chúng tôi, nếu muốn thoát khỏi hoả ngục Trung cổ, phải tự ý nhảy vào lửa luyện tội (purgatoire) của chính quyền tư bản, để rồi sau mới bay lên được thiên đàng mơ hồ như lời tuyên ngôn của ông đã hứa?” Đó là một câu hỏi mà Weitling đã đặt ra, và sau này những Willich, Bakounine còn sẽ đặt ra. Nó bày tỏ tâm trạng không thể chờ đợi của những người cộng sản muốn đốt giai đoạn “hoặc là chúng ta nắm chính quyền ngay, hoặc là chúng ta đi ngủ cho rồi” như những người cộng sản ở Luân đôn đã tuyên bố vào năm 1850. Sau đó Gottschalk trách Mác là nhìn cách mạng với con mắt người trí thức trù tượng, không thấy nổi cơ cực cụ thể của vô sản. “Ông không coi là quan trọng việc giải phóng thợ thuyền. Cảnh lầm than của người thợ, cảnh đói khát của người nghèo đối với ông chỉ có một giá trị khoa học, lý thuyết, ông không thấy cảm động trước tất cả những cái thường rung động trái tim con người”. Cuối cùng Gottschalk tố cáo Mác đã muốn ngăn cản cách mạng ở Đức bùng nổ bằng cách liên hệ cách mạng Đức với cách mạng Pháp, rồi cách mạng Pháp với cách mạng Anh trong khi thực ra vấn đề là “phải làm cách mạng ở đây, bây giờ, hoặc là không làm gì hết”.

Sau bài báo của Gottschalk, sự chia rẽ về đường lối quá sâu sắc trong “Hội thợ thuyền” không thể không đưa đến sự phân tán. Những người đồng ý với Gottschalk tách ra khỏi hội và lập một nhóm khác. Nhóm này chẳng bao lâu cũng sẽ bị tan vỡ.

Đồng thời với những khó khăn nội bộ, Mác còn phải đương đầu với những đe dọa cầm đoán của chính quyền nhà vua. Nhiều lần Mác phải ra toà vì bị tố cáo “âm mưu phản loạn” hay phỉ báng, và chỉ được tha bổng nhờ áp lực của thợ thuyền đến phản kháng trước Toà án. Sau cùng nhà vua trục xuất Mác, lấy cớ Mác đã mất quyền công dân nước Phổ để đập chết tờ “Neue Rheinische Zeitung”. Ngày 18-5-1849, Tờ báo ra số cuối cùng, có bài thơ giã từ hèn tái ngộ của Frelligrath, nhà thơ cách mạng bạn của Mác.

Tờ báo đã làm cho Mác sạt nghiệp. Có bao nhiêu tài sản của Mác, của cả bà Mác đều “cúng” vào tờ báo. Không còn một xu dính túi, bà Mác phải bán nữ trang để có tiền chi tiêu những cái cần thiết.

Mác không còn làm gì được ở Đức, lại trở sang Paris.

Trong khi ở các nơi như Hung, Áo, miền Nam Đức, những lực lượng cách mạng đang bị tiêu diệt dần dần, mọi hy vọng lại hướng về Pháp. Bị thua ở đâu cũng được miễn là Paris lại vùng dậy, thế là tất cả Âu Châu sẽ vùng dậy theo. Nhưng Paris không còn dư âm của cách mạng 1848 và chính quyền hoàn toàn do Phản động nắm giữ. Một chính quyền phản động không thể để những người như Mác tự do thao

túng gây mầm cách mạng! Ngày 19-7-1849, Mác bị trục xuất, không thể sang Bỉ, hay Thụy Sĩ, Mác đành chạy sang Luân đôn vậy.

Khi đến Luân đôn, Mác thấy tình hình kinh tế ở Anh đã thay đổi nhiều: kỹ nghệ phát triển mạnh hơn và thợ cũng làm than cùng cực, nhất là những người trú cư. Do đó điều Mác nghĩ trước tiên là tìm cách giúp đỡ họ. Mác thành lập những Ủy Ban Tương Tế.

Liên đoàn Cộng sản Luân Đôn tương đối không bị phân tán sút mẻ trong những cuộc nổi dậy vừa qua ở Âu châu. Mùa hè 1850 bầu lại ban chấp hành và Willich được đề cử làm chủ tịch. Đồng thời liên đoàn cũng tìm cách liên lạc với các tổ chức ở Âu châu với một hội lấy tên là “Hội thế giới những người cộng sản Cách mạng” được thành lập.

Hướng đi của hội là nhằm thực hiện càng sớm càng hay cách mạng vô sản và phương thức hoạt động tương tự như của những hội kín, nghĩa là hoạt động bí mật, âm mưu gây rối loạn, sửa soạn cách mạng bằng bạo động.

Trong khi đó, Mác được nhận vào đọc sách ở Thư viện “British Museum”, càng đọc các tài liệu liên quan đến kinh tế Âu châu và nước Anh mười năm qua, Mác càng thấy những hy vọng cách mạng của mình hão huyền. Âu châu chưa bước vào những khủng hoảng trầm trọng, trái lại đang đứng ở ngưỡng cửa một nền thịnh vượng mới, như Mác đã viết cho Engels “Ai có mắt và biết nhìn, đều phải nhận rằng những rung chuyển cách mạng 1848 đang lắng dịu dần dần”. Từ nhận thức đó, Mác không thể không chống lại khuynh hướng “đốt giai đoạn” và dùng âm mưu, làm loạn như phương tiện thực hiện cách mạng vô sản tức khắc. Mác viết trong tờ Neue Rheinische Zeitung, ra lại dưới hình thức tạp chí Hambourg: “Những hoạt động của những kẻ âm mưu nhằm vượt quá trình diễn tiến của cách mạng, đưa đến cách mạng từ một khủng hoảng giả tạo, muốn làm nổ một cuộc cách mạng mà không có điều kiện cách mạng. Đối với họ điều kiện duy nhất của cách mạng là tổ chức đầy đủ âm mưu. Đó là bọn thuật sĩ (alchimistes) của cách mạng vì họ cũng có một rối loạn thần kinh, sự chật hẹp trí tuệ, những ý tưởng cố định của bọn thuật sĩ thời xưa. Chỉ bận tâm thực hiện những dự định đó, họ chỉ nhìn thấy trước mắt nhiệm vụ lật đổ chính phủ đương thời và tỏ ra khinh bỉ việc giáo dục lý thuyết thợ thuyền nhằm soi sáng họ về tình cảnh giai cấp của họ”. Cảnh sát để yên những âm mưu của họ, và không phải chỉ để yên như những nơi dễ dàng kiểm soát vì ở đó tập trung tất cả những phần tử cách mạng quá khích nhất của xã hội.... Do thám là một trong những hoạt động chính của những kẻ âm mưu. Do đó không lạ gì thấy những người âm mưu đôi khi nhảy từ chỗ âm mưu chuyên nghiệp sang chỗ làm chỉ điểm cho cảnh sát, nhất là khi họ bị túng thiếu, giam tù, bị đe dọa hay được hứa hẹn...

Những người âm mưu là những kẻ “hiếu động” muốn lật đổ chính quyền tức khắc, thường khinh bỉ những nỗ lực nhận thức mà họ cho là lý thuyết suông; Willich và đồng bọn thường nói những buổi diễn thuyết của Mác hoàn toàn mất thì giờ trong khi một người cách mạng thật sự phải hoạt động, nghĩa là tìm cách tổ chức những âm mưu lật đổ chính quyền.

Sự bất đồng ý giữa Willich và Mác càng ngày càng sâu sắc. Mác cương quyết chủ trương: chỉ tuyên truyền thôi, nghĩa là giác ngộ giáo dục ý thức chính trị quần chúng, không âm mưu phiêu lưu rối loạn, còn Willich nhất định cho rằng làm sao gây được rối loạn là mục tiêu độc nhất của tranh đấu cách mạng. Trong một buổi họp của liên đoàn cộng sản, Mác xác định lại quan điểm coi cách mạng như một quá trình lịch sử, trong đó, vô sản chỉ có thể nắm được chính quyền sau khi đã vượt qua những giai đoạn nhất định: “Thiểu số đã lấy một quan niệm giáo điều chống lại quan niệm phê bình, đã thay thế

quan niệm duy vật bằng một quan niệm duy tâm. Họ coi ý muốn của mình là động cơ cách mạng thay vì những điều kiện thực sự. Trong khi chúng tôi nói với Thợ: các bạn phải trải qua 15, 20, 50, năm nội chiến, thế chiến, không những để thay đổi những điều kiện xã hội mà còn để thay đổi chính các bạn, mới làm cho các bạn xứng đáng nắm chính quyền, thì các anh lại bảo ngược lại: Chúng ta phải cướp chính quyền tức khắc bằng không thì chúng ta đi ngủ cho rồi. Trong khi chúng tôi nhắc nhở những người thợ Đức về tính chất còn sơ khai của vô sản Đức, thì các bạn lại tăng bốc tình tự Quốc gia và những thiên kiến nghiệp đoàn cũng những thủ công người Đức: dĩ nhiên làm như thế các anh được tiếng bình dân hơn. Như những người dân chủ coi chữ dân chúng là một tên thánh, các anh cũng thần thánh hoá chữ vô sản”. Sau đó, Liên đoàn cộng sản (Ligue des Communistes) tách làm hai nhóm và cuối cùng tự giải tán.

Mác chán ngán những hoạt động liên kết với bọn quá khích, hiếu động, và nghĩ rằng để giờ suy nghĩ viết lách những vấn đề lý thuyết có ích lợi cho giai cấp công nhân hơn là tham gia những tổ chức cách mạng có tính chất “hội kín”. Tháng chạp năm 1852, Mác viết bài: “Bày tỏ về vụ án những người cộng sản ở Cologne”, nhằm tố cáo những lè lói đê tiện của cảnh sát Đức, và bài nghiên cứu về cuộc đảo chính mùa 2-12 của Bonnaparte: “Dix-huit brumaire de Louis-Bonaparte” cho tờ “Cách mạng” do Weydemeyer sáng lập ở bên Mỹ.

Sau khi liên đoàn Cộng sản giải tán ít lâu, Mác cũng từ chức luôn cả ở Hội thợ thuyền và Ủy ban cứu trợ. Tất cả những hoạt động của những người mà Mác gọi là “những vĩ nhân di cư” luôn luôn chờ đợi một “cách mạng sắp đến” chỉ làm cho Mác chán ngán và buồn cười. Họ cũng đâm ghét Mác, người cộng sản tri thức cô độc, kiêu hãnh, chủ trương “cộng tác với kẻ thù của thợ thuyền” đến nỗi người ta đã tung dư luận Mác cộng tác với tờ "Neue Preussische Zeitung", là một tờ cực hữu và phản động!

Người trí thức vô sản

Sau những thất bại về tranh đấu chính trị, các tổ chức, hội đoàn cũng lần lượt tan rã, Mác tạm thời lánh xa những bạn bè cũ đồng thời gia đình cũng lâm vào một tình cảnh túng bấn không thể cho phép Mác làm gì khác ngoài việc lo kiếm tiền nuôi gia đình. Suốt 12 năm trời trú cư ở Luân đôn, Mác chỉ xoay sở để có thể viết báo mà nhiều khi vẫn chật vật không xoay sở nổi và khi có chỗ viết, thì lại không được như ý muốn. Tờ báo lớn độc nhất mà Mác được cộng tác là tờ New York Tribune, phát hành ở bên Mỹ. Do đó Mác không thể viết cho những thợ thuyền Anh, Pháp, Đức trước đây là độc giả của Mác.

Gần một năm trời từ 1851-1852, Mác gửi 18 bài về cách mạng và phản cách mạng ở Đức cho New York Tribune đều ký tên Mác, nhưng thực ra do Engels viết hộ để cho Mác có thì giờ nghiên cứu và hoàn tất tác phẩm lớn về kinh tế. Sang năm 1853, Mác mới viết lấy, cả năm gửi 60 bài. Nhưng không phải là mọi bài đều được đăng và trả tiền. Toà báo coi Mác như một phóng viên ở ngoại quốc và được toàn quyền lựa chọn, cắt xén. Họ chỉ trả tiền Mác những bài họ đăng và cũng trả ít; nghĩ tới số phận làm báo kiếm cơm của mình, Mác viết cho Engels: “Thật là chán ngán được coi như một may mắn cộng tác với một tờ báo như thế. Nghiền xương, quấy lên để làm súp, như những người nghèo ở trại lao công; tất cả công tác chính trị chỉ còn có thế”. Tuy tiền nhuận bút thất thường và ít ỏi, nó cũng là đồng lương duy nhất của Mác trong gần 10 năm trời.

Gia đình Mác đông con (4 đứa) vàng bạc nữ trang đều đã dốc hết vào nghề báo, ông bà nội ngoại lại không giúp đỡ, Mác không sao tránh khỏi cảnh túng bấn quẫn bách. Cuối năm 1850 gia đình Mác bị chủ nhà đuổi vì không trả được tiền thuê. Bà Mác viết cho Weydemeyer vào thời kỳ đó: “Tôi chỉ kể cho ông nghe một ngày của chúng tôi, không thay đổi gì, để ông thấy ít người di cư sống như thế! Vì ở đây vú em đắt lắm, tôi đành phải nuôi con lấy, tuy tôi đau nhức lưng và ngực luôn. Nhưng đứa bé bú sữa của tôi pha trộn với lo âu phiền muộn nên nó bị ốm và khóc suốt ngày đêm. Từ khi sinh nó ra, chưa bao nó ngủ được 2, 3 giờ một đêm. Trong những lúc nó đau khóc, nó bú mạnh đến nỗi vú tôi sưng vù lên, và thỉnh thoảng máu từ miệng nó chảy ra”.

“Một hôm, tôi đang cho cháu bú, bỗng nhiên chủ nhà đến đòi tiền.... Và vì tôi chưa có, họ đe dọa sẽ lấy hết đồ đạc trong vòng 2 tiếng đồng hồ”.

“Ngày hôm sau chúng tôi phải dọn đi. Trời lạnh, mưa phùn và xám xịt. Nhà tôi đi tìm chỗ trọ nhưng chẳng ai dám chứa khi thấy nói có những 4 cháu. Sau cùng một người bạn giúp, và tôi vội vã bán tất cả giường chiếu để trả nợ: hiệu thuốc, hiệu bánh, hiệu thịt, hiệu sữa hoảng hốt và được tin đồ đạc của tôi sẽ bị tịch thu vì công nợ...”

“Ông đừng nghĩ rằng những cực khổ nhỏ nhen đó làm cho tôi ngã lòng, tôi thừa hiểu cuộc chiến đấu của chúng ta không lẻ loi, và tôi còn được số tốt vì nhà tôi luôn luôn ở bên cạnh và nâng đỡ tôi. Nhưng điều làm cho tôi tê tái thực sự đau thắt ruột lại, là thấy nhà tôi phải chịu đựng tất cả những cái nhỏ nhen đó trong khi chỉ cần một chút cũng đủ cho chúng tôi khỏi bối rối, là thấy nhà tôi không được một ai giúp đỡ trong khi anh ta vui sướng giúp đỡ mọi người. Và nhất là ông Weydemeyer ạ, xin ông đừng nghĩ rằng chúng tôi muốn đòi hỏi gì đâu. Điều độc nhất chồng tôi có thể đòi hỏi những người đã hấp

thụ của anh ta bao nhiêu ý tưởng và khuyến khích là họ hãy hoạt động hăng lên về thương mại, để cho tạp chí phát triển”.

“Nhưng chồng tôi lại nghĩ khác hẳn. Chưa bao giờ, cả những lúc rất khốn cực, anh ta thất vọng về tương lai và luôn luôn vẫn giữ được vẻ vui đùa”.

Gia đình Mác dọn đến ở khu Soho, là khu bình dân nghèo cực nhất, chỉ xoay đủ tiền thuê hai buồng hẹp. Năm 1854 có dịch tả tàn phá dữ dội khu Soho hơn cả và giết mất của Mác ba người con.

May còn nhờ vào Engels, người bạn độc nhất không bao giờ xa Mác. Engels cũng không xoay sở đâu ra tiền, đành trở lại Manchester, làm công cho xưởng thợ của chính cha mình, để có thể giúp đỡ Mác.

Có lúc Mác nghĩ đến việc di cư sang Mỹ nhưng rồi mọi thu xếp đều không thành. Trong khi đó, Mác mất thêm đứa con gái mới hơn một tuổi và Mác phải đi vay tiền của một người di cư mới mua nổi cỗ xe cho nó. Mác muốn biến tờ báo của mình thành tập san ra ba tháng một kỳ, nhưng không nhà xuất bản nào nhận in. Thất vọng, Mác cố gắng soạn thêm cho xong bộ sách về kinh tế, nhưng Mác và nhiều bạn bè không làm sao điều đình với một nhà xuất bản nào để họ chịu in, vì cứ nghe thấy tên Mác là họ sợ run lên rồi. Những cuốn “Dix-huit Brumaire” với “Révélation sur le procès des Communistes à Cologne” dĩ nhiên không được xu nào vì viết cho đảng.

Trong một thư viết cho Engels khi cả vợ và con đều ốm, Mác nói: “Tôi vẫn chưa đến bác sĩ được, vì tôi không còn tiền. Từ 8, hay 10 ngày qua, tôi nuôi cả nhà bằng bánh và khoai lang, và hôm nay tôi tự hỏi không biết còn kiếm được nữa không”. Nhiều hôm, Mác phải trốn đi Manchester để thầy thuốc khỏi đến đòi và dọa kiện. Nước, than đường bị “cắt” luôn vì không thanh toán được “biên lai”. Trẻ con của Mác dần dần cũng láu cá hòa nhau kêu: “Ông Mác không có trên gác” mỗi khi hiệu bán thịt, hàng sữa, hàng bánh mì đến đòi nợ...

Bị cực về vật chất đã đành; Mác còn bị cực về tinh thần. Những kẻ thù Mác không làm gì được Mác bèn tung ra những dư luận xấu để xuyên tạc bôi nhọ uy tín Mác. Mác viết cho Weydemeyer phản nản về những chuyện đó và nói rằng Mác chịu đựng được, chúng càng bêu xấu xuyên tạc càng làm cho Mác khinh bỉ chúng nhưng sợ cho bà vợ: thần kinh đã lung lạc lắm rồi, e không còn đủ sức chống lại những ty tiện đó.

Một người chỉ điểm cho nhà vua Đức đã mô tả nhà Mác trong một bản báo cáo như sau: “Mác ở một trong những phố nghèo nàn nhất và vì thế rẻ tiền nhất ở Luân Đôn. Có hai buồng. Trong nhà, chẳng thấy một đồ đạc gì sạch sẽ và còn nguyên vẹn; Mọi cái đều gãy, sút mẻ, rách và có một lớp bụi dày bao phủ, cũng chẳng có ngăn nắp gì cả. Ở giữa phòng khách, có một cái bàn lớn... đầy bản thảo báo chí sách vở, đồ chơi trẻ con, giẻ lau và sách vở của bà Mác. Người ta còn thấy cả mấy cái chén miệng sút mẻ, mấy cái thìa bản thảo, rồi nào là dao, xiên, chân nến, tách, lọ mực, tẩu và tàn gạt thuốc lá. Tất cả vứt bừa bãi trên bàn.

Khi vào nhà Mác, người ta thấy trước mặt một làn khói than bếp hay thuốc lá, rồi phải lặn mò như trong hang cho đến khi quen mắt và nhìn ra đồ đạc như trong sương mù. Chỗ nào cũng bản thảo, đầy bụi, thật là nguy hiểm nếu ngồi xuống ghế: cái chỉ có ba chân, cái trẻ con vừa chơi vừa lấy làm bếp, may còn đủ bốn chân. Chủ nhà mời khách ngồi chiếc ghế đó, nhưng lại quên dọn đồ chơi của trẻ con, do đó nếu ngồi có thể bị nhọ quần. Nhưng tất cả điều đó không hề làm cho Mác và bà vợ ông ta bần

khảo. Họ tiếp đón tử tế, lịch sự mời hút thuốc, hay uống nước. Rút cục câu chuyện sáng suốt và để chịu làm cho quên những thiếu thốn tiện nghi và người ta lại thấy ở đây hay hay, là lạ. Đó là bức tranh đúng thực của gia đình Mác, ông trùm cộng sản”.

Một điểm đặc biệt là Mác, dù nghèo túng, vẫn giữ cái vẻ ăn mặc bề ngoài lịch sự, để cho những kẻ thù khỏi có một bằng chứng biện hộ cho thái độ phản cách mạng của họ (tranh đấu chết đói). Hơn nữa Mác còn luôn luôn giữ được vẻ vui tươi, lạc quan, khôi hài, như thể sự nghèo cực không bao giờ làm tổn thương được bản ngã và lý tưởng của Mác.

Bạn bè Mác có kể lại những buổi đi chơi, Mác làm trò, hát hò, ngâm thơ cho mọi người vui và cấm nói chuyện chính trị.

Từ lúc niên thiếu, Mác đã chịu ảnh hưởng của bố vợ, rất mê thơ, kịch Shakespeare, cho nên dù những lúc gặp túng thiếu, cũng không ngần ngại mua sách của Shakespeare hay đi xem kịch. Nhắc tới điểm chú trọng đến văn hoá của Mác, Karl Stern, một bác sĩ người Áo, cựu đảng viên cộng sản đã chú thích “Một người biết dành từng đồng xu để có thể mua một vé đứng trong rạp hát không thể là một người duy vật được”[1], cả gia đình Mác cũng mê Shakespeare như Mác.

Năm 1855, bà Mác đã 41 tuổi, sinh được một con gái khác. Mác yêu quý vô cùng vì chỉ có nó là bé nhất. Các bạn hữu Mác đều đồng ý nhận xét Mác rất mến trẻ con. Mác thường nói với họ: Chúa Kitô chỉ được lòng Mác ở chỗ ngài yêu quý trẻ con và vì thế có thể tha thứ rất nhiều cho Kitô giáo vì đã giảng dạy tình yêu trẻ con. Nhưng chưa đầy 4 tháng, đứa nhỏ mất. Thường Mác vẫn dấu những xúc động, ngay cả với bạn bè thân thiết. Nhưng lần này, Mác không thể ngăn chặn được nỗi niềm đau xót menh mang khi viết thư cho Engels “cháu Musch không còn nữa. Nó ngủ (thật đúng thế) trong tay tôi, ngày hôm nay và vào quãng 5 và 6 giờ. Tôi không bao giờ quên tình bạn của anh đã nâng đỡ tôi trong những ngày bi thảm này: Anh thừa hiểu nỗi đau đớn của tôi...”, và trong lá thư sau “nhà bây giờ vắng vẻ như bị bỏ hoang, từ khi đứa cháu là linh hồn sống động của nhà này ra đi. Tôi không thể nói anh hiểu nó mất đi là một thiếu thốn cho chúng tôi đến mức nào. Tôi đã nếm đủ mọi sự rủi ro, nhưng bây giờ tôi mới hiểu thế nào là một tai nạn thực sự...” Vết thương lòng trên của Mác không bao giờ hàn gắn được. Sau 10 năm mà Mác còn viết: “Thời gian càng xa từ ngày tôi mất cháu nhỏ, tôi càng tưởng nhớ tới nó và nỗi sầu khổ của chúng tôi cũng càng tăng thêm”.

Nhưng từ năm 1860 đến 1863 là những năm Mác khôn khó hơn cả, túng tiền, bà Mác lại lên đậu vừa khỏi, đến lượt Mác bị. Mác không còn một xu dính túi, mọi sự trông nhờ ở Engels, có đồng nào gửi hết tất cả cho Mác: mùa hè 1862, Mác thử một lần cuối cùng viết thư cho bà mẹ xin giúp đỡ nhưng bà cứ nhất định không gửi cho một dính, có lần Mác đã viết cho một người bạn là không thể để cho xã hội trưởng giả biến Mác thành một cái máy kiếm tiền. Bây giờ cùng cực quá Mác đành trở thành cái máy kiếm tiền vậy. Mác làm đơn xin một chân thư ký hoả xa, nhưng vì chữ xấu quá, nên đơn bị bác. May lúc đó, Engels gửi tiền kịp, Mác lại có thể sống triển hạn thêm.

Tuy vậy, Mác vẫn không bỏ quên công trình soạn thảo bộ sách lớn về kinh tế. Đến tháng 3-1867, tập đầu bản “Tư bản luận” hoàn tất và in xong.

Mác viết thư cảm ơn Engels vì nếu không có Engels giúp đỡ thì chắc chắn sách không thể soạn và in ra được, đồng thời viết cho Meyer để giải thích tại sao Mác đã không trả lời nhiều thư của người bạn. “Mọi lúc tôi có thể làm việc, tôi đều dành cho tác phẩm trên, một tác phẩm mà tôi đã hy sinh sức

khỏe, nguồn vui sống và cả gia đình tôi. Tôi mong rằng sự giải thích đó là đủ. Nếu người ta chỉ muốn là con vật, dĩ nhiên người ta có thể dễ dàng quay mặt đi để khỏi nhận thấy những đau thương của nhân loại, và chỉ để lo cho chính bản thân mình. Nhưng thật tôi không coi tôi ra gì nếu tôi chết mà chưa hoàn thành được ít ra bản thảo cuốn sách của tôi”.

Lý tưởng của Mác là “phục vụ nhân loại”. Đó là lẽ sống còn cũng là nguyên nhân mọi cơ cực lầm than của Mác.

Chú thích:

[1] Le Buission Ardent, E. du Seuil

Lại tranh đấu Cách mạng

Từ quãng 1860, phong trào thợ thuyền lại bắt đầu trỗi dậy ở Đức, Pháp, Anh sau gần mười năm tan rã, tê liệt vì những chia rẽ nội bộ, hay khủng bố đàn áp của các lực lượng quân chủ phản động. Nhưng lần này vùng lên, các lãnh tụ đều cảm thấy cần thực hiện một liên kết vượt phạm vi quốc gia những lực lượng thợ thuyền của từng nước mới mong chống lại được một liên kết quân chủ cũng có tính chất quốc tế. Nhân dịp dân Ba Lan nổi dậy chống chuyên chế Nga hoàng, thợ Anh và Đức dự định tổ chức một biểu tình ủng hộ Ba Lan. Chưa làm được thì cuộc nổi dậy trên đã bị tiêu diệt. Tuy nhiên hai phái đoàn Anh và Pháp đã nhờ dịp gặp nhau và đã thoả thuận về nguyên tắc thành lập một tổ chức quốc tế thợ thuyền. Đứng trước những cuộc vận động mới có vẻ “nghiêm chỉnh” như trên, Mác không thể lãnh đạm đứng ở ngoài được. Cho nên Mác nhận lời khi được mời vào Uỷ Ban dự thảo thành lập quốc tế lao công. Buổi hội chính thức để thành lập kết quả hoàn toàn tốt đẹp: lần lượt các đại biểu Pháp, Anh, Đức, Ý, Ai nhĩ Lan lên diễn đàn và sau đó toàn thể chấp thuận nghị quyết thành lập hội quốc tế thợ thuyền, tức là “Đệ nhất Quốc tế” cộng sản; Trung ương lãnh đạo đặt trụ sở ở Luân đôn.

Nhưng khi bàn đến hiến chương, nội quy, các khuynh hướng trong hội không đi tới một thoả thuận nào vì phần đông lãnh tụ vẫn chưa nhận định đúng một con đường phải đi, nên đưa ra những ý kiến mà Mác cho là “không thể chấp nhận” được, quá ấu trĩ nguy hại cho phong trào. Thảo luận chán, cuối cùng Mác được uỷ nhiệm dự thảo quy chế và khi đưa ra hội đồng được toàn thể nhiệt liệt hoan nghênh chấp thuận. Ý niệm căn bản của qui chế là: “Công cuộc giải phóng thợ thuyền phải do chính giai cấp công nhân đảm nhiệm”. Mục đích của hội nhằm thiết lập những liên lạc liên đới giữa những tổ chức thợ thuyền các nước trong tinh thần tôn trọng tính cách độc lập của mỗi tổ chức quốc gia.

Trong ý định của Mác, Hội quốc tế thợ thuyền phải là một lợi khí giáo dục ý thức cách mạng của thợ thuyền, làm cho họ giác ngộ về thân phận của họ, nhận thức được vai trò lịch sử của họ và biết tranh đấu thực hiện vai trò lịch sử của mình theo được đường lối cách mạng, chứ không phải chỉ vì nhiệt tình cách mạng bộc phát. Đệ nhất Quốc tế vừa thành lập đã bành trướng rất mau lẹ. Khắp nơi đều hưởng ứng thành lập những khu, ban, liên đoàn. Năm 1865 Mác viết cho Engels: “Thợ Pháp, nhất là thợ Paris, coi Đại hội đồng ở Luân-đôn như một Bộ ngoại giao của giai cấp công nhân”. Đại hội đồng thực ra là Mác. Mác lãnh đạo, cho chỉ thị, khuyến cáo cho tin tức hay xác định lập trường trước những biến cố xảy ra. Trong thời gian này, Mác hoàn toàn bị lôi cuốn hết thời giờ vào việc tổ chức điều hành Đệ Nhất quốc tế. Nhưng chẳng bao lâu, những khó khăn về đường lối lại xuất hiện. Mác có thể quan niệm mỗi tổ chức địa phương được hoàn toàn tự do độc lập trong việc bầu cử nội bộ, nhưng không thể để cho những đường lối lý thuyết trái ngược với quyền lợi chung của Đệ Nhất quốc tế. Chẳng hạn, khuynh hướng theo Lassalle chủ trương vô sản cộng tác với phong kiến phản động chống lại dân chủ trưởng giả. Mác cương quyết chống lại và tuyệt giao với nhóm đó. Nhưng đối thủ nguy hại hơn cả là Michel Bakounine. Sinh trưởng ở Nga, nhưng sang Đức học, Bakounine cũng giống Mác ở chỗ cả hai đều thuộc phái Hegel khuynh tả, và đi từ lý thuyết đến thực tiễn cách mạng. Bị bắt kết án tử hình vì tham gia vào những cuộc nổi loạn, rồi bị đày đi Sibérie, sau cùng Bakounine vượt ngục qua Nhật, Mỹ để trở về Âu-châu. Bakounine gặp Mác ở Paris hồi 1844. Hai người đều làm cách mạng vô sản, nhưng quan niệm khác hẳn nhau về cách mạng vô sản và cả về cách làm cuộc cách mạng đó.

Theo Mác, cách mạng vô sản sẽ phải thoát thai từ xã hội cũ, nó vượt xã hội cũ nhưng giữ lại tất cả

những giá trị tích cực, những thành quả về văn hoá, chính trị xã hội. Trái lại, theo Bakounine, cách mạng là sự huỷ diệt triệt để mọi cái cũ, không giữ lại gì cả và xây dựng lại từ số không: “Ba lê, Luân đôn, Bá linh sẽ trở thành một đồng lửa vĩ đại”.

Hơn nữa, về phương thức tranh đấu, Bakounine cũng chủ trương như Weitling, Willich trước đây, nghĩa là có làm cách mạng phải làm tức khắc bằng âm mưu hội kín và là làm cách mạng vô sản, nếu không thì thôi.

Với những quan điểm đối nghịch như vậy đã hằn khó lòng quan niệm được Mác sẽ cộng tác với Bakounine. Sự xung đột càng không thể tránh được khi Bakounine nuôi tham vọng lái toàn thể “Quốc tế vô sản” vào hướng đi của mình và ra sức củng cố địa vị, gây thêm phe cánh để gạt ảnh hưởng và uy quyền của Mác.

Nhưng Bakounine quả quyết không bao giờ trực tiếp công kích Mác, vì hiểu rằng nếu đã kích trực tiếp Mác, sẽ bị quá ba phần tư “Quốc tế” phản đối tấy chay. Bakounine theo chiến thuật chia mà đánh, nhằm một vài đồng chí của Mác, ít có uy tín bằng Mác để đã kích, đồng thời vẫn ca tụng ra mặt ủng hộ Mác.

Sau hội nghị đảng ở Balê và nhất là từ 1870, sự mâu thuẫn giữa Mác và Bakounine càng trở nên sâu sắc, không thể nào hoà giải được. Một lần nữa Mác lại phải đương đầu với những đối thủ nội bộ để bảo vệ đường lối tranh đấu công khai của một phong trào thợ thuyền chính thức, vì theo Mác, lối tranh đấu “âm mưu” hội kín là lỗi thời với tình thế thợ thuyền hiện nay, do đó không thể dùng lại và chấp nhận quan điểm của Bakounine. Đang lúc Mác bận tâm chống Bakounine thì những biến cố lớn xảy ra đòi hỏi những nhận định và tranh đấu kịp thời. Năm 1870 Pháp gây chiến với Đức, nói đúng hơn, Napoléon đánh nhau với Bismark. Trước cuộc chiến tranh Pháp – Đức, thái độ của vô sản, nhất là vô sản hai nước Pháp, Đức phải xử trí thế nào? Dĩ nhiên việc xác định thái độ ở đây tùy theo quan niệm về chiến tranh trong công cuộc giải phóng vô sản.

Một số những người có chân trong Đệ nhất Quốc tế nhưng theo khuynh hướng Proudhon cho rằng tất cả những chiến tranh giữa các nước Âu châu đều có tính chất một tranh chấp giành giật ảnh hưởng, quyền lợi giữa các chế độ quân chủ chuyên chế mà thôi, do đó không liên hệ đến quyền lợi giai cấp công nhân. Vậy công nhân phải chống chiến tranh, hô hào giải giới và dùng đình công để đòi hỏi chấm dứt chiến tranh.

Trái lại, Mác nhận định rằng chiến tranh có thể là một động cơ mãnh liệt của cách mạng và đôi khi là một yếu tố tiến bộ lịch sử; chính vì thế mà Mác đã hô hào ủng hộ cuộc chiến tranh chống Nga hồi 1848, vì Mác vẫn coi nước Nga với chế độ Nga hoàng chuyên chế là một ngăn trở lớn lao nhất cho cách mạng. Do đó đánh đổ được Nga hoàng tức là tiêu diệt được một lực lượng phản động nguy hiểm hơn cả.

Mác còn nhìn nhận đôi khi chiến tranh đánh dấu một tiến bộ trong quá trình lịch sử giải phóng lao động. Chẳng hạn những chiến tranh có tính chất quốc gia nhằm thống nhất dân tộc chống việc thống trị của ngoại bang, mặc dầu những người cầm đầu và có công trong công cuộc tranh đấu đó là độc tài quân phiệt như Cavour đã thống nhất nước Ý và Bismark đã thống nhất nước Đức.

Về sau, khi viết cho Engels, Mác có dịp bày tỏ lý do biện minh cho quan điểm trên: “Đối với một dân

tộc lớn lao, không thể bàn một cách nghiêm chỉnh, trên phương diện lịch sử, những vấn đề nội bộ, dưới bất cứ hình thức nào, bao lâu nó chưa thực hiện được nền độc lập quốc gia. Một phong trào quốc tế chỉ có thể có được giữa những quốc gia độc lập, đồng đều”.

Trước cuộc chiến tranh Pháp – Đức, Mác nhận định như sau: Napoléon đánh Đức, không phải chỉ đánh nước Phổ của Bismark mà chủ yếu là đánh dân Đức. Vậy nếu Napoléon thắng, thì trước hết sự thống nhất của Đức vừa chinh phục được có thể bị tan rã, và do đó không thể có phong trào thợ thuyền độc lập liên kết hùng mạnh, vì thế tất cả mọi lực lượng đều phải dồn vào công cuộc thiết lập lại độc lập, thống nhất quốc gia, sau là chế độ chuyên chế của Napoléon sẽ được củng cố chặt chẽ thêm, do đó trở thành một ngăn trở lớn cho phong trào quốc gia ở Trung Âu. Trái lại, nếu nước Đức thắng, chế độ chuyên chế Napoléon sụp đổ, sự thống nhất nước Đức không còn bị đe dọa và đồng thời phong trào độc lập quốc gia có thể phát động nhanh chóng, quyết liệt. Căn cứ vào phân tích trên, Mác kêu gọi thợ thuyền Pháp chống chiến tranh, chống Napoléon, tạo điều kiện thiết lập nền Cộng Hoà. Sau thất bại lớn lao ở Sedan, nhà vua đầu hàng và nền cộng hoà được tuyên bố thành lập ở Paris.

Nhưng cuộc kháng cự của Bismark cũng không còn ý nghĩa và sẽ trở thành xâm lăng nếu Bismark tấn công nền Cộng Hoà Pháp. Mác kêu gọi thợ thuyền Đức chống Bismark và bác bỏ luận điệu đòi sáp nhập vùng Alsace Lorraine vào Đức để duy trì nền an ninh của Đức, đồng thời kêu gọi thợ thuyền Pháp vùng lên bảo vệ nền cộng hoà Pháp mới thành lập dù không phải do những phần tử thuộc giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhưng Bakounine không đồng ý với Mác và cho rằng chính lúc “nền cộng hoà” còn yếu mới là lúc thuận tiện nhất để thiết lập một nền cộng hoà bình dân của thợ thuyền. Bakounine cùng với nhóm “French Branch” lập tức điều động bạn hữu, thu góp tiền bạc và đến Lyon tổ chức âm mưu lật đổ chính quyền lâm thời vì Lyon có nhiều phần tử quá khích hơn cả. Ngày 28-9, Bakounine và đồng bọn chiếm đóng Toà Đô sảnh Lyon, và tuyên bố Công xã cách mạng. Nhưng chỉ mấy giờ sau, âm mưu bị dẹp tan. Những nơi khác nổi lên như Marseille, Brest, cũng bị thất bại cả.

Khi Mác được tin những “hoạt động khuynh đảo” của Bakounine, Mác nổi giận điên người và thét lên bọn họ đã làm hỏng hết cả. Trong khi đó, nước Pháp kháng cự một cách tuyệt vọng. Mác và trung ương “Quốc tế cộng sản” hô hào các quốc gia, nhất là nước Anh ủng hộ giúp đỡ nước Pháp.

Nhưng ngày 28-1-1871, chính phủ lâm thời Pháp ký kết đình chiến với nước Đức. Chiến tranh chấm dứt. Tuy nhiên, sau khi đình chiến dân chúng Pháp mới thấy bại trận không hẳn là vì thiếu sự giúp đỡ ngoại bang mà là do chính phủ không cương quyết kháng cự, không dám huy động, vũ trang thợ thuyền, thà rằng để cho quân Đức chiếm đóng còn hơn để cho một cuộc cách mạng vô sản bùng nổ cướp chính quyền, và chính vì sợ dân chúng công nhân vùng dậy mà chính phủ lâm thời vội vã ký đình chiến.

Tình tự bất mãn, đó là nguồn gốc những hành động tổ chức đưa đến vụ “Công xã” Ba lê. Những người lãnh đạo công xã đều có chân trong “Quốc tế” nhưng tuyệt nhiên không phải do Trung Ương quốc tế vận động, khuyến khích hay đứng ra tổ chức Công xã. Mác và Engels đều không hay biết gì về những vận động, tổ chức Công xã. Tuy nhiên khi vụ Công xã đã bùng lên, Mác và Engels đều coi nó như đứa con tinh thần của Quốc tế cộng sản, là cuộc chiến đấu đầu tiên của giai cấp vô sản chống trường giả Âu châu.

Nhưng Mác cũng lại là người thực tế, nhìn thấy trước công xã sẽ thất bại vì những khuyết điểm, sai lầm về quân sự, chính trị, chẳng hạn không bố trí cẩn thận những ngõ vào Paris, không chiếm đóng nhà băng, không dám tuyên bố nội chiến và tiến quân xuống Versailles khi Thiers còn chưa đủ thời giờ

chỉnh đôn hàng ngũ... Do đó Mác đề nghị một giảng hoà giữa Paris và Versailles nhưng Bakounine lại nhất định chủ trương đánh đến cùng và nếu thất bại thì thất bại trong danh dự.

Công xã thất bại, nhưng thất bại không tiêu diệt hoàn toàn lực lượng thợ thuyền và làm tê liệt chí tranh đấu cách mạng của giai cấp công nhân: “Đảng công nhân, với Công xã, vẫn sẽ được ca tụng như tiên phong vinh quang của một xã hội mới. Những tử sĩ của nó có chỗ đứng trong lòng giai cấp công nhân”.

Những nỗ lực cuối cùng

Vụ công xã làm cho Mác trở thành một “quái vật” trước dư luận, nhất là trước dư luận phản động. Mác đứng đầu “Quốc tế cộng sản” một tổ chức âm mưu vĩ đại chống lại cả thế giới, là kẻ thù của nhân loại. Không làm gì được Mác, những kẻ thù phao tin đồn nhảm, xuyên tạc vu khống Mác. Họ bịa những truyền đơn tố cáo Mác là tay sai của Bismark, do đó Bismark mới là trù thủ thực sự của Quốc tế cộng sản và cũng chính Bismark đã gây ra vụ Công xã.

Hoặc tung tin Mác làm giàu bằng cách thâm thụt quỹ của Quốc Tế thợ thuyền đóng góp, và sau cùng, một tờ báo khuynh hướng theo Bonaparte loan tin Mác đã chết. Khi viết thư cho người bạn, Mác đã nhắc tới thái độ đê tiện của những kẻ thù Mác: “họ dùng cái sai lầm như khí giới hiệu nghiệm nhất để chống đối “Quốc tế”; với những ngài lương thiện bảo vệ tôn giáo, trật tự, gia đình và tư hữu, tội xuyên tạc không phải là điều đáng trách”.

“Tuy thất bại, công xã vẫn tác dụng sâu xa vào việc xác định đường lối mới của Quốc tế cộng sản”. Lần đầu tiên, phong trào thợ thuyền đứng lên tranh đấu cướp chính quyền, đánh dấu một khởi điểm mới, có tầm quan trọng lịch sử toàn diện như Mác đã nhận định.

Trước Công xã, “Quốc tế” thường chỉ bận tâm về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi thợ thuyền như tranh đấu giảm giờ làm việc, tăng lương, nâng đỡ những thợ đình công, thất nghiệp. Sau Công xã, Quốc tế không thể giới hạn phạm vi hoạt động vào những tranh đấu chỉ có hậu quả chính trị một cách gián tiếp. Trái lại, Quốc tế phải trở thành một phong trào tranh đấu chính trị công khai, chính thức để cướp lấy chính quyền, hoặc có chân trong những guồng máy chính quyền vì tranh đấu chính trị là một lợi khí cần thiết giải phóng kinh tế, xã hội cho giai cấp công nhân.

Căn cứ vào sự chuyển hướng mới, “Quốc tế” cũng cần tổ chức lại nội bộ nhằm xiết chặt hơn những liên hệ giữa các khu bộ, mà trước đây vẫn hoàn toàn được tự trị.

Nhưng trong khi Quốc tế sửa soạn thực hiện những cải tổ, chỉnh đốn qui mô để có thể bành trướng mau lẹ khắp Âu châu như Mác và Engels ước mong, thì Quốc tế lại gặp những khó khăn đưa đến chỗ chia rẽ và tan vỡ.

Hai nước đi tiên phong trong phong trào thợ thuyền Quốc tế là Pháp và Anh sau công xã, không còn phải là lực lượng nòng cốt của “Quốc tế” nữa. Thợ thuyền Pháp, nhất là thành phần lãnh đạo, bị tổn thất nặng nề trên chiến trường trong vụ công xã, hay chết lẫn mòn trong các nhà tù, trại giam. Còn thợ thuyền Anh trái ngược lại, bắt đầu bước vào một giai đoạn tương đối thoả mãn những nguyện vọng liên hệ trực tiếp đến nếp sống vật chất vì đã phát triển thịnh vượng của kỹ nghệ, do đó không cảm thấy cần thiết lao mình vào những tranh đấu chính trị quyết liệt, một đường lối mới do Quốc tế đề ra.

Những nước thuận lợi hơn cả cho một cuộc vùng lên của thợ thuyền như Ý, Áo, Tây Ban Nha, thì phong trào công nhân lại chưa được tổ chức chặt chẽ. Nhưng khó khăn lớn lao hơn cả là những hoạt động của Bakounine.

Trước nhu cầu “thống nhất lãnh đạo” tập trung quyền hành vào trung ương để thực hiện tranh đấu chính

trị hiệu nghiệm, Bakounine cho rằng ảnh hưởng của mình sẽ bị suy yếu hay bị loại bỏ. Bakounine vận động khu bộ Thuy sĩ đứng dậy chống “khuyh hướng độc tài” của Hội đồng Trung Ương, gây sự nứt rạn chia rẽ trong khu bộ. Sau đó, Bakounine còn trách nhiệm gây ra một vụ án không những làm tổn thương nặng cho uy tín của “quốc tế” mà còn góp phần làm cho nó suy sụp.

Bakounine quen biết với một thanh niên Nga tên là Netchaiev, một thứ lưu manh cách mạng đã bịa chuyện bị bắt giam và vượt ngục để được đề cao là anh hùng cách mạng trốn khỏi nước Nga. Netchaiev tự xưng là đại biểu của một tổ chức cách mạng bí mật Nga, có nhiệm vụ bắt liên lạc với các tổ chức cách mạng Nga lưu vong. Bakounine dù biết Netchaiev nói dối lường gạt nhưng vẫn tin dùng, và coi như một đồng chí lý tưởng có thể hướng vào âm mưu. Khủng bố bạo động rất hợp với tâm tính của Bakuonine và Netchaiev. Sau mấy tháng ở gần Bakounine để hấp thụ một căn bản lý thuyết cho những hoạt động cách mạng lưu manh: Mục đích biện chính mọi phương tiện, bất cứ cái gì gây được rối loạn, có lợi cho cách mạng đều tốt và được phép làm, chỉ có một lợi khí tranh đấu cách mạng là phá hoại, tiêu diệt, Netchaiev trở lại Nga với tư cách đại diện của “Ủy ban trung ương liên hiệp cách mạng” có chữ ký của Bakounine chứng nhận, để lập cơ sở, tìm đồng chí làm loạn. Một thanh niên xưng tên là Ivanov không tin những mảnh khoé lừa bịp của Netchaiev và rút lui. Thế là Netchaiev quyết định kết án anh ta là “phản bội” và thủ tiêu anh ta một cách dã man.

Hoạt động này bị báo chí phanh phui và tố cáo âm lên, các người cách mạng Nga chân chính cũng tìm cách trừng trị Netchaiev nhưng tên này trốn ra ngoại quốc, được Bakounine, biết rõ mọi hoạt động của hắn ta, chẳng những không khiển trách mà còn ca tụng và cho hắn ta như người cách mạng lý tưởng.

Mác được những người dân Nga, như Lopatine Outline cho biết tất cả sự thực về hành động của Bakounine, Netchaiev và cương quyết chống lại nhóm theo Bakounine vì những hành động của nhóm này có thể làm sụp đổ Quốc tế. Chỉ nguyên một vụ như vụ Netchaiev cũng đủ làm tiêu diệt uy tín của Quốc tế ở khắp Âu-Châu. Do đó Quốc tế không thể cho phép những phần tử lợi dụng danh nghĩa Quốc tế hành động theo những đường lối riêng biệt hoàn toàn trái ngược với tinh thần và mục tiêu của Quốc tế.

Nhưng Mác lại gặp những khó khăn lũng củng chia rẽ trong nội bộ lãnh đạo. Ecurius, một người được Mác tin nghiệm và đề cử vào Hội đồng trung ương, vì túng thiếu, nên thường tiết lộ những tin tức, quyết định bí mật của Hội đồng cho báo chí ngoài đảng để kiếm tiền, làm cho hội đồng nghi kỵ, chia rẽ nhau. Rồi những thông cáo của nhóm theo Bakounine hội họp ở Sonvillers công khai đả kích Hội-đồng trung ương, được các báo hữu phái trích đăng gây xúc động nhiều trong giới lao động trước sự chia rẽ, nứt rạn của lãnh đạo. Nhóm Bakounine cũng yêu cầu Hội đồng trung ương triệu tập Hội nghị.

Những chia rẽ, đối lập, tranh chấp lần lượt nổ ra về địa điểm hội nghị, về quyền cử đại diện ủy nhiệm, về quyền hạn của hội đồng trung ương, về việc rời trụ sở sang Nữ-Ước, và sau cùng về việc khai trừ những đảng viên lầm lỗi. Bakounine bị khai trừ, trụ sở rời sang Nữ Ước, tranh đấu chính trị là đường lối mới Quốc tế, đó là những điểm được đa số Hội nghị tán thành nhưng Quốc tế vẫn không tránh khỏi những chia rẽ, phân tán do những mâu thuẫn về quyền lợi, về tham vọng gây ảnh hưởng, muốn chỉ đạo giữa các lãnh tụ, các khu bộ. Hội đồng trung ương được chuyển sang Nữ-Ước theo đề nghị của Mác, vì ở đó, giai cấp công nhân đang thành hình và phát triển mau lẹ, đồng thời để tránh những áp lực của các khu bộ ở Âu châu: nhưng trái lại, Mác cũng không còn lãnh đạo, chỉ phối được Hội đồng trung ương. Một năm sau Hội đồng ở La Haye, Mác mới thấy “Quốc tế” càng ngày càng đi đến chỗ tan rã, phân tán và nhìn nhận đã tính toán sai lầm về việc chuyển trụ sở của Hội đồng Trung ương

sang Mỹ trong khi “Quốc tế” hấp hối, và chưa có điểm gì báo hiệu cho phép hy vọng một phục hưng phong trào quốc tế thợ thuyền thì Mác cũng mắc bệnh nặng. Sau nhiều năm chật vật, vì cực khổ về đời sống gia đình, sau những khó nhọc mệt mỏi vì tranh đấu cho phong trào thợ thuyền, lãnh đạo, bảo vệ Quốc tế cộng sản, cộng với những cố gắng quá mức để hoàn thành bộ “Tur bản” Mác kiệt sức và đau gan, một bệnh kinh niên của Mác.

Kể từ 1873, Mác không bao giờ lấy lại được sức khỏe để làm việc như trước. Tuy nhiên Mác không thể bỏ dở việc soạn thảo bộ Tur bản tập hai và tập ba. Lúc này, Mác cũng đặc biệt chú ý đến tình hình nước Nga. Mác học tiếng Nga để có thể nghiên cứu những tài liệu, thống kê liên quan đến vấn đề địa tô, chế độ nông nghiệp bên Nga; càng đi sâu vào những tài liệu trên, Mác càng thấy một cuộc cách mạng đánh đổ Nga hoàng sẽ làm bùng lại những cuộc cách mạng ở Âu-châu. Mác đã viết cho Sorge: “Tất cả những tầng lớp xã hội Nga đều đang phân hóa, tan rã về mọi phương diện, kinh tế, luân lý, trí thức, và lần này cách mạng sẽ khởi đầu từ phương Đông”.

Khi cuộc chiến tranh Nga Thổ xảy ra, Mác hy vọng Thổ sẽ đánh bại được Nga hoàng và do đó tạo điều kiện thuận tiện cho cách mạng bùng nổ. Nhưng trái với sự tiên đoán mong đợi của Mác, Thổ bị thua, và chế độ chuyên chế Nga hoàng cũng chưa đến chỗ suy nhược như Mác đã nhận định. Tuy Quốc tế cộng sản không còn hoạt động, nhưng Mác vẫn giữ liên lạc với những bạn bè cũ, góp ý kiến, khuyến khích, nâng đỡ những sáng kiến Mác chấp thuận.

Mùa hè 1881, gia đình Mác sang Pháp để thăm các con gái đã kết bạn với những người xã hội Pháp như G. Longuet, Paul Lafargue. Khi về Luân đôn, Bà Mác lâm bệnh và mất ngày 2-12-1881. Mác đã biết từ lâu không thể cứu sống được người bạn đường, tuy vậy Mác vẫn đau khổ nhiều vì cái chết của bà Mác. Mác cũng ốm liệt không thể dự đám tang vợ vì bị chứng sưng màng phổi. Từ đó Mác không còn làm được gì vì bị mất ngủ, yếu mệt. Ngày 11-1-1883 con gái lớn lấy G. Longuet đột nhiên chết ở Paris. Mác buồn ở lặng mấy ngày liền không nói một lời. Bệnh càng ngày càng trầm trọng. Mác mất ngày 14-3-1883 và ngày 17-3 được chôn cất ở nghĩa địa Highgate: Liebknecht đọc diếu văn, đại diện cho thợ Đức, Lafargue đại diện cho thợ Pháp, và Engels, đại diện cho thợ toàn thế giới.

Mác chết đi không được nhìn thấy những cố gắng tranh đấu của Mác. 35 năm sau, nhờ Lénine, chủ nghĩa Mác mới thực sự tác dụng vào lịch sử thế giới và vẫn còn tiếp tục tác dụng vào lịch sử cho đến nay.

Bút pháp và bút chiến của Marx

Có một cách đặt vấn đề, một lối phân tích của Mác phân biệt Mác với tất cả những nhà tư tưởng đương thời[1]. Cách đặt vấn đề đó càng độc đáo và tác dụng mãnh liệt vào tâm tư người đọc vì một cách sử dụng ngôn ngữ của Mác.

Để đánh đổ một ý kiến đối nghịch hay để trình bày một quan niệm của mình, không những ngôn ngữ diễn tả cần phải trong sáng rõ ràng, mạch lạc, ngắn gọn mà còn cần phải đập mạnh vào tâm tư người đọc, làm cho người đọc hoặc bị tê liệt, hoặc bị quyến rũ; muốn thế, không gì xây dựng những câu văn thành những công thức mà lý tưởng hơn cả là đạt tới sự chặt chẽ của những công thức toán học. Những kiểu nói công thức theo tỷ lệ nghịch thuận, hoặc theo lối đảo ngữ thường được Mác sử dụng một cách rất tài tình và đã trở thành những châm ngôn nổi tiếng.

Mác đã lược tóm tắt cả tình cảnh sa đọa của người thợ làm việc trong chế độ tư bản bằng công thức sau đây:

“Thế giới sự vật càng được giá bao nhiêu, thì thế giới con người càng mất giá đi bấy nhiêu” (avec la mise en valeur (verwertung) du monde des choses, progresse en raison directe la perte en valeur, la dévaluation du monde des hommes).

“Người thợ trở thành một thứ hàng càng rẻ mạt khi người thợ càng sản xuất thêm nhiều hàng”.

“Sản phẩm của lao công càng văn minh, người thợ càng trở thành man rợ; lao công càng mạnh, người thợ càng yếu; lao công càng giàu có về trí tuệ, người thợ càng mất trí tuệ và nô lệ thiên nhiên. Lao công tạo ra vẻ đẹp, nhưng đối với người thợ, lao công đưa đến sự què quặt. Lao công tạo ra tinh thần, nhưng đối với người thợ nó tạo ra sự đàn độn. Thế giới bên ngoài mà người thợ tạo ra trước mặt anh ta càng vĩ đại bao nhiêu, thì chính anh ta và thế giới bên trong của anh ta càng trở thành nghèo nàn bấy nhiêu.

“Sự thực hiện lao công xuất hiện như một phi thực làm cho người thợ phi thực đến nỗi chết đói”. (La réalisation du travail apparait comme déréalisation si bien que l’ouvrier est déréalisé jusqu’à la mort par la faim)

Kinh tế tư bản là phi luân bởi chính những mục đích cao cả giả dối của nó.

“Cái nhân đạo ở ngoài kinh tế chính trị, và cái vô nhân đạo ở trong kinh tế chính trị

“Cái vòng lẩn quẩn của kinh tế chính trị; mục đích là tự do tinh thần. Vậy, đối với đa số, là lệ thuộc, vắng bóng mọi niềm vui tinh thần. Những nhu cầu vật chất không phải là mục đích duy nhất. Vậy, những nhu cầu vật chất trở thành mục đích duy nhất của đa số. Nhưng ngược lại mục đích là hôn nhân. Vậy, với đa số đó chỉ là dĩ điểm; mục đích là hữu sản. Vậy, đó là sự phá sản của đa số”.

Những đảo ngữ nổi tiếng:

Proudhon viết “Triết lý về sự lầm than” với một thái độ phê phán lý thuyết dựa vào những khái niệm luân lý, triết lý được coi như những chân lý vĩnh cửu (công bằng, trật tự...) Mác vạch ra tính cách ảo tưởng lầm than của thái độ phê phán suông: “Sự lầm than của Triết lý”.

Nhấn mạnh vào sự cần thiết của lý luận, phê phán trong công cuộc tranh đấu, nhưng sự cần thiết đó không phải xuất phát từ một say mê lý luận để lý luận, mà là sự say mê tranh đấu:

“Tranh đấu chống lại một tình trạng xã hội, phê bình không phải là một say mê của đầu óc, nhưng là đầu óc của say mê”.

Hoặc nhấn mạnh vào sự cần thiết gắn liền lý luận với thực tiễn tranh đấu. Lý luận là một vũ khí tinh thần, nhưng phải đi đôi với vũ khí thực sự: “Vũ khí phê bình không thể thay thế cho sự phê bình bằng vũ khí; lực lượng vật chất phải được đánh đổ bằng một lực lượng vật chất”.

Trong viễn tượng đó, Triết lý hiểu theo nghĩa lý luận phê phán, phác họa đường lối, và vô sản hiểu theo nghĩa lực lượng thực hiện đường lối, thì triết lý và vô sản là một: “Cũng như triết học tìm thấy ở vô sản khí giới vật chất của mình thế nào thì vô sản cũng tìm thấy ở Triết học khí giới tinh thần của mình thế ấy... Triết học là cái đầu của mọi cuộc giải phóng nhân loại. Vô sản là con tim của cuộc giải phóng đó. Triết lý không thể thực hiện nếu không xóa bỏ được vô sản, vô sản không thể được xóa bỏ nếu không thực hiện được triết học”.

Sứ mệnh lịch sử của vô sản, như một tầng lớp chịu đựng mọi bóc lột áp bức, là chấm dứt tình cảnh bóc lột, chấm dứt tình cảnh bóc lột là chấm dứt chế độ quyền tư hữu; chấm dứt chế độ quyền tư hữu là chấm dứt xã hội giai cấp đã đẻ ra giai cấp vô sản; không phải để đưa giai cấp vô sản lên thành giai cấp phổ biến, nhưng là để tiêu diệt mọi giai cấp...

“Vô sản thực hành bản án mà chế độ tư hữu đã tự buộc mình khi tạo ra vô sản, đồng thời vô sản cũng thực hành bản án mà vô sản đã tự buộc mình khi tạo ra sự giàu có cho người khác và sự lầm than cho chính mình. Sau thắng lợi, vô sản không tự tôn thành giai cấp phổ biến của xã hội, vì nó đã chỉ thắng lợi bằng cách tự tiêu diệt và tiêu diệt giai cấp đối lập. Trong trường hợp đó, vô sản sẽ biến mất với chế độ tư hữu mà nó là sản phẩm”.

Trong công cuộc giải phóng con người, phải gạt bỏ tôn giáo vì tôn giáo là phản ảnh vong thân, là thuốc phiện ru ngủ những kẻ lầm than trong những ước mơ chỉ là ảo tưởng.

“Nền tảng của phê bình tôn giáo là như sau: con người làm ra tôn giáo; không phải tôn giáo làm ra con người”.

“Lầm than tôn giáo, một đảng là biểu lộ của lầm than đích thực, đảng khác cũng là sự phản kháng chống lại lầm than đích thực”.

Nhưng phê bình tôn giáo mà lại dùng những khái niệm tôn giáo thì cũng vẫn ở trong tôn giáo (trường hợp Luther) hay dùng những khái niệm tâm lý, xã hội triết lý (trường hợp Feuerbach, Bauer...) nhằm đả phá tôn giáo cũng vô ích vì không đả động đến những điều kiện đã đẻ ra tôn giáo.

Nhận định về Tin lành (như một phê bình công giáo La Mã), Mác viết:

“Luther đã thắng sự nô lệ dựa vào lòng sùng kính nhưng chỉ để thay thế sự nô lệ dựa vào sùng kính bằng nô lệ dựa vào niềm tin. Ông ta đã bẻ gãy lòng tin vào quyền bính, vì đã thiết lập quyền bính dựa vào lòng tin. Ông đã cải tạo những linh mục thành giáo dân vì đã biến những giáo dân thành linh mục. Ông đã giải thoát con người khỏi cái vẻ đạo đức bề ngoài, vì đã coi đạo đức là yếu tính của con người. Ông đã làm rơi những xiềng xích buộc trói thân xác vì đã xiềng xích hóa được tâm hồn rồi”.

Tin lành chống lại công giáo [vì công giáo] đã trở thành cái đạo nô lệ dựa trên tôn sùng (ảnh tượng...) đòi hỏi vâng phục quyền bính giáo sĩ, và quá chú trọng vào những tổ chức đạo đức bên ngoài, những kỷ luật đối với thân xác mình để đề cao một đạo chỉ dựa vào đức tin đời sống bên trong... Nhưng thực ra Tin lành chỉ là một cải biến, một chỉnh lý tôn giáo, vì vẫn giữ nguyên vẹn những đòi hỏi tôn giáo, chỉ thay đổi cách thể giữ đạo mà thôi (thay lòng sùng kính ảnh tượng bằng sùng kính đức tin, thay lòng tin vào quyền bính giáo sĩ bằng quyền bính của lòng tin, thay linh mục bằng giáo dân nhưng chỉ là gán cho giáo dân (mục sư) chức linh mục...

Phê phán thái độ phê phán của Feuerbach, Bauer, Mác viết:

“Chúng tôi không biến những vấn đề đời thành những vấn đề thần học. Chúng tôi biến những vấn đề thần học thành vấn đề đời. Sau bao nhiêu năm, lịch sử đã được giải quyết bằng mê tín, chúng tôi giải quyết mê tín bằng lịch sử. Vấn đề tương quan giữa giải phóng chính trị và giải phóng tôn giáo đối với chúng tôi trở thành vấn đề tương quan giữa giải phóng chánh trị và giải phóng nhân loại”

và sau cùng đây là công thức về nhân bản cộng sản vô thần:

“Vô thần, với tư cách là một hủy diệt (aufhebung) Thượng đế, là sự hình thành của chủ nghĩa nhân bản lý thuyết. Cộng sản, với tư cách là một hủy diệt tư hữu, là một đòi lại cuộc sống của nhân loại thực sự như tư hữu của mình, một đòi lại thuộc về lãnh vực của chủ nghĩa nhân bản thực tiễn. Nói cách khác, vô thần là chủ nghĩa nhân bản tiến tới bằng sự xóa bỏ tôn giáo và cộng sản là chủ nghĩa nhân bản tiến lên bằng sự xóa bỏ tư sản”.

hay:

“Cộng sản là một xóa bỏ tư sản coi như một phân ly giữa người với người, vậy cộng sản là một phục hồi thực sự bản chất con người bởi con người và cho con người, vậy coi như một trở về con người với chính nó, với tư cách là một con người nhân loại, một trở về đầy đủ, ý thức bằng cách duy trì mọi phong phú của những phát triển về trước của nó”.

Đối với những lý thuyết thù địch cần đánh đổ, phê bình của Mác là một tố cáo: tố cáo tính cách hình thức, lừa dối, sai lầm, ảo tưởng của những lý thuyết, chủ nghĩa, tôn giáo bằng cách vạch ra những mâu thuẫn nội tại của chúng và nhằm tiêu diệt chúng bằng cách tiêu diệt những điều kiện tạo ra chúng (sẽ bàn trong chương về phương pháp).

Đối với đồng chí nhưng đã đi lệch đường, Mác cũng không chút thương hại, và phê bình ở đây là một bút chiến, với một thái độ châm biếm, chế giễu, khinh bỉ đôi khi thật tàn nhẫn. Mác không phân biệt người với lý thuyết, không chủ trương tìm hiểu, đối thoại, nhưng chỉ nhằm tranh thủ chân lý và do đó không ngần ngại làm nhục, tổn thương con người hay dè bẹp đối phương.

Chẳng hạn Mác phê bình Bruno Bauer, người bạn, đồng chí cũ về thái độ duy tâm trừu tượng của Bauer khi phân tách những vấn đề thực tại. Ngay cái tựa cũng đã ngụ ý chế giễu một cách khinh bỉ rồi; Mác gọi tất cả những bạn bè của Bauer là đồng bọn, là “Thánh gia” hay “Phê bình việc phê bình phê bình chống lại B. Bauer và đồng bọn”.

Một vài cái đề các chương ngụ ý mỉa mai.

- Sự sâu xa của phê bình phê bình hay phê bình phê bình dưới ngòi bút của Jungnitz (Chương II).
- Phê bình phê bình như một bình an của trí thức hay là phê bình phê bình dưới ngòi bút của Edgar (chương IV).
- Phê bình phê bình buôn bán những bí nhiệm, hay phê bình dưới ngòi bút của Szeliga (chương V).
- Phê bình tuyệt đối hay phê bình dưới ngòi bút của Bruno...

Khi phê bình khiêu vũ, Szeliga đã chỉ coi khiêu vũ như một phạm trù chung chung để tìm hiểu tại sao xã hội chấp nhận khiêu vũ mặc dầu trai gái từng đôi ôm nhau và có thể có vẻ “được kích thích, cảm khoái mà dư luận không coi những va chạm ôm ấp đó như khiêu dâm”.

Mác mỉa mai Szeliga: Ông Mục sư (Mác gọi nhà phê bình là mục sư) không nói tới những lỗi nhảy dâm dăng “can can” polka, (điệu vũ của miền Bohême) nhưng chỉ nói tới khiêu vũ chung chung, đến phạm trù khiêu vũ, một phạm trù không khiêu vũ ở đâu cả, trừ trong bộ óc phê bình của ông mục sư. Chỉ cần ông quan sát một chút một điệu nhảy theo lối “nhà tranh” ở Paris cũng đủ để tinh thần ki tô giáo Nhật Nhĩ Man của ông phẫn nộ vì tính cách ngổ ngáo hồn nhiên, lời nhạc bộ điệu khiêu dâm của nó”[2].

Bàn về vai trò của lịch sử, Bruno viết: “Lịch sử để làm gì, nếu không phải để minh chứng cho chúng ta thấy những chân lý rất đơn giản trong các chân lý, như sự xoay quanh mặt trời của quả đất”.

Mác chế giễu: “Cũng như trước mắt những nhà cứu cách luận xưa, cây cối chỉ có để cho súc vật ăn, và súc vật để cho loài người ăn, lịch sử chỉ có để dùng vào việc ăn trên lý thuyết, tức là sự chứng minh”.

Con người có để cho lịch sử có, và có lịch sử để cho có chứng minh các chân lý. Dưới một hình thức phê bình quá tầm thường như thế, thật ra đó chỉ là nhắc lại một thứ đạo lý trừu tượng cho rằng con người và lịch sử có để cho chân lý có thể biết mình là chân lý. Do đó lịch sử cũng như chân lý đều trở thành một cá nhân riêng biệt, một chủ thể siêu hình mà những con người cụ thể chỉ là những đại diện. Chính vì thế mà nhà phê bình tuyệt đối đã viết những câu: “Lịch sử không cho phép người ta bắt xét đến nó. Lịch sử đã cố gắng rất nhiều”[3]. Mác gọi Bauer là nhà thần học, là loài bò sát nhai lại những kiến thức của Hegel mà không tiêu nổi[4].

Để kết luận hơn 400 trang phê bình, Mác tiêu diệt đối phương bằng cách làm cho đối phương trở thành lỗ bịch.

Chương IX: Phán đoán sau cùng của phê bình.

“Bằng hai lần, phê bình, nhờ Rodolphe, đã cứu văn thế giới khỏi suy sụp, nhưng chính là đem lại sự

suy sụp cho thế giới”.

“... Và tôi thấy, tôi nghe thấy một thiên thần khỏe mạnh, ông Hirzel, bay trên trời từ Zurich. Ông cầm trong tay một quyển sách nhỏ mở ra, tựa giống tập 5 của “tạp chí văn học” Allgemeine Literaturzeitung”[5], và ông đặt chân phải trên đám đông, còn chân trái trên Charlottenbourg; và ông kêu lớn tiếng như sư tử gầm thét, và lời ông bay đi như những bồ câu và lên cao tận miền “Bi thảm”, tới những khía cạnh sáng loáng của phán xét sau cùng theo lối phê bình...

“... Và trong khi thiên thần kêu gọi, bấy sấm chớp rền vang tiếng kêu của chúng:

Dies irae, dies illa.

Solvat saeculum in favilla

Judex ergo cum sedebit,

Quidquid latet apparebit,

Nil inultum remanebit,

Quid sum miser tunc dicturus... [6]

“Các bạn sẽ nghe thấy những tiếng chiến tranh và những lời chiến tranh. Điều đó phải xảy ra trước đã. Vì có những Ki-tô giả và Tiên tri giả, các ông Buchez, Roux de Paris, Friedrich, Rohmer và Rohmer de Zurich, và họ sẽ nói: Đây là đảng Ki-tô! Nhưng lúc đó dấu hiệu của anh em Bauer sẽ xuất hiện trong phê bình, và chúng ta sẽ được chứng kiến sự thực hiện câu ngạn ngữ của dân quê:

Khi những con bò đi song đôi

Việc cày ruộng sẽ dễ dàng hơn.

*

Bình luận lịch sử

“Theo chỗ chúng tôi biết sau đó, thì không phải thế giới bị tiêu diệt nhưng là tạp chí “Phê bình văn học” (Kritische Literaturzeitung)[7].

Proudhon cũng là một người bạn của Mác. Mác đã từng đàm đạo thâu đêm với Proudhon về Hegel, về xã hội chủ nghĩa, và đã tha thiết viết thư mời Proudhon cộng tác trong việc thành lập một phong trào xã hội chủ nghĩa giữa các nước Đức, Pháp, Anh – mà công việc đầu tiên là thiết lập những liên lạc, trao đổi ý kiến về đường lối, lý thuyết, sửa soạn cho hành động sau này. Nhưng khi Proudhon xuất bản cuốn “Triết học về làm than” (Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế), Mác đã phản ứng ngay, có lẽ vì cảm thấy mình bị Proudhon ám chỉ và do đó đã không nể nang “đập nát” không những tư tưởng mà cả uy tín quốc tế của Proudhon. Dĩ nhiên là sau khi “Làm Than về Triết lý” ra đời, tình bạn giữa hai người bị tan vỡ... Ngay lời tựa, Mác đã xỏ đau Proudhon bằng những lời sau đây:

“Ông Proudhon phải cái không may là không được biết đến ở Âu châu. Ở Pháp, ông có quyền được coi như một nhà kinh tế tồi vì được hiểu lầm là một triết gia Đức giỏi. Ở Đức, ông có quyền được coi như một triết gia Đức dở, vì được hiểu lầm là một trong những kinh tế gia Pháp nổi tiếng nhất. Chúng tôi, với tư cách vừa là người Đức, vừa là kinh tế gia, chúng tôi muốn phản đối hai điều sai lầm trên”.

“Độc giả sẽ hiểu cho, trong việc làm bội bạc này, đôi khi chúng tôi phải bỏ qua sự phê bình ông Proudhon để giới thiệu Triết lý Đức, đồng thời cũng phác họa vài nét lớn về kinh tế học. Bruxelles 15-9-1847. Karl Marx.

Trang sau, hình như cho rằng lời tựa trên chưa đủ làm nhục Proudhon, nên Mác viết thêm:

“Cuốn sách của ông Proudhon, không phải chỉ là một bộ khảo luận về kinh tế học, một cuốn sách thường mà còn là một kinh thánh: “Những mâu nhiệm”, “Những Bí mật rút ra từ đáy lòng Thiên Chúa”, “Những Mặc Khải” chẳng còn thiếu gì trong cuốn đó. Nhưng vì ngày nay, những tiên tri được người ta bàn cãi một cách thận trọng hơn là những tác giả đời, nên độc giả buộc phải chịu cùng với chúng tôi bước qua sự thông thái khô khan và tối tăm của “Sáng thế ký” (Kinh thánh) để sau đó vươn lên cùng với ông Proudhon đến những miền thanh cao và hiệu nghiệm của chủ nghĩa siêu xã hội”.

Chương đầu, Mác chế riều Proudhon đã khám phá ra kinh tế học như một khoa học như thế nào, để rồi chương hai chứng minh tính cách siêu hình của thứ kinh tế học đó. Mác mở đầu chương hai về “Phương pháp” như sau:

“Chúng ta đang ở giữa nước Đức. Chúng ta sẽ phải nói tới siêu hình học, mà chính là nói về kinh tế học. Và về điểm đó, chúng ta chỉ việc phải theo dõi những “mâu thuẫn” của Ông Proudhon. Lúc này, Ông đã buộc chúng ta nói tiếng Anh, trở thành người Anh cà-là-mềng. Bây giờ, màn thay đổi, Ông Proudhon đưa chúng ta về tổ quốc yêu quý của chúng ta và buộc chúng ta lấy lại tư cách người Đức, dù chúng ta muốn hay không.

“Nếu người Anh biến người thành mữ, người Đức biến mữ thành ý tưởng. Người Anh là Ông Ricardo, nhà ngân hàng và nhà kinh tế lỗi lạc, còn người Đức là Ông Hegel, giáo sư triết học ở đại học Berlin.

Louis XV, ông vua cuối cùng, tiêu biểu cho sự suy đồi của nền quân chủ Pháp, đã tuyển mộ một y sĩ ở bên cạnh mình; vị y sĩ đó đã là nhà kinh tế học đầu tiên của nước Pháp. Vị y sĩ đó, nhà kinh tế học đó tiêu biểu cho sự thắng lợi tất nhiên như một khoa học, và đã lược tóm khoa đó trong “Bảng Kinh Tế” nổi tiếng. Trừ một nghìn lẻ một bình luận đã in bảng tóm đó, chúng ta còn có một bình luận của chính y sĩ. Đó là “Phân tích bảng kinh tế” kèm theo “Bảy nhận xét quan trọng”.

Ông Proudhon là một y sĩ Quesnay khác. Đó là ông Quesnay của khoa siêu hình về kinh tế.

Vậy mà siêu hình học, toàn bộ Triết học, theo Hegel đều thu gọn vào phương pháp. Do đó chúng ta phải tìm cách làm sáng tỏ phương pháp của ông Proudhon cũng tối tăm không kém “Bảng kinh tế”. Chính vì thế mà chúng tôi đưa ra 7 nhận xét ít nhiều quan trọng. Nếu bác sĩ Proudhon không hài lòng về những nhận xét của chúng tôi, thời xin ông cứ làm linh mục Bandeau và sẽ đưa ra “giải thích về phương pháp kinh tế siêu hình[8]”.

Trong một đoạn lược tóm tất cả quan điểm phê bình của mình, và cũng là đoạn Proudhon ức hơn hết,

vì nó đụng chạm tới chủ trương mà Proudhon đề ra, và lấy làm hãnh diện, về chủ trương đòi vạch ra một con đường thứ ba giữa chủ nghĩa tự do kinh tế và chủ nghĩa cộng sản, Mác mỉa mai...

“Mỗi một tương quan kinh tế đều có khía cạnh tốt và khía cạnh xấu: đó là điều duy nhất Proudhon không phủ nhận. Khía cạnh tốt, ông thấy do những nhà kinh tế trình bày và khía cạnh xấu, do những người theo xã hội chủ nghĩa tố cáo. Ông mượn ở các nhà kinh tế sự cần thiết có những tương quan vĩnh cửu, ông mượn ở các người theo xã hội chủ nghĩa ảo ảnh chỉ nhìn thấy trong lầm than sự lầm than. Ông đồng ý với cả đôi bên bằng cách dựa vào uy tín của khoa học. Đối với ông, khoa học chỉ còn là một công thức với những tầm thường, tỷ lệ mỏng manh... Ông Proudhon khoe đã phê phán cả kinh tế học lẫn cộng sản là như thế đó: ông ở dưới cả hai. Ở dưới các nhà kinh tế vì với tư cách triết gia, có trong tay một công thức ảo thuật, ông đã tưởng rằng có thể cho phép mình không cần đi vào những chi tiết thuần túy kinh tế; ở dưới các nhà xã hội chủ nghĩa, vì ông không đủ can đảm, cũng không đủ hiểu biết để vươn tới, dù chỉ bằng lý thuyết suông, và vượt khỏi nhãn giới trường giả.

Ông muốn là một tổng hợp, nhưng thực ra chỉ là một sai lầm hỗn hợp...

Ông muốn làm người khoa học đứng trên cả trường giả và vô sản. Ông chỉ là một người tiền tư sản, luôn luôn bập bênh giữa Tư bản và Lao động, giữa kinh tế học và cộng sản”[9].

Chú thích:

[1] sẽ đề cập trong chương III tập II: Phương pháp mác-xít.

[2] Thánh gia. Oeuvres 4. tập II. Trg. 119

[3] Thánh gia. Oeuvres 4. tập II. Trg. 140

[4] Thánh gia. Oeuvres 4. tập II. Trg. 184

[5] Tạp chí do nhóm Bruno Bauer chủ trương. Herzel là biên tập viên của tòa báo ở Zurich.

[6] Kinh cầu hồn bằng La ngữ hát lúc làm phép xác trong nghi lễ công giáo...

[7] Thánh gia. Tập III trg 122

[8] Misère de la Philosophie Ed. Sociales trang 83-84

[9] Misère de la Philosophie Ed. Sociales trang 16

Vài cảm nghĩ về một cuộc đời

Người ta ít nói đến đời Mác. Nếu nghĩ rằng một người như Mác, sáng lập một chủ nghĩa đã và còn đang gây những đảo lộn lớn lao trong lịch sử chắc hẳn phải có một đời tư đặc biệt khác thường, thì thật là lầm, vì đời tư của Mác chẳng có gì đặc biệt đáng nói, hoặc có thể nói Mác không có đời tư, hiểu như là những bận tâm, lo lắng cho riêng mình về phương diện quyền lợi hay nhận thức.

Mác ít khi nghĩ đến mình, không phải vì sợ nghĩ đến mình, nên luôn luôn hiêu động, bận tâm về người khác như kiểu người “chạy trốn” để quên mình (l’homme de divertissement) bằng hành động, tranh đấu, phiêu lưu mà Pascal đã mô tả. Trái lại Mác có một bản ngã rất vững, một đời sống tinh thần rất phong phú, hoàn toàn làm chủ được mình và hiểu biết rõ rệt những mục tiêu mà mình theo đuổi.

Nhưng mục tiêu này liên quan đến những vấn đề thời đại, đến số phận nhân loại đau khổ bị áp bức và ông cũng đã cống hiến tất cả cuộc đời của mình cho sự nghiệp giải phóng nhân loại đau khổ đó.

Sở dĩ Mác có thể bình tâm quên mình để chỉ nghĩ đến người khác, tranh đấu cho người khác là vì Mác đã có những lựa chọn dứt khoát và đơn giản về vấn đề liên quan đến bản thân.

Mác không không có những thắc mắc riêng tư về tình cảm hay về nhận thức, chẳng hạn hoang mang lưỡng lự không biết phải chọn quan niệm sống này quan niệm sống kia, hoặc day dứt khổ cực về những mâu thuẫn giữa các giá trị đạo đức trước những tình cảnh bi đát như sự ngộ nhận giữa các thế hệ. Mác rất ghét cả hai thái độ quá khích: thái độ đóng kịch, kên kiệu, chững chạc, cái gì cũng coi là quan trọng, thái độ “ông cụ” và ngược lại thái độ bừa bãi, phóng khoáng chẳng coi cái gì là gì cả, thái độ kiểu nghệ sĩ không nhà, không vợ con nhất định, ăn ngủ “đầu đường xó chợ”, bất cần đời và chửi đời. Một đảng dựa trên những giá trị sai lầm, một đảng tiêu biểu cho một phần nọ, phản kháng cá nhân, tiêu cực, nhằm chống lại những hình thức, trật tự xã hội, nhưng chẳng giải quyết được gì, cho ai.

Ngay cả trên bình diện tranh đấu, Mác cũng rất đơn giản, dứt khoát. Ông tin rằng ông có một lý tưởng để phụng sự: lý tưởng Cộng sản, vô thần, ông đã dùng suy nghĩ, nhận thức để đi tới lý tưởng đó mà không phải trải qua những “chiến đấu” khủng hoảng tinh thần lâu dài như Engels để trở thành người vô thần, người cộng sản. Lý tưởng đó khi ông đã tìm ra, ông cũng không bao giờ thắc mắc, hoài nghi hay “thử đặt lại vấn đề”; ông tin nó đúng và sau cùng ông sẽ thắng, nghĩa là lý tưởng Cộng sản sẽ thắng. Do đó, ông chỉ thắc mắc và suy nghĩ bận tâm về phương thức thực hiện lý thuyết Cộng sản, vô thần mà thôi.

Trên con đường tranh đấu, Mác cũng phân biệt bạn thù một cách dứt khoát, hoặc đứng về phía ông, hoặc là đứng về phía thù địch của ông. Ngay cả những người bạn đồng chí khi đã đi lệch đường, Mác cũng không ngần ngại tố cáo, đả kích, làm nhục không chút thương hại vì coi họ còn nguy hiểm cho phong trào cách mạng hơn kẻ thù thực sự là Phong kiến, Trưồng giả Tư Bản. Đối với đồng chí đã ly khai cũng như với kẻ thù, thái độ của Mác là thái độ nhằm tiêu diệt bằng châm biếm, chế giễu chua cay tàn nhẫn hay bằng lý luận đanh thép.

Mác không phân biệt người với lý thuyết để chỉ phê bình, đả kích lý tưởng, cũng không chủ trương

đối thoại, tìm hiểu, chẳng hạn cố gắng giải thích quan điểm của mình mong thuyết phục được đối phương để “hiểu” họ, tha thứ cho họ, v.v...

Thái độ của Mác là một thái độ chiến tranh: ngồi bút là khí giới và viết là chiến đấu. Trong một cuộc giao tranh, bạn thù đã phân định rõ rệt. Không có vấn đề tìm hiểu hay biện hộ, mà chỉ có vấn đề làm sao diệt được đối phương, để thắng lợi như Mác đã nói: “Đối tượng của phê bình là một kẻ thù không phải để bắt bẻ về lý luận nhưng để tiêu diệt... Một phê phán như thế là một phê phán trong lúc hỗn chiến, và trong lúc hỗn chiến, vấn đề không phải là tìm xem kẻ thù là kẻ thù đúng hạng, kẻ thù cao cả hay đáng tiên, nhưng nhằm đánh nó mà thôi”.

Thái độ trên của Mác phản ánh hình ảnh con người cộng sản mà Đạo đức cách mạng đã quy định những đức tính căn bản như quên mình, để chỉ nghĩ đến lý tưởng... Trong thực tiễn, đã có nhiều lệch lạc biến người cộng sản thành một người “cứng cõi” sắt đá về tình cảm, thành một người có đầu óc mà không tim, nhẩn tâm, vô nhân đạo, kiểu người được mô tả trong truyện “Những người khổng lồ” của Trần Duy (nhóm Nhân Văn Giai phẩm). Tình cảm cá nhân, đời tư, trong quan niệm lệch lạc của một số người cộng sản, đã trở thành những yếu hèn, tội lỗi đồng nghĩa với thoái hóa, tiểu tư sản phản động, có thể làm bạc nhược tinh thần tranh đấu, do đó phải cương quyết tiêu diệt đời tư, cá nhân, tình cảm.

Thực ra chính những người đi làm cách mạng mới giàu tình cảm nhất nhưng tình cảm thực sự không phải là cảm tình yếu ớt, lãng mạn tiêu cực.

Đời tư chính đáng cũng không là phải phóng túng cả lơ thất thểu khinh đời kiểu nghệ sĩ, cho có vẻ “ta đây”. Mác, ngay cả lúc nghèo nàn, cơ cực ở Luân đôn, cũng vẫn cố ăn mặc tử tế, không quá chú trọng chải chuốt vẻ bề ngoài, nhưng cũng không “phớt”, bất chấp vẻ bề ngoài để cho bọn trưởng giả không thể khinh chê và coi Mác thuộc thành phần “phiến loạn xã hội”.

Mác cũng không có thái độ lúc nào cũng đắm chiêu chỉ nghĩ đến cách mạng và quan trọng hóa mọi khía cạnh đời sống trong tinh thần cách mạng “toàn diện”. Trái lại, Mác rất nhân loại, rất “người”, rất tình cảm đối với gia đình, con cái, bạn bè. Ngày chủ nhật, Mác dành cho gia đình, bạn bè để nô đùa, giải trí như những trang nhật ký của Liebknecht đã ghi lại sau đây:

“Những cuộc du ngoạn ở Hampstead Heath của chúng tôi thật tuyệt, tôi có thể sống ngàn năm cũng không quên được. Mỗi chủ nhật ở H.H là nỗi vui thú nhất của chúng tôi. Trẻ con còn nhắc lại suốt tuần, cả người lớn nữa, ông già cũng như thanh niên. Đi đường đã là một hội vui rồi. Những cô gái bước thật khỏe, không biết mệt và dẻo dai... khi đến nơi, chúng tôi tìm chỗ cắm lều, và sửa soạn mua sắm chè, bia.

“Sau khi ăn và nghỉ ngơi, chúng tôi nô đùa chạy đua, thi ném đá, vật lộn, đủ trò... và trò chơi cười ngửa là thú vui nhất của chúng tôi. Biết bao chuỗi cười. Biết bao cảnh buồn cười! Mác đã vui đùa và đã làm cho chúng tôi vui đùa thế nào!...

“Trên đường về, mọi người thường hát. Rất ít khi hát những bài ca chính trị, chỉ hát những bài ca dân ca hay trữ tình... hoặc trẻ con hát những bài ca mọi rồi nhảy múa... Trong khi đi, Mác cấm không được nói đến chính trị, người ta cũng quên luôn cả những cơ cực của cảnh lưu đày. Trái lại, chúng tôi nói nhiều về nghệ thuật văn chương và Mác làm cho mọi người phục tãi nhớ của Mác. Mác ngâm những đoạn dài trong tập “Hài kịch linh thiêng” (Divine Comedie) hay của Shakespeare, và bà vợ

Mác, cũng là một tay mộ mến Shakespeare, thường ngâm tiếp sau Mác”.

Trong gia đình, đối với bạn thân, Mác không phải là một người cha nghiêm khắc, nhà cách mạng toàn diện đả chiêu, mà chỉ là một ông “nâu” (Le maure) hay ông “già đen”, một tên mà bạn bè con cái gọi để đùa trêu Mác, cũng như bà vợ, con cái của Mác đều có mỗi người một tên riêng để trêu chọc... Cái cảnh Mác vừa viết sách, trong đó toàn nói chuyện tranh đấu gặt gao, vừa làm ngựa cho con cưỡi chơi đủ chứng tỏ Mác không phải là một người chiến sĩ cách mạng chỉ có óc mà không có tim.

*

Mác rất ghét phong kiến, Trưởng giả, Tư bản và có thái độ chiến tranh đối với ba kẻ thù trên. Lối viết bút chiến hay lập luận của Mác đầy một khí thế căm hờn và tức giận nhưng Mác nhân danh sự thực công chính mà tố cáo, tuyên chiến với Phong kiến, Trưởng giả, Tư bản như là một chế độ giả dối, bất công.

Nếu tìm hiểu những nguyên nhân, động lực sâu xa nào đã thúc đẩy Mác có thái độ thù địch với phong kiến, trưởng giả, tư bản, người ta thấy không phải những ty hiềm cá nhân, càng không phải căm thù giai cấp đã làm cho Mác trở thành thù địch giai cấp, trưởng giả, phong kiến. Mác không thuộc thành phần giai cấp bị bóc lột áp bức, không phải là con nông dân hay lao động vô sản bị giai cấp phong kiến, tư bản thống trị chà đạp nên căm thù và vùng lên chống đối.

Gia đình Mác thuộc giai cấp trưởng giả. Gia đình vợ Mác còn thuộc tầng lớp quý phái. Từ bé đến lớn, Mác sinh ra và sống trong một bầu không khí gia đình khá giả, tự do về tư tưởng, không bị ép buộc về giáo dục tôn giáo. Ông bố Mác là một người cởi mở, rộng rãi, lãnh đạm với tôn giáo. Tuổi trẻ của Mác không gặp một tai họa, oan ức nào của mình, hay của gia đình, trái lại Mác được ăn học, vui chơi đùa nghịch đầy đủ, có một tương lai sáng lạn “trưởng giả, hạnh phúc”, lúc bước chân vào đại học, Mác chỉ lo chóng tốt nghiệp để lấy vợ đẹp và được bổ nhiệm làm giáo sư đại học.

Do đó Mác không có:

- a) Căm thù tôn giáo như trường hợp người bị một người theo tôn giáo làm nhục, ăn hiếp...
- b) Căm thù giai cấp (ở từng lớp vô sản, nghèo cực).
- c) Căm thù xã hội (bị hắt hủi, khinh bỉ oan uổng về một chuyện gì đó).

Nhưng Mác đã từ chối tầng lớp của mình, địa vị xã hội cao tương lai “trưởng giả” mà mình có thể mơ ước.

Mác chống tư bản, Trưởng giả, Tôn giáo không phải vì một uất ức trả thù, nhưng vì một lựa chọn hoàn toàn có ý thức và tự do; thường thường người ta vùng lên tranh đấu là vì bị hoàn cảnh thúc đẩy như thể bị dồn vào chân tường, ngõ cụt, không thể có con đường nào thoát ngoài con đường làm cách mạng. Đối với những người ở trong trường hợp trên, thật ra họ không có tự do lựa chọn, vì họ bắt buộc phải lựa chọn con đường độc đạo, giải pháp duy nhất. Trái lại không có gì bắt buộc Mác từ bỏ tất cả để đi với thợ thuyền, vô sản, để lao đầu vào một tranh đấu gian khổ nguy hiểm.

Vậy Mác đã tự ý quyết định, lựa chọn đứng về phía cách mạng chống lại với tầng lớp của mình, xã hội của mình.

Chính vì thái độ chống Tư bản, Tôn giáo của Mác xuất phát từ một nhận thức, một Tự do lựa chọn, mà Mác đủ can đảm, kiên nhẫn chịu đựng tất cả những hậu quả của sự tự do lựa chọn trên. Điều đó giải thích thái độ của Mác khi bị cha mẹ lìa bỏ không giúp đỡ lúc nghèo cực lưu đầy ở Luân đôn, khi bị tống thiếu về vật chất và bị dư luận xuyên tạc, hiểu lầm, vu khống.

Trong những giờ phút đó, Mác vẫn giữ được bản ngã, sự bình tĩnh sáng suốt, niềm tin tưởng, vui tươi, hy vọng, và không giận dữ cay cú chán nản tuyệt vọng, cũng không oán ghét cha mẹ họ hàng vì biết rằng mình đã tự ý lựa chọn cuộc đời đó, cuộc tranh đấu đó. Một cuộc đời, một tranh đấu tất nhiên đưa tới những khó khăn, cùng cực gian khổ trên.

Tuy nhiên phải nhìn nhận sở dĩ Mác chịu đựng nổi những cơ cực vật chất tinh thần của một cuộc đời tranh đấu chắc hẳn một phần lớn cũng nhờ sự nâng đỡ, chia sẻ của bà vợ. Thật hiếm hoi có một hôn nhân và gia đình hòa hợp, nhất trí như của Ông bà Mác.

Bà Mác không trực tiếp tham dự vào công cuộc tranh đấu của chồng (viết lách, làm chính trị...) nhưng cũng không phải hoàn toàn không biết gì việc làm của chồng. Bà hiểu và chấp thuận lý tưởng, cuộc đời tranh đấu của chồng, và sự chấp thuận đó cũng xuất phát từ một nhận thức, một tự do lựa chọn như Mác. Bà thuộc giòng quý phái, là hoa khôi của thành phố Trêves, hơn Mác bốn tuổi, nhưng cũng có tư tưởng cấp tiến, óc xã hội, giàu lòng quảng đại; khi lấy Mác, bà tự ý từ chối giai cấp để lao vào cuộc phiêu lưu cùng với Mác. Do đó, cũng như Mác bà đã nhẫn nại chịu đựng mọi ngộ nhận cực khổ vì Mác. Giả sử Mác có một bà vợ không đồng ý với lý tưởng cộng sản, nhân danh gia đình ngăn cản Mác hoạt động, hoặc vì thương chồng, đành để cho chồng tự do hoạt động nhưng chịu đựng một cách âm thầm, không hiểu gì, thì Mác sẽ xử trí ra sao và gia đình như thế liệu có ảnh hưởng gì tới cuộc đời tranh đấu, và do đó, phong trào Cộng sản hay không?

Ngoài ra, Mác còn có một người bạn cũng rất hiếm có trên đời này. Một người bạn thân vì đồng một lý tưởng một đường lối tranh đấu, đôi khi còn cao quý hơn cả tình vợ chồng, gia đình. Engels đã kết thân với Mác gần 40 năm trời và là bạn trung thành với Mác đến giờ phút cuối cùng. Hai người bổ túc cho nhau. Mác có vốn hiểu biết chu đáo về triết học nhưng kém về kinh tế; còn Engels lại hiểu hơn Mác về những vấn đề kinh tế, nhưng kém Mác về những vấn đề triết học; hai người cộng tác cùng bàn cùng viết chung, đôi cuốn, không còn biết ai là tác giả.

Engels cũng giúp đỡ Mác rất nhiều về tài chánh không phải một cách làm ơn, nhưng như một cách phân công. Mác không lo được về vật chất, Engels cáng đáng thay Mác để Mác có thể viết cho Phong trào cộng sản.

Trong cuộc đời tranh đấu, những lúc thất bại bị hiểu lầm, người chiến sĩ không thể không cảm thấy cô độc, đau khổ, nhất là với người cho mình là thiên tài; những lúc đó cần một người bạn đường hiểu, thông cảm, đồng ý nâng đỡ tinh thần. Engels đã là người bạn đó của Mác.

*

Một đặc điểm khác nơi con người của Mác là tác phong trí thức, lý thuyết. Mác không phải là một

lãnh tụ quần chúng như Bakounine, Lénine, có tài ăn nói, thuyết phục quần chúng bằng một ngôn ngữ bình dân giản dị. Thực ra Mác không chú ý đến những con người cụ thể, tìm hiểu tâm trạng, tâm lý của họ để lôi cuốn, thuyết phục. Quần chúng cũng ít biết đến Mác. Mác là một người làm cho bạn, thù phải phục, sợ, vì trí thông minh, óc sáng suốt, tinh thần dũng cảm của Mác nhưng không hẳn được yêu mến, tôn sùng như một vĩ nhân, một lãnh tụ.

Mác rất ghét những ý tưởng rỗng, những lý thuyết suông vì không xuất phát từ thực tiễn và không gắn liền với thực tiễn. Không một phong trào tranh đấu nào nhấn mạnh vào tầm quan trọng của giác ngộ chính trị, của học tập đường lối bằng phong trào cộng sản; suốt đời Mác đã chống lại những khuynh hướng hiếu động, bạo động vô tổ chức, thiếu lãnh đạo, đường lối và luôn luôn đề cao tính cách cần thiết phải giáo dục ý thức chính trị của thợ thuyền, đảng viên. Trong "Tuyên ngôn Cộng sản" Mác không nói rõ vai trò chủ yếu của đảng cộng sản là cướp chánh quyền và nắm chính quyền nhưng nói rõ vấn đề giáo dục ý thức chính trị người thợ phải là vai trò chủ yếu của đảng. Dĩ nhiên, Mác cũng thấy cần thiết đảng phải cướp chính quyền, nhưng coi quyền bính chính trị chỉ là tạm thời vì một khi đã chấm dứt chế độ người thống trị người, thì chỉ còn người cai trị sự vật, nghĩa là không còn quyền bính chính trị nữa. Đó là một không tưởng. Sau này Lénine đã sửa lại quan niệm trên của Mác khi Lénine nhấn mạnh vai trò của nhà nước như một công cụ chính thực hiện chủ nghĩa cộng sản.

Mác là người trí thức, nhấn mạnh vào tầm quan trọng của tư tưởng, lý thuyết gắn liền với thực tiễn tranh đấu, nhưng lại không coi Tư tưởng như những chân lý vĩnh cửu. Mác chống lại thái độ giáo điều coi tư tưởng như tín lý, và tranh đấu là bắt thực tại uốn nắn theo lý thuyết tín lý. Trái lại thái độ đứng đắn của người tranh đấu cách mạng là luôn luôn phân tích thực tại để rút ra một đường lối hành động từ thực tại. Thực tế biến đổi, lý thuyết biến đổi theo. Trong tinh thần đó, thái độ xét lại gắn liền với chủ nghĩa Mác vì tiêu chuẩn hành động của phong trào Cộng sản là hiệu nghiệm nếu hành động xuất phát từ những đòi hỏi của thực tại và đáp lại đúng những đòi hỏi đó.

Chính Mác đã nêu gương không bảo thủ những ý kiến, quan điểm của mình khi thấy chúng không còn phản ánh thực tại. Lúc đó ý kiến, quan điểm trở thành những thiên kiến và phải can đảm gạt bỏ đi. Chẳng hạn Mác thường có nhiều ác cảm với Nga, đánh giá thấp khả năng cách mạng của những phong trào tranh đấu Nga, và của giai cấp nông dân Nga; nhưng về cuối đời, Mác thấy những khó khăn của phong trào Cộng sản ở những nước kỹ nghệ, đồng thời nhận ra những khả năng cách mạng của các đảng xã hội Nga, Mác không ngần ngại duyệt lại quan điểm cách mạng vô sản của mình, không tất nhiên phải trải qua giai đoạn tư bản kỹ nghệ và do thợ thuyền lãnh đạo, mà có thể bùng nổ ở một nước bán phong kiến, do tầng lớp nông dân lãnh đạo. Mác đã già, kiệt sức, nhưng cũng bắt đầu học tiếng Nga, để có thể đọc những sách vở báo cáo liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị của nước Nga dưới chế độ quân chủ, Mác đã thu lượm được rất nhiều tài liệu, ghi chú để viết về nước Nga, nhưng Mác đã mất trước khi tận dụng được những tài liệu đó.

Cho nên, có thể nói trong tinh thần của Mác, chủ nghĩa Mác thiết yếu là một chủ nghĩa xét lại, hiểu như một đòi hỏi luôn luôn phải đối chiếu lý thuyết với thực tế.

Và trong viễn tượng đó, giả sử Mác còn sống thì sẽ nghĩ thế nào và sẽ có thái độ như thế nào về những vấn đề của thế giới hiện đại, những vấn đề chưa đặt ra, trong thời Mác. Vấn đề những nước chậm tiến, vấn đề bom nguyên tử và chung sống hòa bình, thuyết phân tâm học, Teilhard de Chardin, Cộng đồng Vatican II v.v...

Chắc hẳn Mác sẽ không ngần ngại duyệt lại chẳng hạn thái độ vô thần, hay chủ nghĩa duy vật, căn cứ vào những kiến thức phổ quát khoa học và trí thức hiện đại đã thu lượm được, hoặc căn cứ vào những dữ kiện khách quan của hoàn cảnh lịch sử thế giới ngay nay.

Nếu dùng một trong những khái niệm của ngôn ngữ hiện đại để phân tích nhận thức, là khái niệm huyền thoại, có thể nói chủ nghĩa Mác là một nỗ lực lớn lao phê phán triệt để mọi huyền thoại ảo tưởng để trở về với thực tại, nhưng phải chăng chính nỗ lực phê phán đó cũng là một thứ huyền thoại hoặc sinh ra những huyền thoại khác?[1]

Dù sao, có thể nói Mác sẽ duyệt lại chủ nghĩa Mác và sự xét lại đó có thể không phù hợp với quan điểm chính thức và chính thống của các chính quyền cộng sản, do đó Mác có thể sẽ bị kết án theo chủ nghĩa xét lại hiểu như một “phản bội” chủ nghĩa Mác chính thống và rút cục Mác có thể bị loại ra khỏi đảng cộng sản và dưới thời Staline, chắc chắn sẽ bị đày đi Siberie.

Nhưng may mắn là Mác không thể sống lại được và chỉ có những người theo tinh thần Mác để xét lại như Mác có thể làm, bị kết án, tù đày...

Tuy nhiên, Staline vẫn nhân danh Mác để kết án, tù đày, và gây biết bao tội ác; hoặc nói rộng hơn nữa, những cuộc cách mạng mác-xít cũng đã nhân danh Mác gây biết bao lỗi lầm, tội ác...

Phải chăng Mác trách nhiệm những lỗi lầm đó? Nếu đổ tội cho Mác phải trách nhiệm tất cả những lỗi lầm, tội ác bạo động của phong trào Cộng sản, thì cũng có thể đổ tội cho Đức Kitô phải trách nhiệm những tàn bạo tội ác bạo động mà giáo hội Thiên chúa giáo đã làm trong lịch sử (thời Inquisition, Croisade v.v...)

Nhưng như Kitô giáo vượt qua những lỗi lầm, bạo động lịch sử, đã đem lại một vài đòi hỏi căn bản, đã và vẫn còn là những giá trị chi phối văn minh Tây phương, chủ nghĩa Mác và phong trào cộng sản, vượt qua những lỗi lầm, bạo động lịch sử, đã và còn đang là một đóng góp tích cực vào công cuộc chống bất công xã hội để thiết lập một xã hội công bình hơn... Ngay cả những người muốn chống cộng triệt để và do đó phủ nhận sự đóng góp tích cực, ít ra cũng phải nhận sự đóng góp tiêu cực của cộng sản trong công cuộc trên. Nếu xã hội tư bản ngày nay có đỡ “dã man, vô nhân đạo” hơn, ít ra ở các nước tư bản Tây phương[2] nếu nó có cải tổ khá hơn thời Mác, thì là vì bị bó buộc phải cải tổ, do sự có mặt sự tranh đấu của cộng sản. Cộng sản là một sự tố cáo liên tục, một ý thức khôn cực của trưởng giả (*mauvaise conscience*). Không thể yên lương tâm để bóc lột đàn áp một cách ý thức hay vô tình.

Cộng sản cũng là một áp lực càng ngày càng mạnh buộc Tư bản phải nhượng bộ, cải tạo. Sự tố cáo của cộng sản buộc ngay cả những thế lực tôn giáo chống đối, như Thiên chúa giáo phải thức tỉnh, xét lại đồng thời cũng đi vào con đường tố cáo tư bản dù với những chiều hướng khác. Chử tư bản, trưởng giả trở thành xấu và ngay cả người tư bản, trưởng giả cũng không muốn nhận mình là tư bản, trưởng giả. Vậy giả sử không có cộng sản, cái gì sẽ cầm chân sự thao túng của tư bản?

Riêng đối với con người Mác thật khó mà kết án được Mác, ngay cả những điều mà ta cho là Mác sai lầm; vì một đảng Mác không hề bám víu vào những tư tưởng của mình khi biết chắc là sai lầm; ai cũng có thể sai lầm, nên chỉ có người cố chấp, không chịu nhận sai lầm mới đáng trách. Vậy làm sao ta có thể trách móc một người khi người đó sẵn sàng sửa chữa những sai lầm của mình. Hơn nữa, càng

khó trách móc khi những nhận định sai lầm đều bắt nguồn từ một dự phóng nền tảng: Giải phóng con người nghĩa là từ một ý hướng đạo đức cao cả. Không ai có thể cho rằng Mác chỉ nói mồm những lý tưởng cao cả; khi đọc qua đời Mác phải nhìn nhận Mác là một người trí thức “dấn thân” thực sự, nói theo ngôn ngữ hiện đại không phải chỉ bằng ngòi bút kiểu Sartre, Camus nhưng bằng cách từ chối cả cuộc đời trưởng giả địa vị cao sang của mình, để làm người vô sản giữa những vô sản kiểu các “linh mục thợ” hay Simone Weil, nữ thạc sĩ triết học từ bỏ nghề dạy học vào xưởng thợ như mọi người thợ khác, và sống cuộc đời của họ. Một điểm đặc biệt của cuộc đời vô sản, không hẳn là những thiếu thốn vật chất mà là tính cách bất an thường xuyên, vì không có gì đảm bảo cho một ngày mai luôn luôn là vô định, như một nhà viết tiểu sử Mác đã nhận xét “Mác đã chia sẻ số phận của người vô sản hiện đại, không những trong cảnh nghèo túng đời sống hằng ngày mà còn cả trong tình trạng bất an hoàn toàn của cả cuộc đời.” (Franz Mehring).

Người ta có thể không đồng ý với quan niệm nợ chủ trương kia của Mác, nhưng đứng trước một con người, một cuộc đời như cuộc đời của Mác, làm sao có thể không cảm phục được?.

Chú thích:

[1] Sẽ nói tới trong phần II

[2] Ở các nước chậm tiến, chế độ đế quốc, thực dân kiểu mới vẫn không kém phần dã man, chỉ tinh vi và ít lộ liễu hơn thôi.

Phụ lục I. Bảng kê những tác phẩm của Karl Marx theo thứ tự thời gian[1]

A- TÁC PHẨM, VĂN THƯ VÀ NHỮNG BÀI BÁO

1841 – Différence de la philosophie de la nature chez Démocrite et chez Épicure.

In lần I trong NA, I. In cùng với những bài tập những phụ lục trong GA, I 1 1.

J. Molitor (Nhà xuất bản A. Costes)

1842-43 – Những bài trong “Rheinische Zeitung” ở Cologne (viết về những cuộc tranh luận tại Nghị viện miền Rhénanie – Sự tự do báo chí – Luật cấm kiểm củi rừng v.v...)

In lại từng phần trong NA, I và toàn thể trong GA, I 1 1

J. Molitor N. XB A. Costes

(Bản dịch một phần).

1843 – Remarques sur la Récente Instruction prussienne sur la censure (trong “Anekdotia” của Arnold Ruge)

In lại trong NA, I và GA, I 1 1

J. Molitor (NXB A. Costes)

- Luther comme arbitre entre Strauss et Feuerbach.

Cũng vậy

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp

1842/3 – Critique du Droit public, c’est à dire de la Philosophie du droit de Hegel.

In lần thứ I trong GA/I, 1 và trong “Karl Marx, Historischer Materialismus, I (NXB Landshut và Mayer, ở A Kroner Leipzig)

J. Molitor (NXB A. Costes)

1844 – Những bài trong “Annales française – allemandes”

(Critique de la Philosophie du Droit de Hegel Introduction – La Question juive.

In lại trong NA.I GA, II1 và trong ấn bản của A. Kroner.

J. Molitor (NXB A. Costes)

- Lettres à A. Ruge

- Những bài trong Vorwärts, Paris

In lại một phần trong NA, II và hoàn toàn trong GA, II1

J. Molitor (NXB) A. Costes.

- Thủ bản kinh tế - Triết học.

In lần I trong GA. II3

J. Molitor (không dịch thủ bản I)

1845 – La Sainte Famille

(Cộng tác với F. Engels)

In lại trong NA, II và GA, II3

J. Molitor[2] (NXB A. Costes)

1845-47 – Những bài trong “Gesellschaftesspiegel” (Do M. Hess soạn thảo)

In lại trong GA, II3 và II5.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

1846 – L’Idéologie Allemande (cộng tác với Engels)

In lại toàn thể trong GA, II5.

J. Molitor (NXB) A. Costes.

1846 – Circulaire contre le “Vokstribun” của H. Kniege, New York (có cả chữ ký của Engels, Gigot, Wolf, Weitling v..v.)

Phổ biến trong “Westphalischer Dampfboot”.

GA, IL6.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

1847 – Misère de la Philosophie.

Paris 1847, In lại năm 1898 (Paris Giard et Briere) 1908 và 1935 idem GA, II6.

(Tác phẩm viết bằng tiếng Pháp)

1847/48 – Những bài trong “Deutsche Brusseler Zeitung “ “Triers che Zentung” và “Réforme” Nhất là “Le communisme de L’Observateur rhénan” “La critique moralisante”

GA, II6 từng phần trong NA, II

Bản dịch từng phần do J. Molitor (NXB A. Costes).

1848 – Discours sur la question du libre échange (Độc tại Association Bruxelles, ngày 9-1-1848).

Bruxelles 1848 GA, II6.

(bằng Pháp văn)

- Manifeste du Parti Communiste (cộng tác với Engels).

GA/II6 London 1848.

Các bản dịch của Lama Lafargue, Ch. Andler, J. Molitor

1848 – Travail salarié et Capital.

Phổ biến trong “Neue Rheinische Zeitung” 1849 In lại trong GA, II6 với thủ bản về “le travail salarié” đề năm 1847.

Bibliothèque marxiste

Số 14 (Editions Sociales Internationales, Paris).

1848-1849 – Những bài trong “Neue Rheinische Zeitung” (Cologne).

In lại một phần trong NA, III. Trong GA, II7 có tất cả các bài từ 1/6 đến 31/12 1848.

Chưa xuất bản bằng Pháp văn[3].

1849 – Plaidoyer devant les jurés de Cologne.

In trong NRhZ, 1849. In lại năm 1885 với lời tựa của F. Engels.

J. Molitor (NXB A. Costes).

1850 – Những bài trong “Neue Rheinische Zeitung Politische Dekonomische Revue” (Hambourg).

In lại một phần trong NA, III.

Chưa xuất bản, bản dịch tiếng Pháp trừ những bài về “Les Lutttes de classes en France”.

1851 – Les lutttes de classe en France.

In trong NRhZ Revue. In lại năm 1895, với lời tựa của F. Engels.

Bibliothèques marxistes số 22 (E.S.I. Paris)

1852 – Le 18 Brumaire de Louis Bonaparte.

In trong tạp chí của J. Weydemeyer “Die Revolution” ở New York. Có in lại.

Bibliothèque Marxistes số 5 J. Molitor (NXB A. Costes).

1853 – Révélations sur le procès des comunistes.

In năm 1853 không chỉ chỗ và nhà xuất bản.

In lại năm 1885 (Zurich) tựa của Engels và bài của Marx đề năm 1875.

J. Molitor (NXB A Costes).

185-62 – Những bài bằng tiếng Anh viết cho “New York Tribune” “Notes to the people”.

“The people’s Paper” (London).

“The Free Press”; bằng tiếng Đức “Die Neue Odaezeitung” (Breslan).

In lại một phần trong “The Eastern Question do Eleanore, Marx xuất bản (Londres 1879).

J. Molitor (NXB A. Costes)

The civil war in U.S.A. (London 1838); “Revolution in Spain” (Y 1939). Bản dịch tiếng Đức trong GS của Riazanov (Stuttgart 1920)[4].

J. Molitor phân (NXB. A. Costes) do bản tiếng Đức của Riazanov (dưới đầu đề “Oeuvres politiques”).

1853 – Le chevalier ‘de la noble conscience (Bài châm biếm chống Willich).

(không thể tìm ra, chưa bao giờ được in lại).

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

1857-58 – Những bài viết cho “The New American Cyclopaedia (về Bernadotte, Bolivar, Blucher v.v...)

Do Georges Ripley và Charles Pana xuất bản New York, 1858.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

1859 – Critique de l'économie politique.

Berlin (Duncker) 1859. In lại với bài “Nhập môn tổng quát” đề ngày 1857 của Kaulsky Stuttgart 1907.

Laura Lafargue dịch theo lần xuất bản II của Kautsky (M. Giard-NXB).

1859 – Những bài viết cho tạp chí “Das Volk”.

Luân Đôn 1859 Do E. Biscamp thiết lập ở Luân Đôn có ý chống Kinkel và Edgar Bauer[5].

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

1860 – Herr Vogt.

Luân-đôn 1860 (NXB Pelsch). In lại với phụ lục của Engels 1927 Leipzig.

J. Molitor (NXB A. Costes).

1861.62 – Những bài viết cho “Die hess” ở Vienne (Do H. Friedlauder chủ trương).

In lại một phần trong “Der Kampf” ở Vienne[6].

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp (trừ 2 bài dịch sang tiếng Pháp và in trong Le Mouvement Socialiste 1913).

1861 – Adresse Inaugurale của Hiệp hội lao công quốc tế.

Bằng tiếng Anh – London 1864 – Bằng tiếng Đức trong “Social Demokrat” 21 và 30 tháng 12 1864.

Bản dịch của Ch. Longuet 1866 (Nxb Alliance typographique Bruxelles).

In lại trong “Mouvement Socialiste” năm 1902.

1865 – “Proudhon jugé par Karl Marx” bài in trong “Social Demokrat” 16-17-18-1-1865

In lại trong bản dịch tiếng Đức của cuốn Misère de la Philosophie. Stuttgart 1892.

Do Engels dịch (Phụ lục I của cuốn Misère de la Philosophie NXB M. Giard – lần xb III, Paris 1935)
Chưa xuất bản bằng Pháp văn.

1865 – Những tuyên cáo chống J. B. v. Schweitzer, phổ biến trong “Dusseldorfer Zeitung” (3-1865) trong “Reform” ở Berlin (4-65) và trong Social Demokrat 1865 số 29.

Bản tiếng Anh do Eléanore Marx Avelling in. In lại do “International Publisher Col.”

Bibliothèque Marxiste số 14 (E.S.I. XB).

1835 – Salaires, Prix et Profits Cuộc nói chuyện bằng tiếng Anh.

Inc. New York, 1935.

1867 – Diễn văn ca tụng sự phục hưng của Balan (Luân-đôn)

(Xem “Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung” của C. Grünberg, VI 1915).

“Le Socialisme” Paris, 15-3 1908.

1867 và những năm sau – Le Capital. Quyển I: Tiến trình sản xuất của tư bản.

Hambourg, Meissner XB 1867. Lần xuất bản II ibid, 1872-73 (xem lại và viết thêm).

Do J. Roy II dịch, Karl Marx xem lại và chế biến (NXB Lachâtre Paris từng kỳ 1872-75[7]).

- Le Capital Quyển II: Tiến trình luân chuyển tư bản.

Xuất bản với danh nghĩa di cảo do F. Engels. Hambourg, 1885.

Bản dịch của J. Borchardt và H. Vanderrydt (NXB M. Giard).

- Le Capital. Quyển III tiến trình toàn thể của sự sản xuất theo tư bản chủ nghĩa.

Idem, Hambourg 1894 và những năm sau.

Idem (NXB M. Giard 1901-02 XB).

1867 và sau đó – Le Capital những lý thuyết về thặng dư giá trị.

(Những tài liệu mà Marx định viết quyển IV trong bộ Capital, bắt đầu từ 1861.

Do H. Kautsky xuất bản với danh nghĩa di cảo, gồm 3 cuốn. Stuttgart, 1905-10.

J. Molitor (NXB A. Costes) với tiêu đề “L’histoire des doctrines économiques” Phần lớn chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

1867-73 – Những văn thư khác nhau (tuyên ngôn chương trình, tuyên cáo) viết cho Hiệp Hội Lao công, quốc tế[8].

Bằng tiếng Anh tiếng Đức tiếng Pháp

Phổ biến trong nhiều nhật báo: “Bee-Hive, Social-Demokrat, Le peuple Belge, Der Vorbote Narodnóe Díelo, Daily News, Der Volkss-taat v.v) hay dưới hình thức truyền đơn[9]

1871 – La Guerre Civile en France. Diệp văn của Tổng cổ vấn Hiệp Hội Lao công quốc tế.

Bằng Anh văn, London 1871. Bản dịch tiếng Đức của F. Engels phổ biến trong “Volksslaat” tháng 6, 7, 1871.

Xuất bản bằng tiếng Pháp lần đầu 1874 Bản dịch mới (NXB Editions Sociales 1964) Bằng tiếng Pháp.

1872 – Les Prétendues Scissions dans “L’internationale” thư luân lưu riêng của Tổng Cổ vấn Hiệp Hội Lao công quốc tế (A.I.T.)

Genève 1827 In lại trong “Le Mouvement Socialiste” 1913. Bằng Pháp văn Luân Đôn 1873 Hambourg Londres 1873.

1873 – (Cộng tác với Engels và La Fargue trong việc viết cuốn: L’alliance de la démocratie socialiste et L’A.I.T. những bản tường trình và tài liệu)

Bằng Pháp văn Luân Đôn 1873 Hambourg-Londres.

1875b – (Phê bình chương trình của Gotha)

Do Engels in với danh nghĩa di cảo trong Neue Zeit IX, X, 1891.

Editions de la Liberté Paris 1964 Bản dịch của Braeke.

1877-78 – cộng tác với Engels trong cuốn “M. Dubring renverse la science”.

In trong Worwaerts 1877/178.

In trong Revue Socialiste.

(A.M. Desrousseaux) NXB A. Costes bằng Pháp văn.

1880 – Enquête ouvrière.

20-4-1880.

B- THƯ TỪ

Thư từ liên lạc giữa K. Marx và F. Engels.

Do Bebel và Bernstein in, Stuttgart 1914.

Ấn bản không đầy đủ.

Ấn bản đầy đủ trong GA, III gồm 4 cuốn.

Bản dịch J. Molitor dịch theo Ấn bản của Bebel Bernstein dừng ở cuối năm 1867 gồm 9 cuốn, cuối

cùng xb 1934 (NXB A. Costes) Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

Những thư của Marx viết cho Sorge, Bolte, Speyer.

In với những chú thích của F. A. Sorge năm 1906 (NXB Dielz) dưới tiêu đề: “Lettres et extraits de lettres de J. Ph Becker, J. Dietzgen, F. Engels, K. Marx et d’autres à F. A Sorge et d’autres.

- Những thư viết cho Kugelmann.

Phổ biến trong Die Neue Zeit XX, 1 và 2 (1901-02 Ấn bản mới có xem lại và thêm với lời nói đầu của Lénine, Berlin 1927.

Rosa Michel dịch tựa của Lénine (1907) và lời nói đầu E Czobel (E.S.I. 1930 XB).

- Những thư viết cho Danielson (Nicolas-On).

Do Mandelbaum in với lời của G. Mayer và lời giới thiệu của K. Mandelbaum. Leipzig 1920

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

- Những thư viết cho Bruno Bauer, A Ruge, cho thân phụ v.v...

Trong GA, I, 1/2.

J. Molitor dịch một phần (A. Costes)

- Những thư viết cho Weydemeyer.

Franfort S.M. 1607.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

- Những thư viết cho Henri Heine.

Do G. Mayer (Archives C. Grunberg IX, 1922).

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

- Thư từ liên lạc Marx-Lassale.

G. Mayer in; Stuttgart 1922.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

- Thư từ liên lạc Marx-Freiligrath.

F. Mehring in trong tập phụ trương của Neue Zeit 1912.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp.

- Thư từ liên lạc Marx-Véra Zassoulith.

D. Riazanov in trong “Archives Marx-Engels, tạp chí của Viện Marx-Engels, Moscu T.I. 1926.

Chưa xuất bản bằng tiếng Pháp. (V La Revue Socialiste No II, 5 1947).

Vài chữ viết tắt:

GA. Marx-Engels Gesamtausgabe (Oeuvres, complète. Idem).

NA. Aus dem literarischen Nachlass (Tác phẩm di cảo F. Mehring xb).

Chú thích:

[1] Bảng kê khai này gồm 2 phần: Phần thứ nhất (A) gồm các tiêu đề các tác phẩm, văn thư và những bài báo cốt yếu của Mác xếp theo thứ tự thời gian, có ghi lần xuất bản thứ nhất và các lần tái bản bằng nguyên văn và bản dịch Pháp văn. Phần thứ hai (B) gồm các thư từ Mác viết hay nhận được xếp đặt theo tên người viết.

[2] Xem chương I của bản thảo về Travail aliéné trong Revue Socialiste tháng 2/1947 – Bản dịch của M.R.

[3] Trừ loạt bài về Questions polonaises devant l’assemblée (de Francfort (F. Alcan, Paris) và bài về Juin 1848 (P Riazanov, Biblioth. Marx. Số 6).

[4] Một số bài của New-York Tribune, soạn thảo chống lại Palmerston đã được in thành truyền đơn ở Londres 1853-54.

[5] Marx chỉ trích lỗi văn của Kinkel phân tách nền ngoại giao Áo trong trận giặc Ý v.v...

[6] về chiến tranh phân ly ở Mỹ quốc, sự cạnh tranh Anh Mỹ, gián điệp thương mại, khủng hoảng về bông, tình trạng tài chánh tại Pháp v.v...

[7] Bản dịch mới của J. Molitor – cuốn I, II, III gồm 14 cuốn NXB A. Costes.

[8] Theo chương trình của D. Riazanov, nhiều cuốn trong bộ GA của Học viện Marx-Engels phải in những tài liệu về cuộc đời hoạt động của Marx trong A.I.T.

[9] Xem “Communication confidentielle” của Tổng Cố vấn trong “Lettres à Kugelmann” Bibliothèque Marxiste, Số II (E.S.I.) trang 132 và tiếp theo.

Phụ lục II. Đối chiếu niên biểu đời Karl Marx

5-5-1818 – Ngày sinh của Karl Marx ở Trèves, con thứ hai trong số 8 người con của luật sư Heinrich Marx.

Những nguyên tắc của khoa học kinh tế chính trị học, của D. Ricardo, 1817.

Luận về nguyên lý dân số, của Th. R. Malthus, 1826.

1835 - Thi ra trường trung học (Abitur).

Hegel mất năm 1831, Goethe năm 1832.

Ngày lễ của những người tự do ở Hambach.

Thất bại của cuộc nổi dậy của sinh viên Đức, 1833.

Ludwig Boerne ở Ba-Lê, Phóng văn của người theo xã hội chủ nghĩa (pamphlet socialiste) của Ludwig Gall, 1835.

1835-36 - Ở đại học Bonn Học luật. “Hội thi nhân” (E. Geibel, K. Gruen). Đính hôn (bí mật) với Jenny von Westphalen, sinh năm 1814.

Đời Chúa Kitô (Vie de Jésus), của D. F. Strauss, 1835.

Hội kín, Liên minh những người bị lưu đày (Ligue des Bannis). Nội chiến ở Tây Ban Nha (Espartero).

1837,41 - Ở đại học Bá-Linh, Học luật (với những giáo sư Gans, Savigny).

Điện báo.

(Wheatstone, Morse)

“Hội tán sĩ” gồm những đệ tử của Hegel (Jeunes Hegéliens) (Bruno Bauer, Rutenberg, Koeppen, Ed, Meyen).

Những nguyên tắc của khoa học kinh tế chính trị học, của H. Ch. Carey. Cái chết của Ch. Fourier.

1838 – Ông thân Karl Marx qua đời.

Bản chất của nhân loại L'Humanite telle qu'elle est của W. Weitling, 1838.

1840 – K. F. Koeppen (học giả tương lai về Phật giáo) đề tặng Karl Marx tác phẩm của Ông: Frédéric le Grand và những địch thủ.

Liên minh những người công bằng, Liebig thành lập ngành hoá học Nông nghiệp.

Mendel khởi công nghiên cứu về di truyền, 1840.

1841 – Karl Marx nhận lãnh cấp bằng tân sĩ ở Iéna.

B. Bauer bị đuổi khỏi ghế khoa trưởng Bonn.

M. Hess, nhiều hơn Karl Marx 10 tuổi, coi Karl Marx là “tổng hợp của Rousseau, Voltaire, Lessing, Hegel và Heine”

Tư hữu là gì? (Qu'est-ce que la propriété) của P. J. Proudhon. Những bài thơ của một người sống, của G. Herwegh.

Lâm than của giai cấp lao động (Do la misère des classes laborieuses...) của Buret.

Nước Anh: Liên minh chống đạo luật lúa mì, Anticorn-Law League (R.Cobden) chiến tranh chính phục ở Ấn.

1842 – Bước đầu trong nghề làm báo. Cộng sự viên, rồi quản nhiệm tờ Rheinische Zeitung ở Cologne.

Nha phiên chiến tranh ở Tầu. Bảo đảm quân bình (Garantie de l'Harmonie) của Weitling 1842.

1843 – Theo sự yêu cầu của Nga Hoàng Nicolas đệ nhất, ban kiểm duyệt Phổ ngăn trở công việc làm báo của Karl Marx, Karl Marx rời quản nhiệm tờ Rheinische Zeitung.

Hôn nhân của Karl Marx với Jenny von Westphalen. Chính phủ Phổ cho Karl Marx một chân biên tập tờ Công báo (Journal de l'Etat).

Những luận án tạm thời cho vấn đề cải tổ Triết học (Thèses provisoires pour la Réforme de la Philosophie) của L. Feuerbach.

Lauves, người Anh, dựng xưởng chế tạo phân hoá học đầu tiên.

1843-45 – Lưu trú ở Ba-Lê (Niêm giám Pháp - Đức, Annales franco-allemandes biên tập: K. Marx và A. Ruge)

Flora Tristan (14-11-1844) từ trần.

Nietzsche mở mắt chào đời (1844)

Tiếp xúc với Liên Minh những người công bằng.

Phác hoạ một phê bình về kinh tế chính trị học (Essquisse d'une critique de l'Economie politique) của F. Engels

Jenny, con đầu lòng của Marx chào đời.

Độc nhất và tư hữu của nó (L'unique et sa propriété) của Max Stirner.

Tiếp xúc thân mật với H. Heine, Proudhon. Bắt đầu làm bạn với F. Engels.

Tiếng hát của những người thợ dệt, của H. Heine, đăng trên tờ Vorwaerts.

Hợp tác với tờ Vorwaerts. Gặp gỡ Bakounine.

Tháng giêng 1845: Karl Marx bị trục xuất. Gặp Louis Blanc.

Hợp đồng với nhà xuất bản Leske để in Phê bình Chính trị và Kinh tế chính trị học (Critique de la Politique et de l' Economie politique).

1845 – 48 - Lưu trú ở Bỉ.

Gia đình Thánh (La Sainte Famille) ra mắt ở Francfort.

11 Luận án phê bình về Feuerbach. Engels định cư ở Bỉ.

Khởi thảo về lý thuyết duy vật về lịch sử.

Nghiên cứu kinh tế.

Tháng bảy, tháng tám 1845, Karl Marx và Frédéric Engels du lịch sang Anh để nghiên cứu.

Laura Marx chào đời (tháng 7). Tháng 12 năm 1845: Karl Marx từ bỏ quốc tịch Phổ.

Hoàn cảnh giai cấp lao động ở Anh (Situation de la classe laborieuse en Angleterre) của Engels, 1845.

1845 - Thiết lập, do sáng kiến của K. Marx và F. Engels, những uỷ ban liên lạc cộng sản.

Ở Anh: bài bỏ đạo luật lúa mì. Post-scriptum aux Miettes Philosophiques, của Soren Kierkegaard.

Xung đột với Weitling, Kriege.

Proudhon trả lời một cách cho qua chuyện, về vấn đề tham gia của ông vào những uỷ ban liên lạc. Không tìm được nhà xuất bản nào để in Ý thức hệ Đức, Marx và Engels đành quảng bản thảo cho “lời phê bình găm nhăm của những chú chuột nhắt”. Edgar Marx chào đời tháng 12 năm 1846.

Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế, hay triết học lảm than của Proudhon. (Système de contradictions économiques, ou Philosophie de la misère)

Trong một thư gửi cho Annenkov, K. Marx phê bình cuốn Triết học lảm than của Proudhon.

1847 – Karl Marx trở thành hội viên của Liên minh những người công bằng, bây giờ đã cải ra là Liên minh những người cộng sản.

Bày bán Lâm than của Triết học. Trả lời triết học lâm than của Proudhon.

Ở Đức: convocation du premier Landtag reuni.

Karl Marx tham dự Hội nghị Tự do mâu dịch ở Bỉ.

Đệ nhị hội nghị của Liên minh những người cộng sản ở Luân đôn, tháng 11 - tháng 12 năm 1847.

Trở thành phó chủ tịch của Hiệp Hội dân chủ. Bút chiến với Karl Heinzen.

Karl Marx tham dự khoáng đại hội nghị của Liên minh những người cộng sản và được giao phó việc soạn thảo.

Tuyên ngôn của đảng cộng sản.

Ông đọc một bài diễn văn trong 1 cuộc biểu tình do nhóm Dân chủ huynh đệ (Fraternal Democrats) tổ chức để ủng hộ Ba Lan cách mạng.

1848 - Sốt sáng góp phần vào những biểu dương của Hiệp hội dân chủ.

Diễn văn về Tự do mâu dịch.

Soạn thảo bản tuyên ngôn của đảng Cộng sản. Chính phủ lâm thời của nền Cộng hoà Pháp mời K. Marx đến nước Pháp. Cách mạng tháng Hai.

Bản Tuyên ngôn của đảng Cộng sản ra đời ở Luân đôn, tháng 2-1848. Những cuộc vận động cách mạng ở Đức (Mannheim, Berlin) và ở Áo (những cuộc nổi dậy ở Vienne tháng ba, tháng năm và tháng mười)

K. Marx bị trục xuất khỏi Bỉ.

Ở Ba Lê, Ông chống lại sự kích động của Hội dân chủ Đức nhằm sửa soạn đưa sang Đức một đoàn nghĩa dũng binh.

Karl Marx tổ chức cho nhiều hội viên Liên minh cộng sản trở về Đức.

Soạn thảo những đòi hỏi của đảng cộng sản ở Đức (Les Revendications du parti communiste en Allemagne).

Karl Marx và F. Engels đến Cologne.

Karl Mark, chủ bút tờ Tân Báo miền Rhin (Nouvelle Gazette Rhénane).

Tờ Tân Báo miền Rhin cổ xúy chiến tranh cách mạng chống lại nước Nga, chiến tranh đưa đến kết quả là việc thành lập nền Cộng hoà Đức, một vài bất phân.

Ở Đức: Quốc hội họp ở Francfort 18 tháng 5.

Bài báo của K. Marx viết về “Cách mạng tháng sáu” khiến một số đông những người cổ phần rút ra khỏi tờ Tân Báo miền Rhin.

Những ngày tháng sáu ở Ba Lê.

Đệ nhất đại học của những người dân chủ miền Rhin, tháng tám 1848.

Xung đột với Weitling, Karl Marx du lịch sang Vienne.

Đình chiến giữa Đức – Đan Mạch trong trận giặc Slesvig Holstein.

Giới nghiêm ở Cologne, tiếp sau những cuộc biểu tình của dân chúng phản đối đình chiến Đức – Đan Mạch.

Karl Marx đích thân điều khiển Hiệp hội thợ thuyền Cologne.

Ông sỉ vả sự phản bội của giai cấp trưởng giả Đức, đồng thời công bố chính sách khủng bố cách mạng như là phương tiện duy nhất để giảm thiểu những bệnh ấu trĩ của xã hội mới.

Cách mạng bùng nổ ở Viên, tháng mười một 1848.

Tan rã của Quốc hội Phổ, tháng 12.

Kêu gọi (hộ hào đình công tiền tệ, và võ trang kháng chiến). 1849 – Karl Marx trước mặt những hội viên bồi thẩm ở Cologne. Ông được tha bổng.

Ý và Hung gia Lợi nổi dậy chống Áo.

Tân Báo miền Rhin đăng những câu chuyện của Marx nói với Bruxelles: Làm công và Tư bản (Travail salarié et Capital)

Những khó khăn tài chánh. Số cuối của Tân Báo miền Rhin ra mắt ngày 18-5. Marx bán sạch đồ đạc để thanh toán những món nợ của Rhin Tân Báo.

Đến Ba Lê đầu tháng sáu. Chính phủ Pháp chỉ định cho Karl Marx một chỗ ở trong miền Morbihan.

Lasalle tổ chức một cuộc quyên tiền cho Karl Marx.

Karl Marx dời Ba Lê (tháng tám) đi Luân đôn, nơi ông định cư vĩnh viễn cùng với gia đình.

Con trai thứ hai của Marx, là Guido chào đời. Những cuộc nói chuyện ở câu lạc bộ thợ thuyền ở Đức ở Luân Đôn.

1850 - Karl Marx tổ chức giúp đỡ những người tị nạn Đức.

Phổ có một hiến pháp.

Xuất bản tờ Rhin Tân Báo Tạp chí (Nouvelle Gazette Rhénane - Revue), tháng ba.

Gia đình Marx bị đuổi khỏi chỗ trú ngụ vì không trả tiền thuê nhà.

Quân bình kinh tế (Harmonies économiques) của F. Bastiat.

Ủy ban trung ương Liên Minh cộng sản quyết định tái thiết những công xã (communes)

La statique sociale của H. Spencer

Thành lập Hội quốc tế những người cộng sản cách mạng (Société universelle des communistes révolutionnaires).

Karl Marx làm quen với W.Liebknicht.

Xung đột với nhóm Willich – Schapper.

Phân ly trong Liên Minh, Karl Marx trở lại với nghiên cứu kinh tế.

Engels định cư ở Manchester, trong thương điếm của cha ông.

Bé Guido mất. Số cuối (đôi) của Rhin Tân Báo - Tạp chí có bài chiến tranh nông dân (guerre des paysans) của Engels (tháng 11 năm 1850).

Mazzini - Bầu cử Louis Napoleon Bonaparte, 10 tháng 12.

1851 - Suốt năm, Karl Marx tận lực làm việc ở Bảo tàng viện Anh (British Museum). Nghiên cứu địa nhuận, tiền tệ.

“Banquet des Egaux” để kỷ niệm cách mạng tháng hai (Willich, Schapper, những người blanquistes, Louis, Blanc, Harney, v.v...), 24 tháng hai 1851, ở Luân Đôn.

Gặp Louis Blanc. Khó khăn tài chánh trầm trọng.

Đường dây điện ngầm dưới đáy biển đầu tiên, Dover – Calais. Engels trợ giúp bạn, Sinh nhữt Franciska (2-83) Hermann Becker in tập sách đầu (vẫn độc nhất) của bộ Luận chọn lọc của Karl Marx, Cologne.

Karl Marx kiếm một nhà xuất bản để in tác phẩm kinh tế của ông mà ông cho là có thể hoàn thành trong 1 thời gian ngắn.

Sự bắt giữ những hội viên Đức trong Liên minh Cộng sản (Ligue Communiste, Nothjung, Becker, Roeser, Buerger).

Tờ New York Daily Tribune cho K. Marx một chân thông tin viên. Engels viết những bài báo đầu tay. (Cách mạng và chống cách mạng ở Đức).

Những ý tưởng tổng quát của Cách mạng ở thế kỷ 19 (Idées générales de la Revolution au XIXè

siècle), của Proudhon. Đảo chánh của Louis Napoleon Bonaparte.

1852 – Karl Marx gửi cho Weydemeyer, quản nhiệm tờ Cách mạng (Revolution) ở Nữ Ớc, một số bài về 18 Brumaire.

Lo lắng vật chất ngày một tăng trong gia đình Marx. Trong 1 thư gửi Weydemeyer (ngày 5 tháng 3), Karl Marx tóm tắt trong 3 điểm, cái mới mẻ trong giáo điều của ông: phương diện lịch sử của đấu tranh giai cấp, vô sản chuyên chính như giai đoạn chuyển tiếp, xã hội không giai cấp.

Franciska mất (ngày 14 tháng 4).

Karl Marx soạn 1 cuốn sách nhỏ nói về những vĩ nhân của lưu đày (Les grands hommes de l'exil), trong đó ông chế diễu những lãnh tụ tiểu tư sản di cư sang Anh. Bản thảo không được tìm thấy lại.

Những bài đầu tiên của Karl Marx cho Nữ Ớc diễn đàn (New York Tribune).

Khai mạc vụ xử những người cộng sản ở Cologne, tháng mười 1852. Napoleon III, hoàng đế nước Pháp.

Karl Marx viết 1 cuốn sách về vụ án những người cộng sản ở Cologne.

Do đề nghị của K. Marx, Liên minh cộng sản tuyên bố giải tán.

1853 – sau 1 năm gián đoạn K. Marx lại tiếp tục nghiên cứu kinh tế, nhưng bệnh tật và những công việc làm báo không cho phép ông theo đuổi. Mãi cho tới năm 1857 ông mới lại chuyên tâm vào việc nghiên cứu lý thuyết được.

Những bài viết cho Nữ Ớc Diễn đàn và cho tờ People's Paper của cơ quan Chartiste, chuyên trị về những đề tài chính trị thuộc thời sự, đặc biệt là về chính sách của những nội các Anh, những vấn đề thuộc địa (Ấn, Tàu), cuộc xung đột Nga - Thổ, v.v...

Những đạo quân Nga chiếm cứ những quận ven sông Danube, Thổ Nhĩ Kỳ tuyên chiến với Nga (tháng 10 năm 1852).

Lại liên lạc với Lasalle. Một bài của K. Marx về Palmerston.

(Palmerston and Russia) được phổ biến dưới hình thức truyền đơn.

1854 – Những bài báo khác chống Palmerston được in dưới hình thức những truyền đơn.

Pháp và Anh (nội các Whig do Lord Palmerston điều khiển) ký một minh ước với Thổ (Tháng ba, 1854), chiến tranh Crimée (1854 - 1856)

Karl Marx học tiếng Tây Ban Nha và đăng trong Nữ Ớc Diễn đàn những bài viết về cách mạng Tây Ban nha.

1855 - Karl Marx cộng tác với tờ Neue oder – Zeitung ở Breslau.

S. Kierkegaard tạ thế. Quân Nga chiếm Kars (tháng mười một, 1855).

Ngày sinh của Eleanore (16 tháng giêng) Edgar (Musch) chết (6-4). Nhiều bài cho Nữ Ước Diễn đàn.

1856 - Những bài cho New York Tribune, People's Paper, Free Pres, v.v...

Hoà ước Ba lê, 30 tháng ba 1856 Henri Heine chết.

Bessemer phát minh phương pháp biến đổi sắt thành thép.

K. Marx nghiên cứu lịch sử và văn minh Slaves. Những diễn văn về tiến bộ kỹ thuật và cách mạng vô sản, trong dịp lễ do People s Paper tổ chức.

Jenny Marx hưởng thừa kế của mẹ. Gia đình Marx ở trong một ngôi nhà to lớn hơn.

K. Marx nghiên cứu lịch sử Ba lan.

1857 - Karl Marx bắt đầu soạn thảo cuốn Phê bình kinh tế chính trị học (Critique de l'Economie politique).

Anh – Pháp liên minh đánh Tàu (1857-60)

Những bài viết cho New York Tribune về chiến tranh Anh – Hoa. Lo lắng vật chất và bệnh tật.

Tan rã của Công ty Ấn (Compagnie des Indes)

Jenny Marx hạ sinh một bé trai chết ngay khi mới lọt lòng mẹ.

Những bài tiểu sử cho New American Cyclopaedia.

K. Marx tiếp tục những khảo cứu của ông về kinh tế và phác họa dàn bài của tác phẩm. Bác sĩ cấm ông làm việc ban đêm.

1858 - Bệnh tật, những lo lắng vật chất.

Triết học Héraclite (La Philosophie d'Héraclite) của F. Lassalle.

Đọc Luận lý của Hegel. Tạp bút cho New York Tribune.

Nhờ sự môi giới của Lassalle, Karl Marx ký với nhà xuất bản Dunker một giao kèo để in tác phẩm của ông dưới hình thức từng tập mỏng.

Rất nhiều bài viết cho New York Tribune không được ấn hành.

Tuyên ngôn của Mazzini (tháng chín)

Karl Marx hoàn thành bản thảo tập nhất của cuốn Giúp vào việc phê bình chính trị học (Contribution à

la critique de l'économie politique)

1859 - Những bài cho New York Tribune.

Chiến tranh của Pháp và Sardaigne chống Áo.

Engels xuất bản 1 cuốn sách về chiến tranh.

Nga chiếm Caucase

Pháp – Ý – Áo: Le Pô et le Rhin

Nguồn gốc các loài (L'Origine des espèces) của Ch. Darwin.

Karl Marx đọc Nghiên cứu về hoàn cảnh hiện thời của Âu-châu, và có được niềm tin rằng, tác giả, Karl Vogt phục vụ cho tuyên truyền theo Bonaparte.

Những khảo cứu về thể chế xã thôn v.v... của G.L. von Maurer.

Lassalle xuất bản một cuốn nói về Chiến tranh Ý và nhiệm vụ của Phổ, trong đó ông phát biểu một ý kiến khác với Marx và Engels.

Cộng tác với Volk, tuần báo phát hành ở Luân đôn, do E.Biscamp sáng lập.

Liên lạc bằng thư với Lassalle về đề tài kịch của Franz de Sickingen.

Bày bán ở Bá Linh cuốn Phê bình kinh tế chính trị học.

Karl Marx đích thân điều khiển tờ Volk, nhưng tờ này ngưng ra, vì thiếu phương tiện.

Karl Marx phê bình cuộc đời chính trị của Kossuth trong Free Press.

Liên kết giữa Kossuth (lãnh tụ cách mạng Hung năm 1848) với Napoleon).

Những bài về chiến tranh Anh – Hoa.

Xung đột với Vogt và Blind.

Tranh luận với Freiligrath.

1860 - Nghiên cứu để viết tập 2 của Phê bình.

Expedition de Mille của Garibaldi.

Herr Vogt phát động một chiến dịch vu khống Karl Marx, khiến Marx kiện ở Berlin và Luân Đôn cùng viết về 1 cuốn châm biếm Herr Vogt. Karl Marx đọc Nguồn gốc các loài của Darwin.

1861 - Karl Marx bệnh tật, không tài nguyên. Đi Hoà Lan, để được ông cậu là Lion Philip ứng trước cho một số tiền trong phần gia tài của ông để lại.

Guillaume 1er, vua nước Phổ. Luật xưa và phong tục sơ khai (Ancien droit et coutume primitive) của H S. Maine.

Luật mẫu quyền (Le Droit matriarcal) của Bachofen.

Hoạch định việc phát hành 1 tờ báo, và đi Bá Linh ở nhà Lassale, để bàn cãi về dự định ấy.

Gặp lại rất nhiều bạn thân cũ (Koeppen, v.v..) Viếng thăm mẹ, ở Trèves.

Nội chiến ở Hiệp chủng quốc (1861 - 1865)

Karl Marx tham gia vào hoạt động gỡ tội cho Blanqui, đang tù.

Bên Nga: Alexandre II bãi bỏ chế độ nông nô.

Một đơn xin tái nhập quốc tịch Đức của Karl Marx bị bác bỏ. Karl Marx lại tiếp tục công cuộc nghiên cứu khoa học của ông, cộng tác với New York Tribune (tháng 9) và Presse de Vienne.

1862 - Karl Marx, quanh năm suốt tháng, say sưa với tác phẩm khoa học của ông.

New York Tribune báo cho K. Marx biết phải từ chối những bài của ông vì nội tình Hiệp chủng quốc. Lo lắng tài chánh tăng thêm.

Lassale ở Luân Đôn, cho Marx biết những dự định chính trị của ông ta. Những bài cho Presse de Vienne.

Trong những thư gửi Engels, Karl Marx khai triển phê bình của ông về lý thuyết Ricardo về địa nhuận (rente fonciere)

Lại du lịch sang Hoà Lan, Trèves, nhưng mẹ ông từ chối mọi sự trợ giúp.

Bismarck trở thành Thủ Tướng Phổ.

Trở về Luân Đôn, Karl Marx nạp đơn xin 1 chân ở Hoả xa Anh. Trượt, vì chữ viết xấu.

1863 - Lầm than vật chất trong gia đình Marx.

F.Lassalle loạn thần kinh.

Bạn thân của Engels, Mary Burns từ trần.

Nổi dậy ở Ba Lan.

Karl Marx làm việc rất nhiều ở British Museum, nghiên cứu toán học.

Thời thượng cổ của nhân loại (L'Antiquité de l'homme) của Lyell.

Bắt đầu viết thật sự cuốn Tư bản (Capital).

Hoạt động cứu trợ Ba Lan.

Bà thân sinh ra Marx qua đời, Marx đi Trèves, rồi tới ông cậu ở Hoà Lan.

1864 - Karl Marx đau đầu đình nhưng làm việc và đọc nhiều.

Lassalle bị giết trong 1 cuộc quyết đấu (31 tháng 8)

J.B Schweitzer và những đệ tử khác của Lassalle ngỏ ý muốn Karl Marx thế Lassalle để chỉ huy Tổng Đoàn Thợ Thuyền Đức.

Wilhelm Wolff mất.

Chiến tranh Áo - Phổ chống Đan Mạch.

Karl Marx dự cuộc biểu tình quốc tế của thợ thuyền ở Saint Martin's Hall.

Ông được bầu làm đại biểu của Đức, trong uỷ ban lâm thời Liên hiệp quốc tế Thợ thuyền (28 tháng 9)

Ông soạn khai từ (Adresse Inaugurale) và những điều lệ A.I.I. (Association Internationale des Travailleurs - Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền)

Gặp Bakounine, sau 16 năm xa cách.

B. Becker nối bước Lassalle, chỉ huy Tổng Liên đoàn Thợ Thuyền Đức.

Hứa với Scheveitzer là sẽ đóng góp vào Dân chủ xã hội (Social Demokrat), cơ quan ngôn luận của Tổng Liên Đoàn Thợ Thuyền Đức.

Tái đắc cử của Lincoln vào chức tổng thống Hiệp chủng quốc (tháng 11)

1865 - Karl Marx làm việc suốt năm cho cuốn Tư bản.

Karl Marx đăng 1 bài về Proudhon trong Social Demokrat.

Proudhon mất.

Cobden loạn thần kinh.

Karl Marx quen biết Paul Lafargue, xung đột với Schweitzer và Social – Demokrat.

Tư bản và Cần lao (Capital et Travail) của E. Duhring.

Lincoln bị ám sát.

Ở hội đồng trung ương Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền, Marx mở nhiều cuộc nói chuyện về: Lương bổng, giá cả và tiền lời (salaire, prix et profit)

Cuộc hội đầu của Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền ở Luân Đôn (25-29 tháng 9)

Karl Marx kết thúc bản thảo đầu 3 cuốn trong Tư Bản.

1866 - Karl Marx bắt đầu viết hần cuốn đầu trong Tư Bản.

La constitution agraire de la Russie của A. von Haxthausen.

Diễn văn về Ba lan.

Đau đầu đình. Lo lắng tài chánh.

Chiến tranh Áo - Phổ.

Những chuẩn bị cho kỳ hội của Liên đoàn Quốc tế Thợ thuyền. Marx thảo những đề án cho chương trình nghị sự.

Kết thúc việc soạn Tư Bản.

Chiến tranh giữa Áo và Ý.

1867 - Những lo lắng vật chất lớn lao.

Karl Marx tuyên truyền cách công khai ý tưởng một cuộc chiến tranh chống Nga, sửa soạn đất cho một cuộc cách mạng thợ thuyền.

Tập đầu Tư bản ra mắt (tháng 9)

Đau đầu đình cùng chứng mất ngủ không cho phép Karl Marx tiếp tục công cuộc nghiên cứu.

Joseph Dietzgen viết cho K. Marx.

Những chỉ thị cho W. Liebknecht về hoạt động nghị viện.

1868 - Bệnh tật, cùng rất túng thiếu. Engels gửi đến những món tiền quan trọng.

Karl Marx đọc những tác phẩm của Duhring.

Đọc về thôn xã nguyên thủy.

Hôn nhân giữa Laura Marx với P. Lafargue

Cải thiện trong bang giao với J.B.Schweitzer.

Thành lập Liên minh dân chủ xã hội (Alliance de la démocratie socialiste) (J.Ph. Becker,

Bakounine).

Trao đổi thư từ với người Nga Danielson.

Bakounine tuyên bố là đồ đệ của Marx. Theo đề nghị của ông này, hội đồng tối cao Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền (AIT) bác đơn xin gia nhập của Liên minh Dân chủ xã hội.

1869 - Engels bảo đảm cho Karl Marx hàng năm một khoản tiền.

Những khảo cứu của I.Galton về di truyền.

Karl Marx làm việc cho cuốn sách thứ 2 về Tư bản.

Trao đổi thư với De Paepe về lý thuyết Proudhon.

Lưu trú ở Ba lê, tại nhà Lafargue, dưới một tên giả.

Tái bản 18 Brumaire.

Du lịch với Jenny Marx, tại nhà Kugelmann ở Hanovre.

Hội nghị Eisenbach. Đại hội Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền (AIT) ở Ba lê.

Phỏng vấn J. Hamann về sự quan trọng của những nghiệp đoàn.

Nghiên cứu lịch sử Ái Nhĩ Lan.

Karl Marx bắt đầu học tiếng Nga.

Bản chất cần lao não óc của con người (l'Essence du travail cérébral de l'homme) của J. Dietzgen.

Nghiên cứu về địa nhuận.

1870 - Việc làm âm thầm của Bakounine chống Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền (AIT).

Karl Marx đọc những tiểu luận của Herzen, hoàn cảnh giai cấp thợ thuyền ở Nga (Situation de la classe ouvrière en Russie) của Flerovski (bằng tiếng Nga)

Chiến dịch ủng hộ giải phóng những người Fenians.

Thành lập ở Geneve một chi hội Nga trực thuộc Liên đoàn Quốc tế Thợ thuyền (AIT)

Thông cáo có tính cách kín đáo chống lại Liên Minh (Alliance) của Bakounine.

Schapper mất.

Karl Marx nhận được từ Genève ấn bản đầu tiên bằng tiếng Nga của cuốn Tuyên ngôn cộng sản (1869)

Karl Marx viết Thông điệp số 1 (1re Adresse) của AIT về chiến tranh Đức – Pháp.

Sự bắt giam những hội viên Pháp trong Liên đoàn Quốc tế Thợ thuyền (AIT)

Phân ly trong những chi hội Suisse romande. Chiến tranh Đức – Pháp.

Những bài về quân sự của Engels trong Pall Mall Gazette.

Karl Marx cho Serrailier những phương châm chiến thuật để áp dụng vào hoạt động của đoàn viên ở Ba lê trong AIT.

Công bố nền Cộng hoà ở Pháp (tháng chín)

Thông điệp số 2 về chiến tranh Đức – Pháp.

Engels định cư ở Luân đôn.

Hoạt động mạnh của Karl Marx ở hội đồng tối cao Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền (AIT) cho nền Cộng Hoà Pháp.

1871 - Hoạt động mạnh của Karl Marx ở hội đồng tối cao Liên đoàn quốc tế thợ thuyền cho Công xã (Commune). Ông gửi những chỉ thị cho Frankel và Varlin, và thảo thông điệp về Nội chiến ở Pháp.

Guillaume 1er de Prusse, hoàng đế nước Đức.

Danielson gửi đến cho ông hàng lô những tác phẩm Nga nói về nông xã (mod).

Karl Marx bị báo chí trưởng giả công kích kịch liệt.

Vụ án Netchaiev.

Hội nghị của Liên đoàn Quốc tế thợ thuyền ở Luân Đôn (17-22 tháng 9). Karl Marx tái đắc cử thư ký chuyên trách Nga.

Stanley Jevons (Théorie de l'Economie politique) và Karl Menger (Principes de l'Economie politique) trình bày lý thuyết ích lợi bên lề (Utilité marginale).

Làm việc cho bản tiếng Đức thứ hai của cuốn Tư bản I.

1872 - Cùng soạn với Engels thông cáo bí mật về những cái gọi là phân ly trong quốc tế (Les Pretendues Scissions dans l'Internationale) chống lại sự dao động có tính cách phá hoại của những người theo Bakounine ở Thụy Sĩ.

Hợp đồng với Lachatre về ấn bản bằng tiếng Pháp cuốn Tư bản I. Trông nom và sửa chữa bản dịch của Roy.

Danielson gửi cho Karl Marx 1 cuốn bản dịch tiếng Nga của Tư bản I.

Cùng với Engles can thiệp để chống lại chủ nghĩa Lassalle trong đảng Dân chủ Xã hội Đức.

Cùng Engels viết tựa cho ấn bản mới bằng tiếng Đức cuốn Tuyên ngôn Cộng sản.

Chuẩn bị cho kỳ đại hội lần thứ 5 của Liên đoàn quốc tế Thợ thuyền ở La Haye. Karl Marx tham gia tích cực. Trụ sở hội đồng tối cao dời về New York.

Hôn nhân giữa Jenny Marx với Charles Longuel.

1873 - Karl Marx đọc nhiều loại sách Nga.

Phát hành ấn phẩm thứ hai của Tư bản I. Karl Marx gửi 1 mớ cho Darwin và S. Spencer.

Bác sĩ của K. Marx cấm ông làm việc.

Nhà cách mạng Nga Lopatine trốn khỏi Tây bá lợi Á.

1874 - Bộ trưởng nội vụ Anh bác đơn xin gia nhập quốc tịch của Karl Marx (“this man was not loyal to his king”)

Những yếu tố của kinh tế chính trị học thuần túy (Éléments d’Economie politique) của Léon Walras.

Karl Marx đi Karlsbad để trị bệnh.

1875 - Karl Marx gửi cho Bracke những ghi chú bên lề cho chương trình Gotha (notes marginales pour le programme de Gotha).

Những bài giảng về lịch sử những định chế nguyên thủy (Lectures sur l’Histoire des Institutions primitives) của H.S. Maine.

Ra mắt bản thảo cuối của ấn phẩm Pháp của Tư bản I.

Nghiên cứu về nước Nga.

Karl Marx nghiên cứu những vấn đề điền địa Nga, những hình thức của tư hữu xã thôn nguyên thủy.

Lịch sử Công xã (Histoire de la Commune) của P.O. Lissagaray. Richard Wagner, ở Bayrouth.

Lưu trú ở Karlsbad.

Giao thiệp thân hữu với P. Lavrov và M. Kovalevski

1877 - Tham gia chiến dịch báo chí chống lại đường lối chính trị thân Nga của Gladstone.

Xã hội bán khai (La Société primitive) của L.H. Morgan

Soạn thảo bộ Tư bản tập II.

Đau chứng mất ngủ và thần kinh.

Cộng tác vào việc biên soạn cuốn Anti-Duhring của F. Engels.

Lưu trú ở Neuenahr và trong Forêt Noire với Jenny Marx, ồm, và Eleanor.

Trả lời (chưa in) cho Narodnic Mikhailovski

Lịch sử Dân chủ Xã hội Đức (Histoire de la Sociale-Democratie Allemande) của F. Mehring.

1878 - Nghiên cứu về vấn đề đông phương, nông xã Nga.

Nghiên cứu kinh tế để soạn thảo Tư bản II.

Những đạo luật chống xã hội chủ nghĩa của Bismarck.

Nghiên cứu địa chất học.

Chiến dịch chống Bismarck và Lothar Bucherl

Thư từ với Danielson.

Đọc khoa học (Du Bois Reymond, Descartes, Leibniz, v.v...)

Anti – Duhring, của F. Engels.

1879 - Chống thuyết may rủi (l'opportunisme) của Hochberg và tất cả phe nghị viện dân chủ xã hội (Kayser, Bernstein, v.v...)

Đọc sách Nga.

Nghiên cứu sử.

Edison phát minh đèn cháy đỏ. Thomas tìm ra phương pháp điều chế Phốt pho.

Karl Marx soạn một bản Điều tra thợ thuyền (enquête ouvrière) cho đảng Lao động Pháp (Parti ouvrier français)

Tiến bộ và nghèo đói (Progrès et pauvreté) của Henry George.

Làm quen với M. Hyndman.

Chống thuyết may rủi.

Sozial-demokrat của Liebknecht.

Bebel, Bernstein, và Singem ở nhà Marx.

Đọc Morgan, Maine, Darwin, v.v...

Mùng 1 tháng 3 Nga Hoàng Alexandre II bị ám sát

1881 - Karl Marx tiếp xúc với những người cách mạng Nga.

Bệnh của Jenny Marx.

Trao đổi thư với Vera Zassoulitch, Danielsom, Niewenhuis.

Kautsky ở nhà Marx.

Karl và Jenny Marx đi thăm con gái, Jenny ở Argenteuil.

Jenny Marx chết vì ung thư gan (2 tháng 12)

1882 - Nhiều bài đọc về những vấn đề điền địa Nga.

Cùng Engels, viết 1 bài tựa cho 1 bản dịch mới ra tiếng Nga cuốn Tuyên ngôn cộng sản.

Đi du lịch Pháp, nghỉ ở nhà Jenny Longuet.

Lưu trú ở Alger, tình trạng sức khỏe kém. Nghỉ ở Nice, Monte-Carlo, Enghien, Lausanne, Genève, Vevey, Ventnor.

Karl Marx chú ý theo dõi những thí nghiệm của Deprey. Đọc và nghiên cứu về vật lý và toán học.

Deprez làm những cuộc thí nghiệm về chuyển vận điện qua quãng cách (transport de l'électricité à distance)

1883 - Jenny mất ở Ba Lê (11 tháng giêng)

Karl Marx đau khổ cả về thể xác lẫn tinh thần (bronchite, sưng cuống họng, abcès ở phổi). Ông từ trần ngày 14 tháng 3. Ông được an táng tại nghĩa trang Highgate, Luân Đôn.

Ainsi parla Zarathoustra của F. Nietzsche.

1885 - Ấn hành cuốn thứ hai của Tư bản, do Frédéric Engels.

Ấn hành cuốn thứ 3 của Tư bản, do Frédéric Engels.

1895 - Frédéric Engels chết.

LÊ MINH KHUÊ

(dịch)